

Quyển 26

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA Phần 2 của DU GIÀ XỨ - Thứ 1

Hỏi: Trong phần Xuất ly địa ở trước đã nêu ra, đã khai thị: **1.** Có bao nhiêu phẩm loại bổ-đặc-già-la năng chứng xuất ly? **2.** Sao gọi là kiến lập bổ-đặc-già-la? **3.** Sao gọi là sở duyên? **4.** Sao gọi là dạy trao? **5.** Sao gọi là học? **6.** Sao gọi là tùy thuận pháp học? **7.** Sao gọi là hoại Du-già? **8.** Sao gọi là Du-già? **9.** Sao gọi là tác ý? **10.** Sao gọi là việc làm của thầy Du-già? **11.** Bao nhiêu loại thầy Du-già? **12.** Sao gọi là tu Du-già? **13.** Sao gọi là quả tu? **14.** Có bao nhiêu loại môn khác của bổ-đặc-già-la? **15.** Có bao nhiêu loại bổ-đặc-già-la? **16.** Có bao nhiêu loại nhân duyên kiến lập bổ-đặc-già-la? **17.** Có bao nhiêu loại ma? **18.** Có bao nhiêu loại việc làm của ma? **19.** Sao gọi là phát khởi hương đến không có kết quả?

Ốt-Đà-Nam nói:

Các bổ-đặc-già-la

Kiến lập, sở duyên, dạy

*Học, tùy thuận học pháp
 Hoại, Du-già, tác ý
 Thầy Du-già, làm tu
 Quả, môn, số thủ thú
 Nhân, ma, sự, không quả
 Đây đều sẽ rộng nói.*

1. Phẩm loại bổ-đặc-già-la năng chứng xuất ly: Bổ-đặc-già-la có 28 phẩm loại sai khác năng chứng xuất ly. Sao gọi là 28 loại? Là bổ-đặc-già-la độn căn, lợi căn, tham tăng thượng, sân tăng thượng, si tăng thượng, mạn tăng thượng, tầm tư tăng thượng, được bình đẳng, có tánh trần mỏng, hành hương, trụ quả, tùy tín hành, tùy pháp hành, tín thắng giải, kiến chí, thân chứng, nhiều nhất bảy lần trở lại hữu, gia-gia, nhất gian, trung Bát-niết-bàn, sanh Bát-niết-bàn, không hành Bát-niết-bàn, có hành Bát-niết-bàn, thượng lưu, thời giải thoát, pháp bất động, tuệ giải thoát, đủ phần giải thoát.

1. Sao gọi là bổ-đặc-già-la độn căn? Như có bổ-đặc-già-la bị căn ám độn, đối với các việc sở tri, chuyển vận trì độn, chuyển vận yếu kém, như trước

đã nói. Nên biết loại bổ-đặc-già-la đây lại có 2 chủng tướng: 1. Từ xưa đến nay chủng tánh vốn sẵn độn căn; 2. Vì chưa khéo tu tập các căn.

2. Sao gọi là bổ-đặc-già-la lợi căn? Như có bổ-đặc-già-la thành tựu căn tánh thông lợi, đối với các việc sở tri, chuyển vận không trì độn, chuyển vận không yếu kém, như trước đã nói. Nên biết loại bổ-đặc-già-la đây cũng có 2 chủng tướng: 1. Từ xưa đến nay chủng tánh vốn sẵn lợi căn; 2. Đã khéo tu tập các căn.

3. Sao gọi là bổ-đặc-già-la tham tăng thượng? Như có bổ-đặc-già-la ở trong các kiếp sống trước, ở nơi phiền não tham đã tích, đã tập, đã nhiều tích tập. Do nhân duyên đây trong đời hiện tại, ở nơi những việc yêu thích liền phát khởi lòng tham mãnh lợi, phát khởi lòng tham lâu dài. Đây gọi là bổ-đặc-già-la tham tăng thượng.

4. Sao gọi là bổ-đặc-già-la sân tăng thượng? Như có bổ-đặc-già-la ở trong các kiếp sống trước, ở nơi phiền não sân đã tích, đã tập, đã nhiều tích tập. Do nhân duyên đây trong đời hiện tại, ở nơi việc oán ghét liền nhanh chóng phát khởi tâm sân mãnh lợi, phát khởi tâm sân lâu dài. Đây gọi là

bổ-đặc-già-la sân tăng thượng.

5. Sao gọi là bổ-đặc-già-la si tăng thượng? Như có bổ-đặc-già-la ở trong kiếp sống trước, ở nơi phiền não si đã tích, đã tập, đã nhiều tích tập. Do nhân duyên đây trong đời hiện tại, ở nơi việc ngu si liền phát khởi lòng si mãnh lợi, phát khởi lòng si lâu dài. Đây gọi là bổ-đặc-già-la si tăng thượng.

6. Sao gọi là bổ-đặc-già-la mạn tăng thượng? Như có bổ-đặc-già-la ở trong kiếp sống trước, ở nơi phiền não mạn đã tích, đã tập, đã nhiều tích tập. Do nhân duyên đây trong đời hiện tại, ở nơi việc kiêu mạn liền phát khởi mạn mãnh lợi, phát khởi mạn lâu dài. Đây gọi là bổ-đặc-già-la mạn tăng thượng.

7. Sao gọi là bổ-đặc-già-la tâm tư tăng thượng? Như có bổ-đặc-già-la ở trong kiếp sống trước, ở nơi phiền não tâm tư đã tích, đã tập, đã nhiều tích tập. Do nhân duyên đây trong đời hiện tại, ở nơi việc tâm tư liền phát khởi tâm tư mãnh lợi, phát khởi tâm tư lâu dài. Đây gọi là bổ-đặc-già-la tâm tư tăng thượng.

8. Sao gọi là bổ-đặc-già-la được bình đẳng? Như có bổ-đặc-già-la ở trong kiếp sống trước, tuy ở

nơi tham, sân, si, mạn, tầm tư không tích, không tập, không nhiều tích tập, nhưng ở nơi các pháp kia chưa thấy quá hoạn, chưa sanh nhàm chán hủy hoại, chưa khéo nghiệm xét tìm tòi. Do nhân duyên đây, ở nơi việc yêu thương, oán ghét, ngu muội, kiêu mạn, tầm tư, không phát khởi tham mãnh lợi, không phát khởi tham lâu dài. Nhưng ở nơi các việc kia, tham vẫn còn lưu chuyển hiện hành. Tham đã như vậy, thì sân, si, mạn, tầm tư cũng lại như thế. Đây gọi là bổ-đặc-già-la được bình đẳng.

9. Sao gọi là bổ-đặc-già-la có tánh trần mỏng? Như có bổ-đặc-già-la ở trong kiếp sống trước, ở nơi phiền não tham không tích, không tập, không nhiều tích tập. Đối với phiền não tham kia, kham năng biết chúng có nhiều quá hoạn, thường phát khởi nhàm chán hủy hoại, khéo nghiệm xét tìm tòi. Do nhân duyên đây trong đời hiện tại, ở nơi các việc yêu thích gặp duyên hiện tiền hay các cảnh mỹ diệu tốt bậc, tâm khởi tham vi tế. Còn ở trong cảnh bình thường hoặc cảnh xấu kém, tâm tham hoàn toàn không khởi. Tham đã như vậy, thì sân, si, mạn, tầm tư cũng lại như thế. Đây gọi là bổ-đặc-già-la có tánh trần mỏng.

10. Sao gọi là bổ-đặc-già-la hành hướng? Là bổ-đặc-già-la hành theo 4 hướng. Những gì là bốn? 1. Hướng đến quả Dự lưu; 2. Hướng đến quả Nhất lai; 3. Hướng đến quả Bất hoàn; 4. Hướng đến quả A-la-hán. Đây gọi là bổ-đặc-già-la hành hướng.

11. Sao gọi là bổ-đặc-già-la trụ quả? Là bổ-đặc-già-la trụ 4 quả. Những gì là bốn? 1. Trụ quả Dự lưu; 2. Trụ quả Nhất lai; 3. Trụ quả Bất hoàn; 4. Trụ quả A-la-hán. Đây gọi là bổ-đặc-già-la trụ quả.

12. Sao gọi là bổ-đặc-già-la tùy tín hành? Như có bổ-đặc-già-la tin theo người khác, cầu thỉnh dạy trao dạy răn. Do lực đây nên tu hành chứng quả hành. Bổ-đặc-già-la đây chẳng phải do như pháp đã được lắng nghe, đã được lãnh thọ, đã được rôt ráo, đã được tư duy, đã được suy lường, đã được quán sát để tự có công năng, tự có thể lực, mà chỉ do tin theo người mà tu hành. Nên được gọi là bổ-đặc-già-la tùy tín hành.

13. Sao gọi là bổ-đặc-già-la tùy pháp hành? Như có bổ-đặc-già-la như pháp được lắng nghe, được lãnh thọ, được rôt ráo, được tư duy, được suy lường, được quán sát nên tự có công năng, tự có

thế lực như pháp tu hành. Không theo người khác cầu thỉnh dạy trao dạy răn mà năng tu hành chứng quả. Đây gọi là bổ-đặc-già-la tùy pháp hành.

14. Sao gọi là bổ-đặc-già-la tín thắng giải? Đây tức là bổ-đặc-già-la tùy tín hành, nhân được người khác dạy trao dạy răn, nên ở nơi quả Sa-môn tự mình được tiếp xúc chứng đắc, gọi là bổ-đặc-già-la tín thắng giải.

15. Sao gọi là bổ-đặc-già-la kiến chí? Đây tức là bổ-đặc-già-la tùy pháp hành, ở nơi quả Sa-môn tự mình được tiếp xúc chứng đắc, gọi là bổ-đặc-già-la kiến chí.

16. Sao gọi là bổ-đặc-già-la thân chứng? Như có bổ-đặc-già-la ở nơi tám giải thoát được thuận, nghịch, xuất, nhập, tự thân tác chứng, nhiều an trụ, nhưng chưa thể chứng đắc các lậu vĩnh viễn tận. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thân chứng.

17. Sao gọi là bổ-đặc-già-la nhiều nhất bảy lần trở lại hữu? Như có bổ-đặc-già-la đã có thể vĩnh viễn đoạn dứt 3 chủng kiết sử là thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên đắc quả Dự lưu, thành tựu pháp không còn bị đọa lạc, nhất định hướng đến quả Bồ-đề, trải qua sanh tử ở cõi trời, cõi

người nhiều nhất bảy lần, sẽ chứng biên tế khổ. Đây gọi là bổ-đặc-già-la nhiều nhất bảy lần trở lại hữu.

18. Sao gọi là bổ-đặc-già-la gia-gia? Có 2 loại gia-gia: 1. Trời gia-gia; 2. Người gia-gia.

Sao gọi là trời gia-gia? Là bổ-đặc-già-la từ cõi trời này chết sanh đến một cõi trời khác. Hoặc qua hoặc lại như vậy, chứng biên tế khổ.

Sao gọi là người gia-gia? Là bổ-đặc-già-la ở chốn nhân gian, chết ở nhà này đến đầu thai nhà khác. Hoặc qua hoặc lại như vậy, chứng biên tế khổ.

Phải biết hai loại gia-gia này đều là bổ-đặc-già-la chứng quả Dự lưu.

19. Sao gọi là bổ-đặc-già-la nhất gian? Đây tức là bổ-đặc-già-la chứng quả Nhất lai, tu hành hưởng đến quả Bất hoàn. Đã đoạn tận phiền não phẩm trung, phẩm thượng của Dục giới, chỉ còn phẩm hạ chưa đoạn. Thọ sanh lại một lần hữu ở cõi trời Dục giới, ở nơi cõi trời đó đắc Bất-niết-bàn, không còn sanh trở lại thế gian này. Đây gọi là bổ-đặc-già-la nhất gian.

20. Sao gọi là bổ-đặc-già-la trung Bất-niết-

bàn? Bồ-đặc-già-la trung Bát-niết-bàn có 3 loại. Một loại bồ-đặc-già-la trung Bát-niết-bàn hữu thứ nhất, từ đây chết rồi, trung hữu nối tiếp sanh. Trung hữu sanh rồi liền Bát-niết-bàn, giống như lửa cháy nhỏ lác đác, những tia lửa vừa bắn tóe ra liền tắt. Một loại bồ-đặc-già-la trung Bát-niết-bàn hữu thứ hai, từ đây chết rồi, trung hữu nối tiếp sanh. Trung hữu sanh rồi, trải qua thời gian ngắn, chưa hưởng đến sanh hữu mà Bát-niết-bàn. Ví như hòn sắt chưa đập đem bỏ vào lửa cháy đỏ rực rồi rền đập, những tia lửa bắn tóe ra chưa rớt xuống đất liền tắt. Một loại bồ-đặc-già-la trung Bát-niết-bàn hữu thứ ba, từ đây chết rồi, trung hữu nối tiếp sanh. Trung hữu sanh rồi, hưởng đến sanh hữu, chưa đắc sanh hữu bèn Bát-niết-bàn. Ví như hòn sắt kia đưa vào lò nung đỏ xong rồi rền đập, những tia lửa bắn tóe ra, rơi xuống chưa chạm đất liền tắt.

Như vậy ba loại bồ-đặc-già-la trung Bát-niết-bàn gộp chung làm một, gọi là bồ-đặc-già-la nhất trung Bát-niết-bàn.

21. Sao gọi là bồ-đặc-già-la sanh Bát-niết-bàn? Như có bồ-đặc-già-la vừa mới sanh liền Bát-niết-bàn, nên gọi là bồ-đặc-già-la sanh Bát-niết-bàn.

22. Sao gọi là bổ-đặc-già-la không hành Bát-niết-bàn? Như có bổ-đặc-già-la sanh kia rồi, không khởi gia hạnh, không tác ý dụng công, không cần ra sức mà đạo đã hiện tại tiền, liền Bát-niết-bàn. Đây gọi là bổ-đặc-già-la không hành Bát-niết-bàn.

23. Sao gọi là bổ-đặc-già-la có hành Bát-niết-bàn? Như có bổ-đặc-già-la sanh kia rồi, phát khởi gia hạnh, tác ý dụng công nhiều, phải ra sức rất nhiều đạo mới hiện tại tiền, liền Bát-niết-bàn. Đây gọi là bổ-đặc-già-la có hành Bát-niết-bàn.

24. Sao gọi là bổ-đặc-già-la thượng lưu? Như có bổ-đặc-già-la Bát hoàn, từ đây tiếp tục sanh lên cõi Sơ tinh lự, trụ ở đó mà không Bát-niết-bàn. Từ cõi kia chết đi, liền sanh lên các cõi trời cao hơn, hoặc cho đến sanh vào cõi trời Sắc cứu cánh, hoặc đến trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thượng lưu.

25. Sao gọi là bổ-đặc-già-la thời giải thoát? Như có bổ-đặc-già-la chủng tánh độn căn, đối với hiện pháp lạc trú thế gian dễ sanh thối thất. Vị kia hoặc suy nghĩ tự tổn hại mình, hoặc nắm lấy sự giải thoát trong tâm, nên gắng sức sách tấn khích lệ siêng năng tu hành không phóng dật. Vì phòng

thối thất lực tăng thượng, nên vị kia hoặc chỉ tự mình an trụ trong phần phẩm thiện, hoặc trải qua ngày đêm, sát-na, nháy mắt... nỗ lực thắng tiến cho đến chưa chứng, nhưng năng lực rất mạnh mẽ. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thời giải thoát.

26. Sao gọi là bổ-đặc-già-la pháp bất động? Bổ-đặc-già-la đây trái với bổ-đặc-già-la thời giải thoát, nên biết gọi là bổ-đặc-già-la pháp bất động.

27. Sao gọi là bổ-đặc-già-la tuệ giải thoát? Như có bổ-đặc-già-la đã năng chứng đắc các lậu vĩnh viễn đoạn tận. Đối với tám giải thoát tự thân chưa thể tác chứng, an trụ trọn vẹn. Đây gọi là bổ-đặc-già-la tuệ giải thoát.

28. Sao gọi là bổ-đặc-già-la đủ phần giải thoát? Như có bổ-đặc-già-la đã năng chứng đắc các lậu vĩnh viễn tận. Đối với tám giải thoát, thân đã tác chứng, an trụ trọn vẹn. Đối với phần chướng phiền não và phần chướng ngại giải thoát, tâm đều giải thoát. Như vậy gọi là bổ-đặc-già-la đủ phần giải thoát.

2. Kiến lập Bổ-đặc-già-la: Do 11 đạo lý sai biệt, theo đó mà kiến lập bổ-đặc-già-la. Sao nói do

11 đạo lý sai biệt? **a.** Vì căn sai biệt; **b.** Vì chúng sai biệt; **c.** Vì hành sai biệt; **d.** Vì nguyện sai biệt; **e.** Vì đường đi sai biệt; **f.** Vì đạo quả sai biệt; **g.** Vì gia hạnh sai biệt; **h.** Vì định sai biệt; **i.** Vì sanh sai biệt; **j.** Vì thói thất, không thói thất sai biệt; **k.** Vì chướng sai biệt.

a. Sao gọi là vì căn sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la? Vì căn sai biệt nên kiến lập 2 chủng bổ-đặc-già-la: 1. Độn căn; 2. Lợi căn.

b. Sao gọi là vì chúng sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la? Vì chúng sai biệt nên kiến lập 7 chủng bổ-đặc-già-la: Bí-sô, Bí-sô-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Cận sự nam, Cận sự nữ.

c. Sao gọi là vì hành sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la? Vì hành sai biệt nên kiến lập 7 chủng bổ-đặc-già-la: nếu bổ-đặc-già-la tham tăng thượng, còn gọi là người hành tham. Nếu bổ-đặc-già-la sân tăng thượng, còn gọi là người hành sân. Nếu bổ-đặc-già-la si tăng thượng, còn gọi là người hành si. Nếu bổ-đặc-già-la mạn tăng thượng, còn gọi là người hành mạn. Nếu bổ-đặc-già-la tầm tư tăng thượng, còn gọi là người hành tầm tư. Nếu bổ-đặc-già-la được bình đẳng, còn gọi là người hành

đẳng phần. Nếu bổ-đặc-già-la có tánh trần mỏng, còn gọi là người hành mỏng trần.

Hỏi: Hành tướng của bổ-đặc-già-la hành tham như thế nào?

Đáp: Bổ-đặc-già-la hành tham đây, đối với các cảnh giới thấp kém còn năng sanh khởi tham triền phẩm thượng sâu nặng tội bậc, hướng chi đối với các cảnh giới bậc trung, bậc thượng. Lại tham triền đây trụ trong thân, trải qua thời gian tương tục tiếp nối trôi buộc trường thời. Do vì tham triền, nên bị các pháp khả ái chế ngự, không thể điều phục được các pháp khả ái kia. Các căn vui vẻ thích thú, thắm nhuần trong ấy. Các căn không còn ngưng mà vui vẻ phục tùng theo tham không chút thô rít. Vì tánh không tốt nên dùng thân ác, ngữ ác xúc não người. Khó khiến xa lìa, khó làm cho thấy được hiểm họa của tham kia mà chán bỏ. Thắng giải hạ liệt, sự nghiệp trôi cột bền chặt, sự nghiệp lâu dài. Cấm giới bền chặt, cấm giới lâu dài. Năng nhẫn, năng thọ. Đối với các vật dụng nuôi thân, vì tánh đam mê nhiễm trước, nên sanh yêu thích quý trọng sâu. Nhiều vui vẻ, nhiều thích thú, không biểu lộ cau mày nhíu mặt, dung sắc vui tươi, mỉm cười trước khi

nói. Hết thấy biểu hiện như thế, phải biết là hành tướng của người hành tham.

Hỏi: Hành tướng của bổ-đặc-già-la hành sân như thế nào?

Đáp: Bổ-đặc-già-la hành sân đây, đối với các cảnh giới oán ghét nhỏ kém còn năng sanh khởi sân triền phẩm thượng sâu nặng tội bậc, huống chi đối với các cảnh giới oán ghét bậc trung, bậc thượng. Lại sân triền đây trụ trong thân, trải qua thời gian tương tục tiếp nối trôi buộc trường thời. Do vì sân triền đây, nên bị các pháp oán ghét chế phục, không thể điều phục được các pháp oán ghét kia. Các căn khô héo, lạnh lùng. Các căn xơ cứng, các căn rít rắ, các căn thô thiển. Vì tánh nhiều vui thích dùng thân ác, ngũ ác tổn não người. Dễ khiến xa lìa, dễ khiến chán ghét họa hoạn. Miệng nói lời hung bạo, hình tướng cứng rắn thô thiển. Thắng giải không nhiều, sự nghiệp không chắc chắn, sự nghiệp không kiên cố. Cấm giới không bền chắc, cấm giới không kiên cố. Không nhẫn, không thọ, nhiều lo buồn, nhiều khổ não. Tánh thích ngang ngược, ôm lòng không thuận. Tánh nhiều sầu buồn, tánh thích dùng lời thô tháo. Lòng

nhiều nghi ngờ hiềm hận. Ý thích độc ác tai họa, nhưng khi bị điều ác trở lại thì quay quắt như dò rỉ. Ưa thích chống đối lẫn nhau, ít nói năng. Nhiều sân, nhiều hận. Hay sanh oán hận, thân hình tiêu tụy, mặt mày nhăn nhó chẳng thư thái. Cặp mắt thường gian trá nhìn xuống. Đối với lợi dưỡng vinh hoa của người khác thường oán ghét, ganh tỵ. Hết thấy biểu hiện như thế phải biết là hành tướng của người hành sân.

Hỏi: Hành tướng của bồ-đặc-già-la hành si như thế nào?

Đáp: Bồ-đặc-già-la hành si đây, đối với các cảnh giới ngu muội nhỏ bé còn năng sanh khởi si triền phẩm thượng sâu nặng tội bậc, hướng chi đối với các cảnh giới ngu si bậc trung, bậc thượng. Lại si triền đây trụ trong thân, trải qua thời gian tương tục tiếp nối trôi buộc trường thời. Do vì si triền đây, nên bị các pháp ngu muội chế phục, không thể điều phục được các pháp ngu muội kia. Các căn trở nên ám độn, các căn ngu muội, các căn suy yếu. Thân nghiệp chậm chạp, ngữ nghiệp chậm chạp. Điều suy nghĩ là điều ác, lời lẽ nói năng là lời ác, tạo tác việc làm là tạo tác ác. Lười biếng giải đãi,

nói năng biện bạch ngôn từ vụng về, tranh luận yếu kém. Tánh không nhạy bén, phần nhiều quên mất nhớ nghĩ. Không trụ trong chánh biết, thường chấp thủ hẹp hòi, không chánh đáng. Khó khiến xa lìa, khó khiến nhàm chán. Thắng giải hạ liệt. Ngu muội, lẫn thẩn, ngọng nghịu, dùng tay làm dấu thay lời. Không có sức thấu hiểu nghĩa thiện hay nghĩa ác. Bị các duyên ràng buộc, bị người khác dẫn đoạt, bị người khác sai khiến. Hết thấy biểu hiện như vậy phải biết là hành tướng của người hành si.

Hỏi: Hành tướng của bổ-đặc-già-la hành mạn như thế nào?

Đáp: Bổ-đặc-già-la hành mạn đây, đối với các cảnh giới khinh mạn nhỏ bé còn năng sanh khởi mạn triền phẩm thượng sâu nặng tội bậc, hướng chi đối với các cảnh giới khinh mạn bậc trung, bậc thượng. Lại mạn triền đây trụ trong thân, trải qua thời gian tương tục tiếp nối trôi buộc trường thời. Do vì mạn triền đây, nên bị các pháp khinh mạn chế phục, không thể điều phục được các pháp khinh mạn kia. Các căn trạo động, các căn cao cử, các căn tán loạn. Siêng năng trau chuốt thân thể, lời nói

cao ngạo lớn tiếng, chẳng thích khiêm hạ. Đối với cha mẹ, thân thuộc, sư trưởng, chẳng thể thời thời như pháp hầu hạ phụng sự. Do lòng ôm nhiều cao ngạo, nên không thể đem thân hạ mình lễ kính, thưa hỏi, chấp tay thăm hỏi, tu nghiệp hòa kính. Tự cao tự đại, lẳng mạ khinh miệt người khác. Vui say lợi dưỡng, mê đắm khi được cung kính, say đắm những lời xưng khen ca tụng của thế gian. Hành động khinh xuất, vui làm trò bốn cột. Khó khiến xa lìa, khó khiến nhàm chán. Thắng giải rộng lớn. Từ bi yếu kém. Kiến chấp ngã, hữu tình, mạng giả, dưỡng giả, sanh giả, bổ-đặc-già-la... phần nhiều phẩm thượng, sanh nhiều oán nhiều hận. Hết thấy biểu hiện như vậy, phải biết là hành tướng của người hành mạn.

Hỏi: Hành tướng của bổ-đặc-già-la hành tâm tư như thế nào?

Đáp: Bổ-đặc-già-la hành tâm tư đây, đối với các sự việc tâm tư nhỏ bé còn năng sanh khởi tâm tư triền phẩm thượng sâu nặng tội bậc. Hướng chi đối với các sự việc tâm tư bậc trung, bậc thượng. Lại tâm tư triền đây trụ trong thân, trải qua thời gian tương tục tiếp nối trôi buộc trường thời. Do vì

tâm tư triển đây nên bị các pháp tâm tư chế phục, không thể điều phục được các pháp tâm tư kia. Các căn không trụ yên, các căn trạo động, các căn tán loạn. Thân nghiệp bị lôi kéo, ngữ nghiệp bị lôi kéo. Khó khiến xa lìa, khó khiến nhàm chán. Vui thích hý luận. Lòng nhiều nghi nhiều hoặc, lòng ôm nhiều ham muốn. Cấm giới không kiên cố, cấm giới không chắc chắn. Sự nghiệp không bền chắc, sự nghiệp không ổn định. Thường ôm lòng lo sợ, tư lự. Thường quên mất nhớ nghĩ, nhiều vui thích tan rã, không thích hạnh xa lìa. Đối với chủng chủng việc của thế gian, ham muốn cuộn theo, siêng năng không biếng nhác, khởi phát viên mãn. Hết thấy biểu hiện như thế phải biết là hành tướng của người hành tâm tư.

Như vậy do hành sai biệt nên theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

d. Sao gọi là do nguyên sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la? Hoặc có bổ-đặc-già-la ở nơi Thanh văn thừa đã phát chánh nguyện. Hoặc có bổ-đặc-già-la ở nơi Độc giác thừa đã phát chánh nguyện. Hoặc có bổ-đặc-già-la ở nơi Đại thừa đã phát chánh nguyện. Nên biết trong đây nếu bổ-đặc-già-la ở

nơi Thanh văn thừa đã phát chánh nguyện, vị kia hoặc thuộc chủng tánh Thanh văn, hoặc thuộc chủng tánh Độc giác, hoặc thuộc chủng tánh Đại thừa. Nếu bổ-đặc-già-la ở nơi Độc giác Bồ-đề đã phát chánh nguyện, thì vị kia hoặc thuộc chủng tánh Độc giác, hoặc thuộc chủng tánh Thanh văn, hoặc thuộc chủng tánh Đại thừa. Nếu bổ-đặc-già-la ở nơi Đại thừa đã phát chánh nguyện, thì vị kia hoặc thuộc chủng tánh Đại thừa, hoặc thuộc chủng tánh Độc giác, hoặc thuộc chủng tánh Thanh văn. Nếu bổ-đặc-già-la là chủng tánh Thanh văn, ở nơi Độc giác Bồ-đề, hoặc ở nơi Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề đã phát chánh nguyện. Nhưng vị kia, vì lẽ thuộc chủng tánh Thanh văn, nên về sau quyết định hoàn xả bỏ nguyện kia, nhất định trở lại an trụ nguyện Thanh văn thừa. Bổ-đặc-già-la chủng tánh Độc giác thừa, hoặc bổ-đặc-già-la chủng tánh Đại thừa phải biết cũng vậy. Trong sở hữu bổ-đặc-già-la đây có thể thay đổi nguyện, cũng có thể xả ly nguyện. Nhưng quyết định không thể dời chuyển chủng tánh, cũng không thể xả ly chủng tánh. Nay trong nghĩa đây, chỉ nói đến bổ-đặc-già-la chủng tánh Thanh văn, nguyện Thanh văn thừa.

Như vậy gọi là do nguyên sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

e. *Sao gọi là do đường đi sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la?* Như điều đã nêu ra, đã khai thị, thì bổ-đặc-già-la nương bốn con đường đi mà được xuất ly. Những gì là bốn? Hoặc có bổ-đặc-già-la có con đường đi là con đường khổ chậm chạp. Hoặc bổ-đặc-già-la có con đường đi là con đường khổ nhanh chóng. Hoặc bổ-đặc-già-la có con đường đi là con đường an lạc chậm chạp. Hoặc bổ-đặc-già-la có con đường đi là con đường an lạc nhanh chóng. Phải biết trong đây nếu bổ-đặc-già-la căn tánh ám độn, chưa chứng đắc tinh lự căn bản, thì sở hữu con đường đi gọi là con đường khổ chậm chạp. Nếu bổ-đặc-già-la căn tánh thông lợi, chưa chứng đắc tinh lự căn bản, thì sở hữu con đường đi gọi là con đường khổ nhanh chóng. Nếu bổ-đặc-già-la căn tánh ám độn, đã chứng đắc tinh lự căn bản, thì sở hữu con đường đi gọi là con đường an lạc chậm chạp. Nếu bổ-đặc-già-la căn tánh thông lợi, đã chứng đắc tinh lự căn bản, thì sở hữu con đường đi gọi là con đường an lạc nhanh chóng.

Như vậy gọi là do con đường đi sai biệt theo

đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

f. Sao gọi là do đạo quả sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la? Là bổ-đặc-già-la hành bốn hướng và trụ bốn quả.

Hành bốn hướng: 1. Bổ-đặc-già-la hướng quả Dự lưu; 2. Bổ-đặc-già-la hướng quả Nhất lai; 3. Bổ-đặc-già-la hướng quả Bất hoàn; 4. Bổ-đặc-già-la hướng quả A-la-hán.

Trụ bốn quả: 1. Bổ-đặc-già-la trụ quả Dự lưu; 2. Trụ quả Nhất lai; 3. Trụ quả Bất hoàn; 4. Trụ quả A-la-hán.

Nếu kia hành chuyển theo các hướng đến đạo nói trên, gọi là người hành hướng. Do hướng đến đạo nên bốn chủng bổ-đặc-già-la được kiến lập. Nếu đắc quả Sa-môn, vị kia được gọi là người trụ quả. Do đạo quả sai biệt nên bốn chủng bổ-đặc-già-la được kiến lập.

Như vậy gọi là do đạo quả sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

g. Sao gọi là do gia hạnh sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la? Đây tức là bổ-đặc-già-la tùy tín hành và bổ-đặc-già-la tùy pháp hành. Nếu bổ-đặc-già-la theo lòng tin mà siêng tu chánh hạnh là bổ-

đặc-già-la tùy tín hành. Nếu bổ-đặc-già-la đối với các pháp không đợi duyên người khác, tự mình thuận theo Tỳ-nại-da mà siêng tu chánh hạnh, đó là bổ-đặc-già-la tùy pháp hành.

Như vậy gọi là do gia hạnh sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

h. *Sao gọi là do định sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la?* Đây tức là bổ-đặc-già-la thân chứng. Ở nơi tám giải thoát, vị kia tự thân đã tác chứng, đầy đủ an trụ, nhưng chưa đạt được các lậu vĩnh viễn đoạn tận. Phải biết bổ-đặc-già-la như vậy, ở nơi hữu sắc, quán các sắc giải thoát; ở nơi nội vô sắc tưởng, quán ngoại các sắc giải thoát; ở nơi tịnh giải thoát, thân tác chứng trụ đầy đủ giải thoát, tất cả đều đầy đủ an trụ. Ở nơi Không vô biên xứ giải thoát, ở nơi Thức vô biên xứ giải thoát, ở nơi Vô sở hữu xứ giải thoát, ở nơi Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát, ở nơi Diệt thọ tưởng giải thoát, đối với các cảnh giới trên đã có thể thuận, nghịch, xuất, nhập tự tại.

Như vậy gọi là do định sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

i. *Sao gọi do sanh sai biệt theo đó kiến lập bổ-*

đặc-già-la? Là *bổ-đặc-già-la* nhiều nhất bảy lần trở lại hữu, *bổ-đặc-già-la* gia-gia, *bổ-đặc-già-la* nhất gian, *bổ-đặc-già-la* trung Bát-niết-bàn, *bổ-đặc-già-la* sanh Bát-niết-bàn, *bổ-đặc-già-la* không hành Bát-niết-bàn, *bổ-đặc-già-la* có hành Bát-niết-bàn, cùng với *bổ-đặc-già-la* thượng lưu. Như vậy gọi là do sanh sai biệt theo đó kiến lập *bổ-đặc-già-la*.

j. *Sao gọi là do thối thất, không thối thất sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la?* Do thối thất nên kiến lập A-la-hán thời giải thoát, người kia tuy ở trong hiện pháp lạc trú, nhưng có tiềm ẩn sự thối thất. Do không thối thất nên kiến lập A-la-hán pháp bất động, vị kia ở trong hiện pháp lạc trú quyết định không còn thối thất. Như vậy do thối thất, không thối thất sai biệt theo đó kiến lập *bổ-đặc-già-la*.

k. *Sao gọi là do chướng sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la?* Là A-la-hán tuệ giải thoát và đủ phần giải thoát. A-la-hán tuệ giải thoát là đã giải thoát khỏi phiền não chướng, nhưng chưa giải thoát khỏi định chướng. A-la-hán đủ phần giải thoát là đã giải thoát khỏi phiền não chướng, cũng đã giải thoát khỏi định chướng, cho nên nói là đủ phần

giải thoát. Như vậy gọi là do chướng sai biệt theo đó kiến lập bổ-đặc-già-la.

Do các đạo lý sai biệt đã được nêu ra, đã được khai thị này, thứ lớp như thế nên rõ biết sự kiến lập của bổ-đặc-già-la.

3. Sở duyên: Có 4 loại sự cảnh sở duyên. Những gì là bốn? **a.** Sự cảnh sở duyên biến mãn; **b.** Sự cảnh sở duyên tịnh hạnh; **c.** Sự cảnh sở duyên thiện xảo; **d.** Sự cảnh sở duyên tịnh hoặc.

a. Sao gọi là sự cảnh sở duyên biến mãn? Lại có 4 loại: 1. Ảnh tượng có phân biệt; 2. Ảnh tượng không phân biệt; 3. Tánh biên tế của sự; 4. Việc làm thành xong.

Sao gọi là ảnh tượng có phân biệt? Như có người hoặc vì lắng nghe chánh pháp, hoặc vì lấy dạy trao dạy răn làm y chỉ, hoặc thấy hoặc nghe hoặc phân biệt. Đối với ảnh tượng đồng phạm sự việc sở tri, do hành Tỳ-bát-xá-na Tam-ma-hí-đa địa, quán sát chọn lựa, khéo chọn lựa, tầm tư khắp cả, quán sát xem xét khắp cả. Nói sự việc sở tri, tức là hoặc bất tịnh, hoặc từ mãn, hoặc duyên khởi của tánh duyên, hoặc giới sai biệt, hoặc A-na-ba-

na niệm, hoặc uẩn thiện xảo, hoặc giới thiện xảo, hoặc xứ thiện xảo, hoặc duyên khởi thiện xảo, hoặc xứ, phi xứ thiện xảo, hoặc tánh thô của địa dưới, hoặc tánh tinh của địa trên, hoặc khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế. Đây gọi là sự việc sở tri.

Sự việc sở tri đây, hoặc do nương những lời dạy trao dạy răn, hoặc do lắng nghe chánh pháp làm y chỉ, khiến tác ý Tam-ma-hí-đa địa hiện tiền. Tức là ở nơi pháp kia sanh khởi thắng giải, cũng tức là ở nơi sự việc sở tri kia mà khởi thắng giải. Người kia lúc bấy giờ ở nơi sự việc sở tri, như điều lãnh thọ hiện tiền mà triển chuyển thắng giải. Tuy sự việc sở tri kia không phải là cái hiện lãnh thọ hòa hợp hiện tiền, cũng không phải là cái ngoài chủng loại vật kia, nhưng do thắng giải lãnh thọ Tam-ma-hí-đa địa, tương tự tác ý lãnh thọ, sự việc sở tri kia tương tự hiển hiện. Do vì đạo lý đây, nên gọi là ảnh tượng đồng phận sự việc sở tri. Người tu quán hành, tìm cầu nghiên cứu ảnh tượng ở trong bản tánh sự việc sở tri đây, quán xét sâu xa công đức và quá thất. Đây gọi là ảnh tượng có phân biệt.

Sao gọi là ảnh tượng không phân biệt? Người kia tu quán hành, sau khi đã lãnh thọ tương ảnh

tượng như vậy, không trở lại quán sát chọn lựa, khéo chọn lựa, khéo tầm tư khắp cả, quán sát xem xét khắp cả. Nhưng tức ở nơi ảnh tượng sở duyên đây, dụng hành Xa-ma-tha khiến trong lòng tịch tĩnh, tức là dùng chín chủng hành tướng khiến tâm an trụ, đó là khiến tâm nội trụ, đẳng trụ, an trụ, cận trụ, điều phục, tịch tĩnh, tối cực tịch tĩnh, chuyên nhất thú hướng đẳng trì. Vị kia lúc bấy giờ kết thành sở duyên ảnh tượng không phân biệt, tức là ở nơi sở duyên ảnh tượng như vậy nhất hướng, nhất thú, an trụ nơi niệm; không lại phải quán sát chọn lựa, khéo chọn lựa, tầm tư khắp cả, quán sát xem xét khắp cả. Đây gọi là ảnh tượng không phân biệt. Tức ảnh tượng đây cũng gọi là ảnh tượng, cũng gọi là tướng Tam-ma-địa, cũng gọi là cảnh giới sở hành của Tam-ma-địa, cũng gọi là miệng Tam-ma-địa, cũng gọi là cửa Tam-ma-địa, cũng gọi là xứ sở tác ý, cũng gọi là thể phân biệt bên trong, cũng gọi là quang ảnh. Hết thấy loại như vậy nên biết là tên gọi sai khác của ảnh tượng đồng phạm với sự việc sở tri.

Sao gọi là tánh biên tế của sự? Hoặc sở duyên tận tánh sở hữu, hoặc sở duyên như tánh sở hữu.

- Sao gọi là tận tánh sở hữu? Đó là tất cả sự hữu vi đều nhiếp thuộc năm pháp, ngoài sắc uẩn trọn không còn sắc khác; ngoài thọ, tưởng, hành, thức uẩn, trọn không còn thọ, tưởng, hành, thức khác. Tất cả các pháp nhiếp thuộc giới xứ. Tất cả sự việc sở tri nhiếp thuộc bốn thánh đế. Như vậy gọi là tận tánh sở hữu.

- Sao gọi là như tánh sở hữu? Nếu sở duyên đó là tánh chân thật, là tánh chân như. Do bốn đạo lý bao gồm đầy đủ các đạo lý, đó là quán đãi đạo lý, tác dụng đạo lý, chứng thành đạo lý, pháp nhĩ đạo lý. Như vậy nếu tận tánh sở hữu, như tánh sở hữu của cảnh sở duyên đều gộp chung làm một, gọi là tánh biên tế của sự.

Sao gọi là việc làm thành xong? Người tu quán hành dụng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na làm nhân duyên, hoặc tu, hoặc tập, hoặc nhiều tu tập, cho nên sở hữu tác ý đối với các duyên ảnh tượng đều được viên mãn. Vì viên mãn đây nên chúng được chuyển y, tất cả thô trọng thấy đều dứt diệt. Do chúng được chuyển y nên siêu vượt ảnh tượng, tức là ở nơi sự việc sở tri đây được vô phân biệt, trí kiến hiện lượng phát sanh, vị kia nhập sơ tĩnh lực.

Khi đã chứng đắc sơ tĩnh lự rồi, ở trong cảnh giới sở hành của sơ tĩnh lự, vị kia nhập đệ nhị, đệ tam, đệ tứ tĩnh lự. Khi đã chứng đắc đệ nhị, đệ tam, đệ tứ tĩnh lự rồi, ở trong cảnh giới sở hành của đệ nhị, đệ tam, đệ tứ tĩnh lự, vị kia nhập Không vô biên xứ, nhập Thức vô biên xứ, nhập Vô sở hữu xứ, nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Khi chứng đắc định kia, tức là ở nơi cảnh giới sở hành của định kia. Như vậy gọi là việc làm thành xong.

Bốn loại sự cảnh sở duyên như vậy, biến hành tất cả, tùy nhập vào trong tất cả cảnh sở duyên. Đây là điều mà chư Phật Chánh Đẳng Giác đời quá khứ, vị lai, hiện tại cùng tuyên thuyết. Cho nên gọi là sở duyên biến mãn.

Lại sở duyên đây biến khắp phẩm Tỳ-bát-xá-na, biến khắp phẩm Xa-ma-tha, biến khắp tất cả sự việc, biến khắp sự việc chân thật, biến khắp sự việc nhân quả nối nhau, cho nên gọi là biến mãn. Hoặc nói: “Ảnh tượng có phân biệt”, tức trong đây là phẩm Tỳ-bát-xá-na. Hoặc nói: “Ảnh tượng không phân biệt”, tức trong đây là phẩm Xa-ma-tha. Hoặc nói: “Tánh biên tế của sự”, tức trong đây là “tất cả các sự việc chân thật”. Hoặc nói: “Việc làm thành

xong”, tức trong đây là “sự việc nhân quả nối nhau”.

Như chư Phật Thế Tôn từng vì trưởng lão Hiệt-Lệ-Phạt-Đa nói nghĩa như thế. Từng nghe trưởng lão Hiệt-Lệ-Phạt-Đa hỏi Thế Tôn rằng: Bạch Đại Đức! Có các Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm năng an trụ ở nơi sở duyên. Làm sao tâm an trụ ở nơi sở duyên? Sao gọi là tâm an trụ ở nơi duyên? Ngang đâu gọi là tâm khéo an trụ?

Phật bảo trưởng lão Hiệt-Lệ-Phạt-Đa: Lành thay! Lành thay! Ông nay khéo hay thưa hỏi nghĩa như vậy. Ông nay lắng nghe cho kỹ, cực khéo suy nghĩ. Ta sẽ vì ông tuyên thuyết khai thị.

Này Hiệt-Lệ-Phạt-Đa! Có các Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm năng an trụ ở nơi sở duyên. Hoặc vui tịnh hạnh, hoặc vui thiện xảo, hoặc vui khiến tâm giải thoát các lậu, tâm an trụ ở nơi duyên tương xứng. Hoặc tâm an trụ ở nơi duyên tương tự. Hoặc tâm an trụ ở nơi duyên không điên đảo. Năng ở nơi các duyên như thế mà không xả tinh lự.

Như thế nào được gọi là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm an trụ ở nơi duyên tương xứng? Thầy Bí-sô kia nếu chỉ có hành tham, thì

tâm phải an trụ ở nơi duyên bất tịnh. Như vậy gọi là tâm an trụ ở nơi duyên tương xứng.

Nếu chỉ có hành sân, thì tâm phải an trụ ở nơi duyên từ mẫn. Nếu chỉ có hành si, thì tâm phải an trụ ở nơi duyên khởi của tánh duyên. Nếu chỉ có hành mạn, thì tâm phải an trụ ở nơi giới sai biệt. Nếu chỉ có hành tầm tư, thì tâm phải an trụ ở nơi A-na-ba-na niệm. Như vậy gọi là tâm an trụ ở nơi duyên tương xứng.

Hiệt-Lệ-Phật-Đa! Lại Bí-sô kia, nếu ngu mê đối với tự tướng các hành, ngu mê tự tướng ngã, hữu tình, mạng giả, sanh giả, thì tâm nên an trụ ở nơi uẩn thiện xảo. Nếu ngu mê ở nơi nhân, thì tâm nên an trụ ở nơi giới thiện xảo. Nếu ngu mê ở nơi duyên, thì tâm nên an trụ ở nơi xứ thiện xảo. Nếu ngu mê ở nơi vô thường, khổ, không, vô ngã, thì tâm nên an trụ ở nơi duyên khởi xứ, phi xứ thiện xảo. Nếu vui muốn lìa dục của Dục giới, thì tâm nên an trụ ở nơi tánh thô của các dục, tánh tịnh của các sắc. Nếu vui muốn lìa dục của Sắc giới, thì tâm nên an trụ ở nơi tánh thô của các sắc, tánh tịnh của vô sắc. Nếu vui muốn thông đạt và vui thích giải thoát ở khắp tất cả xứ, ở nơi sự tự thân,

thì tâm nên an trụ ở nơi Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế. Đây gọi là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già nơi tâm an trụ chỗ duyên tương xứng.

Hiệt-Lệ-Phạt-Đa! Như thế nào được gọi là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm an trụ ở nơi duyên tương tự? Bí-sô ở nơi sự việc sở tri kia, ở nơi sự việc đã nghe, đã thấy, đã hiểu, đã biết, vì muốn chọn lựa, khéo chọn lựa, tầm tư khắp cả, quán sát xem xét khắp cả. Do sức tăng thượng của thấy, nghe, hiểu, biết, dùng Tam-ma-hí-đa địa sanh khởi thắng giải tác ý tư duy phân biệt. Vị kia tuy ở nơi căn bản của sự việc sở tri chẳng thể hòa hợp hiện tiền mà quán sát, nhưng cùng với sự việc tương tự căn bản mà phát khởi quán sát. Ở nơi sở duyên kia, tương tự với kia, chỉ có là trí, chỉ có là kiến, chỉ có là chánh nhớ nghĩ.

Lại có Bí-sô ở thời gian này khiến tâm tịch tĩnh, ở thời gian kia nương tăng thượng tuệ pháp Tỳ-bát-xá-na mà siêng tu quán hành. Đây gọi là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm an trụ ở nơi duyên tương tự.

Hiệt-Lệ-Phạt-Đa! Sao được gọi là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm an trụ nơi duyên

không điên đảo? Nếu Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm an trụ nơi cảnh sở duyên, tức là tùy nơi cảnh sở tri, theo đó mà hiểu rõ như thật không điên đảo, năng rõ biết khắp cả. Đây là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già tâm an trụ nơi duyên không điên đảo.

Hiệt-Lệ-Phật-Đa! Sao được gọi là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già năng ở trong đây không xả bỏ tĩnh lự? Nếu Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già khi chánh tu hành ở nơi duyên như vậy, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng. Tùy từng giai đoạn mà tu tập tướng chỉ, tướng cử, tướng xả. Do tu, do tập, do nhiều tu tập làm nhân duyên, nên tất cả thô trọng thấy đều diệt mất, theo đó đắc, xúc, chứng sở y thanh tịnh. Ở nơi sự sở tri, do vì hiện kiến nên theo đó đắc, xúc, chứng sở duyên thanh tịnh. Do vì lìa tham nên theo đó đắc, xúc, chứng tâm thanh tịnh khắp cả. Do vì lìa vô minh nên theo đó đắc, xúc, chứng trí biến tri thanh tịnh. Đây gọi là Bí-sô siêng tu quán hành là thầy Du-già năng ở trong ấy không xả bỏ tĩnh lự.

Hiệt-Lệ-Phật-Đa! Vì Bí-sô đây tâm an trụ ở nơi cảnh sở duyên, như vậy tâm cũng an trụ ở

nơi duyên.

Như vậy ở nơi duyên an trụ tâm rồi, gọi là “khéo an trụ”. Trong đây Thế Tôn lại nói kệ rằng:

*Hành giả hành các tướng
Biết hết thấy thật nghĩa
Thường ở ảnh tĩnh lự
Chúng đắc thanh tịnh khắp.*

Trong đây nói rằng “Hành giả hành các tướng”, tức đây tuyên nói “người tu quán hành, tu hành không gián đoạn, tu hành ân trọng ở nơi tướng chỉ, tướng cử, tướng xả”. Hoặc lại nói rằng “Biết hết thấy thật nghĩa”, tức đây tuyên nói “tánh biên tế của sự”. Hoặc lại nói rằng “Thường ở ảnh tĩnh lự”, tức đây tuyên nói “ảnh tượng có phân biệt, ảnh tượng không phân biệt”. Hoặc lại nói rằng “Chúng đắc thanh tịnh khắp”, tức đây tuyên nói “việc làm thành xong”.

Trong đây, Thế Tôn lại nói kệ rằng:

*Nơi tướng tâm biết khắp
Năng thọ vị xa lìa
Tĩnh lự, thường thuận niệm.
Thọ hỷ lạc, lìa nhiễm.*

Trong đây nói “Nơi tướng tâm biết khắp”, nếu lấy tên tướng tâm, tức đây tuyên nói “ảnh tượng có phân biệt, ảnh tượng không phân biệt”; nếu lấy tên biết khắp, tức đây tuyên nói “tánh biên tế của sự”. Hoặc lại nói “Năng thọ vị xa lia”, tức đây tuyên nói “ở nơi cảnh sở duyên, người chánh tu hành vui đoạn vui tu”. Hoặc lại nói “Tĩnh lự thường thuận niệm”, tức đây tuyên nói “ở nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thường xuyên siêng năng tu tập, tinh cần điều luyện tu tập”. Hoặc lại nói “Thọ hỷ lạc, lia nhiễm”, tức đây tuyên nói “việc làm thành xong”. Phải biết sở duyên biến mãn như vậy, thuận theo ngôn giáo thanh tịnh, khế hợp chánh lý.

Như vậy gọi là sở duyên biến mãn.

b. Sao gọi là sự cảnh sở duyên tịnh hành? Là những sở duyên sai biệt như: bất tịnh, từ mãn, duyên khởi của tánh duyên, giới sai biệt, A-na-ba-na niệm...

Sao gọi là sở duyên bất tịnh? Nói tóm lược thì có 6 chủng bất tịnh: 1. Bất tịnh thói rửa dơ ướ; 2. Bất tịnh khổ não; 3. Bất tịnh hạ liệt; 4. Bất tịnh quán đợi chờ; 5. Bất tịnh phiền não; 6. Bất tịnh hư hoại nhanh chóng.

Sao gọi là bất tịnh thối rửa dơ uest? Bất tịnh đây nương 2 thứ: 1. Nương bên trong; 2. Nương bên ngoài.

- Bất tịnh thối rửa dơ uest nương bên trong: là những gì thuộc bên trong thân thể như tóc, lông, móng, răng, thịt, da, bụi bẩn, xương, cốt, gân, mạch, tim, mật, gan, phổi, ruột già, ruột non, sanh tạng, thực tạng, bọng, bao tử, lá lách, thận, mủ, máu, đàm, dãi, mỡ, bắp thịt, tủy, não, mô mạch, nước mũi, nước mắt, nước miếng, mồ hôi, phân, nước tiểu... Hết thấy loại ô uest như vậy, gọi là bất tịnh thối rửa dơ uest nương bên trong.

- Bất tịnh thối rửa dơ uest nương bên ngoài: hoặc xanh bầm, hoặc máu mủ thối rửa, hoặc bị biến hoại, hoặc bị trương sinh, hoặc bị cầm thú cắn xé rúc rĩa, hoặc lại biến hoại trơ xương, hoặc lại tán hoại, hoặc xương cốt, hoặc xương quai móc với nhau, hoặc xương khớp nối liền nhau, hoặc do phân làm ra, hoặc do nước tiểu làm ra, hoặc do nước miếng làm ra, hoặc do nước mũi làm ra, hoặc do máu làm ra, hoặc do mủ làm ra, hoặc chỗ tiểu tiện. Hết thấy loại như vậy gọi là bất tịnh thối rửa dơ uest nương bên ngoài.

Như vậy, bất tịnh thối rửa dơ uest nưong bên trong và bất tịnh thối rửa dơ uest nưong bên ngoài đều gọi chung là bất tịnh thối rửa dơ uest.

Sao gọi là bất tịnh khổ não? Đây thuận theo vị tiếp xúc thọ khổ làm duyên sanh khởi, nhiếp thuộc sự cảm thọ hoặc thân, hoặc tâm, lãnh cái thọ không bình đẳng. Như vậy gọi là bất tịnh khổ não.

Sao gọi là bất tịnh hạ liệt? Đó là các sự việc rất thấp kém, cảnh giới rất thấp kém, đó là dục giới. Ngoài đây ra không có cảnh giới khác thấp hơn, kém hơn, thô bỉ dơ uest hơn. Như vậy gọi là bất tịnh hạ liệt.

Sao gọi là bất tịnh quán đọi chờ? Như có việc thanh tịnh yếu kém, sau đó quán đọi chờ sự việc khác thanh tịnh hơn, thì sự việc yếu kém đó trở thành bất tịnh. Như quán đọi chờ sự thanh tịnh thù thắng hơn của Vô sắc, thì các pháp của Sắc giới liền trở thành bất tịnh. Như quán đọi chờ tát-ca-da tịch tịnh Niết-bàn, thì cho đến Hữu đảnh đều trở thành bất tịnh. Hết thấy loại như vậy gọi là bất tịnh quán đọi chờ.

Sao gọi là bất tịnh phiền não? Là hết thấy sở hữu kiết phục, tùy miên, tùy phiền não triền trong

ba cõi. Hết thấy như vậy gọi là bất tịnh phiền não.

Sao gọi là bất tịnh hư hoại nhanh chóng? Là năm thủ uẩn, không thường, không hằng, không thể tin tưởng giữ gìn, tánh pháp biến hoại. Như vậy gọi là bất tịnh hư hoại nhanh chóng.

Các chủng bất tịnh như vậy năng thanh tịnh sở duyên hành tham. Tham có 5 loại: 1. Tham dục, muốn dục ở trong thân; 2. Tham dâm, muốn dâm ở ngoài thân; 3. Tham cảnh, muốn cảnh; 4. Tham sắc, muốn sắc; 5. Tham tát-ca-da, muốn tát-ca-da. Đây là 5 loại tham.

Vì muốn khiến sự sanh khởi của 5 chủng tham kể trên được trừ diệt, không thể hiện hành, nên kiến lập 6 chủng sở duyên bất tịnh. Đó là vì sở duyên bất tịnh thối rữa dơ ố nương bên trong, nên khiến sự phát khởi của tâm muốn dục, tham dục ở trong thân được thanh tịnh. Do sở duyên bất tịnh thối rữa dơ ố nương bên ngoài, nên khiến sự phát khởi của tâm tham dâm, muốn dâm ở ngoài thân được thanh tịnh.

Tham tương ưng với dâm lại có 4 loại: 1. Tham hiển sắc; 2. Tham hình sắc; 3. Tham diệu xúc; 4. Tham hầu hạ phụng sự.

Do nương 4 sở duyên bất tịnh bên ngoài đối trị với 4 chủng tham tương ưng tâm đây, khiến tâm tham tâm được thanh tịnh. Đó là nếu tác ý tư duy tướng thân xanh bầm, máu đọng, hoặc tướng máu mủ thối rữa, hoặc tướng biến hoại, hoặc tướng trương sinh, hoặc tướng bị cầm thú cắn xé róc rĩa, thì ở nơi tham hiển sắc, tâm được thanh tịnh. Nếu tác ý tư duy tướng biến hoại, tro xương, thì ở nơi tham hình sắc, tâm được thanh tịnh. Nếu tư duy tướng xương cốt, hoặc tướng xương quai móc với nhau, hoặc tướng xương khớp nối liền nhau, thì ở nơi tham diệu xúc, tâm được thanh tịnh. Nếu tác ý tư duy tướng tan hoại, thì ở nơi tham hầu hạ phụng sự, tâm được thanh tịnh.

Bốn chủng như vậy gọi là ở nơi sự tham tâm khiến tâm được thanh tịnh.

Cho nên Đức Thế Tôn... cho đến sở hữu bất tịnh thối rữa dơ uế nương bên ngoài sai biệt, đều nương bốn quá trình đáng ghê sợ mà chân chánh kiến lập.

Hoặc nói: “Do thấy quá trình tan rã của thân chết kia thật đáng sợ, hoặc trải qua một ngày, hoặc trải qua hai ngày, cho đến trải qua bảy ngày,

bị chim quạ, chim ưng, chó đói, chó sói, dã can, điều hâu, kên kên, cầm thú xé ăn. Bèn lấy tướng đó ví cho thân kia, tánh cũng như vậy, loại cũng như vậy, chẳng thể vượt qua tánh pháp như vậy”. Đây tức hiển thị “từ tướng xanh bầm, ứ máu ban đầu, cho đến tướng thân bị xé ăn, rúc rĩa”.

Hoặc lại nói: “Do thấy quá trình của xương kia, khi tách lìa da, thịt, máu, gân mạch quấn quanh bên trong thật đáng ghê sợ”, đây tức hiển thị “sự biến hoại trơ xương”.

Hoặc lại nói: “Do thấy quá trình của xương cốt kia, hoặc xương, hoặc xương quai móc với nhau thật đáng ghê sợ”, đây tức hiển thị “hoặc xương cốt, hoặc xương quai móc với nhau, hoặc xương khớp nối liền nhau”.

Hoặc lại nói: “Do thấy quá trình của xương cốt kia, xương tay chỗ khác, xương chân chỗ khác, xương chậu chỗ khác, xương đầu gối chỗ khác, xương cánh tay chỗ khác, xương khuỷu tay chỗ khác, xương sống chỗ khác, xương vai chỗ khác, xương sườn chỗ khác, hàm, răng, tóc, đỉnh đầu, đầu lâu... mỗi mỗi đều chia lìa, phân tán, tan rã. Hoặc trải qua một năm, hoặc hai năm, hoặc ba năm, cho đến bảy

năm, các màu sắc chuyển qua trắng bạch như màu vỏ ốc, hoặc như màu lông chim chìa vôi, hoặc thấy xương kia hòa lẫn với đất bụi”. Đây tức hiển thị “sở hữu tan hoại”.

Như vậy, nương sở duyên bất tịnh thối rửa dư uế ở bên ngoài, khiến ở nơi bốn chủng tham tương ưng tâm, tâm được thanh tịnh. Do nương sở duyên bất tịnh khổ não và nương sở duyên bất tịnh hạ liệt, nên ở nơi hoặc dục, hoặc tham tương ưng cảnh, tâm được thanh tịnh. Do nương sở duyên bất tịnh quán đợi chờ, nên ở nơi hoặc dục, hoặc tham tương ưng với sắc, tâm được thanh tịnh. Do nương sở duyên bất tịnh phiền não và sở duyên bất tịnh hư hoại nhanh chóng, khiến ở nơi hoặc dục, hoặc tham các tát-ca-da từ Dục giới cho đến Hữu đẳng, tâm được thanh tịnh. Đây gọi là sở duyên tịnh hành của hành tham.

Như vậy tạm tóm lược “năng thanh tịnh hành tham”.

Nói tổng quát, tất cả sở duyên bất tịnh nhiếp thuộc thân thông đối trị. Nay trong nghĩa đây ý chỉ giữ lấy bất tịnh thối rửa dư uế. Các bất tịnh khác cũng gọi là sở duyên tịnh hành.

Sao gọi là sở duyên từ mãn? Hoặc đối với phẩm thân, hoặc đối với phẩm oán, hoặc đối với phẩm không thân oán, ý vui bình đẳng đưa đến lợi ích cho họ, cũng năng dẫn dắt phát khởi khoái lạc của thắng giải định địa. Phải biết ba phẩm trên là sở duyên. Ý vui đem đến lợi ích và năng dẫn dắt phát khởi khoái lạc của thắng giải định địa, gọi là năng duyên. Sở duyên, năng duyên hợp chung làm một, gọi là sở duyên từ mãn.

Hoặc trong kinh có nói rằng “Tâm câu hữu với từ”, đây tức hiển thị “đối với sở duyên ba phẩm thân, oán, không thân oán, ý vui muốn đem đến lợi ích”.

Hoặc lại nói rằng “Không thù oán, không đối địch, không tổn não”, đây tức hiển thị ý vui làm lợi ích có 3 chủng tướng. Vì không thù oán, nên gọi là ý vui lợi ích tăng thượng. Tánh không thù oán đây lại được hiển rõ bởi hai câu “không đối địch, không tổn não”. Nghĩa không muốn chống trái tranh cãi nhau là không đối địch. Nghĩa không muốn không làm lợi ích là không tổn não.

Hoặc lại nói rằng “Rộng lớn vô lượng”, đây tức hiển thị năng dẫn dắt phát sự khoái lạc bậc thượng,

trung, hạ của Dục giới, gọi là rộng. Năng dẫn phát sự khoái lạc của sơ tinh lự và đệ nhị tinh lự địa, gọi là lớn. Năng dẫn phát sự khoái lạc của đệ tam tinh lự, gọi là vô lượng.

Hoặc lại nói rằng “An trụ trọn vẹn thắng giải biến mãn”, đây tức hiển thị năng dẫn phát khoái lạc của thắng giải định địa.

Lại thắng giải đây, tức là năng dẫn tác ý đồng hành thắng giải nhiếp thuộc khoái lạc của ý vui tăng thượng làm lợi ích. Nếu đối với ba phẩm hữu tình thân, oán, không thân oán, trong hoàn cảnh không khổ không vui, đều bình đẳng muốn đem lại cho họ sự an vui, nên biết đây là Từ. Nếu đối với ba phẩm hữu tình thân, oán, không thân oán, trong hoàn cảnh có khổ có vui, đều bình đẳng muốn nhổ trừ khổ đau của họ, muốn vui theo niềm vui của họ, nên biết đây là Bi và Hỷ. Hữu tình có khổ là sở duyên của lòng bi. Hữu tình có vui là sở duyên của lòng hỷ. Đây gọi là sở duyên của từ mãn. Nếu bố-đặc-già-la hành sân, đối với các hữu tình tu tập từ mãn, sẽ khiến tâm sân mỏng dần. Đây gọi là ở nơi sân khuể tâm được thanh tịnh.

Quyển 27

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA Phần 2 của DU GIÀ XỨ - Thứ 2

Sao gọi là sở duyên duyên khởi của tánh duyên? Ở trong ba đời, chỉ có hành, chỉ có pháp, chỉ có sự, chỉ có nhân, chỉ có quả. Nhiếp vào đạo lý chân chánh, đó là quán đãi đạo lý, tác dụng đạo lý, chứng thành đạo lý, pháp nhĩ đạo lý. Chỉ có các pháp năng dẫn các pháp, không có người làm và người thọ. Đây gọi là sở duyên duyên khởi của tánh duyên.

Nếu bổ-đặc-già-la hành si tăng thượng mà tác ý tư duy ở nơi sở duyên đây, sẽ khiến sở hữu hành si kia được mỏng dần cho đến nhỏ sạch. Ở nơi hành si, tâm được thanh tịnh. Đây gọi là sở duyên duyên khởi của tánh duyên.

Sao gọi là sở duyên giới sai biệt? Có 6 giới sai biệt: 1. Địa giới; 2. Thủy giới; 3. Hỏa giới; 4. Phong giới; 5. Không giới; 6. Thức giới.

– Sao gọi là địa giới? Địa giới có hai: 1. Nội địa

giới; 2. Ngoại địa giới.

Nội địa giới: bên trong thân đây, tánh bền chắc riêng biệt ở bên trong, những thứ nhiếp thuộc bền chắc, loại đất nhiếp thuộc địa giới, loại đất gùn gũ, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ, gọi là địa.

Sự của nội địa giới: là tóc, lông, móng, răng, bụi bẩn, da, thịt, xương, gân, mạch, gan, mật, tim, phổi, lá lách, thận, dạ dày, ruột già, ruột non, sanh tạng, thực tạng, cùng với phần uế... Đây gọi là nội địa giới.

Ngoại địa giới: tánh bền chắc ở bên ngoài, những thứ nhiếp thuộc bền chắc, loại đất nhiếp thuộc địa giới, loại đất chẳng phải gùn gũ, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ.

Sự của ngoại địa giới: là cây, ngói, đá, sỏi, cây đá, núi non... Đây gọi là ngoại địa giới.

– Sao gọi là thủy giới? Thủy giới có hai: 1. Nội thủy giới; 2. Ngoại thủy giới.

Nội thủy giới: bên trong thân đây, tánh ẩm ướt riêng biệt ở bên trong, những thứ nhiếp thuộc ẩm nhuận, loại nước nhiếp thuộc thủy giới, loại nước gùn gũ, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ.

Sự của nội thủy giới: ở trong thân là nước

mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mỡ, tủy, đàm, máu, mủ, não, màng não, nước tiểu... Đây gọi là nội thủy giới.

Ngoại thủy giới: tánh ẩm ướt ở bên ngoài, những thứ nhiếp thuộc ẩm ướt, loại nước nhiếp thuộc thủy giới, loại nước chẳng phải gân gũ, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ.

Sự của ngoại thủy giới: là giếng, suối, ao, đầm, vũng, hồ, sông, biển... Đây gọi là ngoại thủy giới.

– Sao gọi là hỏa giới? Hỏa giới có hai: 1. Nội hỏa giới; 2. Ngoại hỏa giới.

Nội hỏa giới: bên trong thân đây, tánh ấm áp riêng biệt ở bên trong, những thứ nhiếp thuộc ấm áp, loại ấm áp nhiếp thuộc hỏa giới, loại ấm áp gân gũ, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ.

Sự của nội hỏa giới: trong thân chỗ có ấm áp khiến cho thân hết thấy được ấm nóng, nóng đều, nóng khắp cả. Do nhân duyên đây các thức ăn, thức uống, thức nhai, thức nếm dễ dàng tiêu hóa. Nếu lửa kia tăng trưởng mạnh thì thân nhiệt sẽ cao. Hết thấy loại như vậy gọi là nội hỏa giới.

Ngoại hỏa giới: tánh nhiếp thuộc ấm nóng, những thứ nhiếp thuộc ấm nóng, loại ấm nóng

niếp thuộc hỏa giới, loại ấm nóng chẳng phải gần gũi, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ.

Sự của ngoại hỏa giới: xưa ở nhân gian dùng nhiều cách để lấy lửa. Cây dùi được dùng làm đồ phát sanh lửa, mảnh vụn của phần trấu khô làm đồ môi lửa. Lửa từ cây dùi phát sanh có thể đốt phần trấu, hoặc cỏ, hoặc củi, hoặc bụi cây, hoặc đồng hoang, hoặc núi rừng, hoặc cồn đất, hoặc thôn, một phần thôn, hoặc thành, một phần thành, hoặc nước, một phần nước, hoặc là những vật khác. Đây gọi là ngoại hỏa giới.

– Sao gọi là phong giới? Phong giới có hai: 1. Nội phong giới; 2. Ngoại phong giới.

Nội phong giới: bên trong thân, tánh gió riêng biệt ở bên trong, nhiếp thuộc gió thổi, tánh nhẹ nhàng, tánh chuyển động. Loại gió chẳng phải gần gũi, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ.

Sự của nội phong giới: bên trong thân có gió đi xuống, có gió đi lên, có gió nằm nghiêng bên hông, có gió nằm ngửa, có gió trong khoảng thắt lưng, có gió trong khoảng xương bánh chè, có gió sắc như dao nhỏ, có gió sắc như dao lớn, có gió buốt như kim châm, có gió tất-bát-la, có gió ở hơi

thở ra vào, có gió theo từng chi phần cơ thể. Đây gọi là nội phong giới.

Ngoại phong giới: tánh gió thổi bên ngoài, tánh nhẹ nhàng, tánh chuyển động, loại gió chẳng phải gần gũi, nương tựa, giữ gìn, chấp thọ.

Sự của ngoại phong giới: ở ngoài thân có gió hướng Đông thổi đến, có gió hướng Tây thổi lại, có gió hướng Nam thổi đến, có gió hướng Bắc thổi lại, có gió mang bụi, có gió không mang bụi, có gió hẹp yếu, có gió rộng lớn, có gió Tỳ-thấp-bà, có gió Phệ-lam-bà, có gió phong luân. Có lúc các loại gió bỗng nhiên thổi lên dữ dội làm gãy cây, làm sập tường, làm sóng biển dâng, làm sập núi. Sau khi đã thổi lên không có chỗ nương tựa, tự nhiên ngừng lặng. Các hữu tình lay động tà áo, phẩy quạt và lá đa-la. Hết thấy loại như vậy gọi là ngoại phong giới.

– Sao gọi là không giới? Chỗ có các lỗ hổng của mắt, tai, mũi, miệng, yết hầu.. Nhờ các lỗ trống đây làm chỗ nuốt xuống, đã nuốt xuống rồi, nhờ các lỗ trống này đại tiểu tiện ra ngoài. Hết thấy loại như vậy gọi là không giới.

– Sao gọi là thức giới? Là các thức của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Lại có ba loại khác là tâm,

ý, thức. Đây gọi là thức giới.

Nếu các bổ-đặc-già-la hành mạn, ở nơi giới sai biệt tác ý tư duy, liền đó bên trong thân xa lìa tướng hợp nhất, nên chứng được tướng bất tịnh, không trở lại cao cử, tâm kiêu mạn tiêu trừ dần, ở nơi các hành mạn tâm được thanh tịnh. Đây gọi là sở duyên tịnh hành do giới sai biệt của bổ-đặc-già-la hành mạn.

Sao gọi là sở duyên A-na-ba-na niệm? Là niệm duyên hơi thở vào, hơi thở ra, gọi là A-na-ba-na niệm. Hơi thở vào ra... mà niệm này duyên, gọi là sở duyên của A-na-ba-na niệm. Trong đây phải biết hơi thở vào có hai. Những gì là hai? 1. Hơi thở vào; 2. Khoảng giữa hơi thở vào. Hơi thở ra cũng có hai. Những gì là hai? 1. Hơi thở ra; 2. Khoảng giữa hơi thở ra.

Hơi thở vào: là hơi thở ra không gián đoạn, từ cửa bên trong gió chuyển động cho đến rốn.

Khoảng giữa hơi thở vào: là hơi thở vào vừa dứt, cho đến hơi thở ra chưa sanh. Ở trong khoảng trung gian này, ở chỗ ngừng thở, khi đó tạm thời có gió vi tế chuyển động nhẹ nhẹ. Đây gọi là khoảng giữa hơi thở vào. Như hơi thở vào và khoảng giữa

hơi thở vào như thế, thì hơi thở ra và khoảng giữa hơi thở ra phải biết cũng vậy. Nhưng trong đây cũng có sự sai khác ở chỗ hơi thở vào không gián đoạn, từ cửa bên ngoài gió chuyển động bắt đầu từ nơi rốn cho đến cửa mặt, hoặc đến đầu mũi, hoặc lại đi ra ngoài.

Hơi thở vào, hơi thở ra có 2 nhân duyên. Những gì là hai? 1. Nghiệp dẫn dắt; 2. Từ lỗ huyết nơi rốn, hoặc chỗ có các lỗ trên thân.

Hơi thở vào, hơi thở ra có 2 chỗ nương. Những gì là hai? 1. Thân; 2. Tâm. Vì cơ sao? Cần yếu phải nương thân tâm thì hơi thở ra vào chuyển động như chỗ thích ứng của nó. Nếu chỉ nương thân mà hơi thở chuyển động, thì hữu tình nhập Vô tướng định, nhập Diệt tận định hay sanh vào cõi trời Vô tướng, hơi thở của các hữu tình kia lẽ ra phải chuyển động. Nếu chỉ nương tâm mà hơi thở chuyển động, thì hữu tình kia nhập Vô sắc định, sanh vào cõi Vô sắc, hơi thở của hữu tình kia, lẽ ra phải được chuyển động. Nếu chỉ nương thân tâm chuyển động mà chẳng phải như chỗ thích ứng, thì các hữu tình nhập đệ tứ tinh lự và các hữu tình ở giai đoạn yết-la-lam, át-bồ-đàm, bệ-thi... hơi thở của các hữu tình

ấy lẽ ra phải chuyển động, nhưng hơi thở của kia chẳng chuyển động. Cho nên phải biết chủ yếu nương vào thân tâm, hơi thở vào ra chuyển động như chỗ thích ứng của nó.

Hơi thở vào, hơi thở ra có hai loại hành. Những gì là hai? 1. Hơi thở vào hành hương xuống dưới; 2. Hơi thở ra hành hương lên trên.

Hơi thở vào, hơi thở ra có hai loại địa. Những gì là hai? 1. Lỗ huyết thô; 2. Lỗ huyết tế. Lỗ huyết thô: là từ lỗ huyết nơi rốn cho đến cửa mắt, mũi, lại từ cửa mắt, mũi cho đến lỗ huyết rốn. Lỗ huyết tế: là tất cả lỗ chân lông ở trên thân.

Hơi thở vào, hơi thở ra có bốn tên gọi khác nhau. Những gì là bốn? 1. Gió; 2. A-na-ba-na; 3. Hơi thở ra, hơi thở vào; 4. Thân hành. Một loại gọi là gió, đó là tên gọi chung của gió. Ba loại còn lại là không cùng chung tên gọi.

Hành giả tu tập theo hơi thở ra, hơi thở vào có hai quá hoạn. Những gì là hai? 1. Phương tiện quá chậm; 2. Phương tiện quá gấp gáp. Do phương tiện quá chậm nên sanh khởi giải đãi, hoặc bị hôn trầm thùy miên triền nhiễu loạn nơi tâm, hoặc khiến tâm bị tán loạn ở nơi các duyên bên ngoài. Do phương

tiện quá gấp, hoặc khiến nơi thân sanh mất quân bình, hoặc khiến nơi tâm sanh mất quân bình.

- Sao gọi là khiến nơi thân sanh mất quân bình? Người kia dụng sức mạnh mẽ nắm giữ hơi thở ra, hơi thở vào. Do hơi thở ra vào bị nắm giữ, nên khiến trong thân gió chuyển động không quân bình. Do đây ban đầu các chi phần đều sanh run rẩy, tán loạn, gọi là bị run rẩy, tán loạn. Nếu gia tăng gió run rẩy tán loạn này sẽ khiến phát sanh các tật bệnh. Do nhân duyên đây nên ở nơi các chi phần sẽ sanh khởi bệnh tật. Đây gọi là khiến nơi thân sanh mất quân bình.

- Sao gọi là khiến nơi tâm sanh mất quân bình? Hoặc khiến tâm sanh tán loạn, hoặc bị các sự ưu não rất nặng nề bức bách. Đây gọi là khiến tâm sanh mất quân bình.

Lại nữa, A-na-ba-na niệm đây lược có 5 phương pháp tu tập. Những gì là năm? 1. Tu tập tính đếm; 2. Tu tập ngộ nhập các uẩn; 3. Tu tập ngộ nhập duyên khởi; 4. Tu tập ngộ nhập thánh đế; 5. Tu tập mười sáu thắng hạnh.

- Sao gọi là tu tập tính đếm? Nếu nói lược thì có 4 loại tu tập tính đếm. Những gì là bốn? 1.

Dùng tính đếm một làm một; 2. Dùng tính đếm hai làm một; 3. Tính đếm thuận; 4. Tính đếm nghịch.

Sao gọi là dùng tính đếm một làm một? Nếu hơi thở vào, khi vào rồi, do duyên hơi thở vào, hơi thở ra dứt, thì đếm là số 1. Nếu hơi thở vào dứt, hơi thở ra sanh, đến khi hơi thở ra hướng ra ngoài, thì đếm là số 2. Tuần tự đếm như vậy cho đến số 10. Do cách tính đếm đây, chẳng tóm lược quá, chẳng rộng quá, nên chỉ đếm đến 10. Đây gọi là dùng tính đếm một làm một.

Sao gọi là dùng tính đếm hai làm một? Nếu hơi thở vào, đến lúc hơi thở vào dứt, hơi thở ra sanh, cho đến lúc ra ngoài. Bây giờ mới hợp chung lại đếm là 1. Dựa vào nguyên lý tính đếm như vậy mà đếm cho đến số 10. Một hơi thở vào, một hơi thở ra gọi là 2, tổng hợp hai số lại làm một, nên gọi lấy tính đếm 2 làm 1. Đây gọi là dùng tính đếm 2 làm 1.

Sao gọi là tính đếm thuận? Hoặc do dùng tính đếm 1 làm 1, hoặc do dùng tính đếm 2 làm 1, thuận theo thứ tự đó mà đếm đến số 10. Đây gọi là tính đếm thuận.

Sao gọi là tính đếm nghịch? Tức là do dùng

hai tính đếm trước, nhưng đếm ngược thứ tự. Tức là đếm từ số 10, đến 9, đến 8, đến 7, đến 6, đến 5, đến 4, đến 3, đến 2, đến 1. Đây gọi là tính đếm nghịch.

Nếu hành giả tu tập, lúc hành lấy tính đếm 1 làm 1 làm chỗ nương, hoặc lấy tính đếm 2 làm 1 làm chỗ nương. Đối với tính đếm thuận và tính đếm nghịch cũng tu tập xuyên suốt, khiến tâm ở khoảng trung gian không bị tán loạn. Tâm đã không tán loạn, khéo tính đếm rồi, lại phải nên vì nói tính đếm tăng dần lên.

Sao gọi là tính đếm tăng dần lên? Hoặc nương tính đếm 1 làm 1, hoặc nương tính đếm 2 làm 1, hợp hai làm một mà đếm. Hoặc nương tính đếm 1 làm 1, tức hơi thở vào, hơi thở ra, hai hơi hợp làm một; hoặc nương tính đếm 2 làm 1, tức hơi thở vào, hơi thở ra, bốn hơi hợp làm một. Như vậy triển chuyển cho đến 10, về sau dần dần tăng lên, cho đến lấy 100 làm 1. Lại đếm như vậy, lần lượt đếm cho đến số 10. Như thế hành giả siêng tu tập niệm đếm hơi thở, cho đến 10 lần của số 10 lấy làm 1. Lần lượt đếm cho đến hết 10. Do lấy cách đếm 10 làm 1 đây, ở trong khoảng trung gian tâm không

tán loạn. Ngang đây gọi là đã tu tập thông suốt. Lại hành giả siêng tu tập tính đếm hơi thở đây, nếu ở trong khoảng trung gian, tâm bị tán loạn, thì nên bắt đầu đếm trở lại từ cách đếm đầu tiên, hoặc thuận, hoặc nghịch.

Nếu lúc tu tập tính đếm rất xuyên suốt, nơi tâm tự nhiên nhậm nhẹ lưu chuyển, an trụ nơi sở duyên hơi thở vào, hơi thở ra, tương tục chuyển vận không gián không đoạn. Trước tiên, đối với hơi thở vào, có khả năng nắm giữ sự chuyển vận. Hơi thở vào diệt rồi, ở giai đoạn hơi thở trống không, có khả năng nắm giữ sự chuyển vận. Kế đến ở nơi hơi thở ra, có khả năng nắm giữ sự chuyển vận. Hơi thở ra diệt rồi, ở giai đoạn hơi thở trống không, có khả năng nắm giữ sự chuyển vận. Như vậy triển chuyển chăm chú tương tục, không động, không lay, không hành tán loạn, có vui thích triển chuyển. Ngang đây gọi là vượt qua giai đoạn tính đếm, không cản trở lại cách đếm ban đầu, chỉ ở nơi sở duyên hơi thở ra, hơi thở vào, khiến tâm an trụ. Ở nơi hơi thở ra, hơi thở vào, nên tùy chánh hành, nên hiểu rõ, thông đạt sâu xa. Ở nơi hơi thở vào, hơi thở ra và hai khoảng giữa, hoặc

triển chuyển, hoặc trở lại, phần vị sai khác, đều khéo hiểu rõ.

Như vậy gọi là tu tập tính đếm.

Lại người căn tánh ám độn nên vì họ tuyên nói phương tiện “tu tập tính đếm hơi thở” như vậy. Do người kia tu tập theo đây, nên ở chỗ tán loạn khiến tâm an trụ, khiến tâm vui thích. Nếu chỉ bày phương pháp tính đếm khác với hơi thở vào, hơi thở ra, sẽ khiến tâm người kia bị hôn trầm thùy miên phiền quấy nhiều, hoặc tâm của người kia sẽ bị rong ruổi tán loạn theo cảnh bên ngoài. Do chánh siêng tu tập pháp niệm hơi thở như vậy, nên các chướng ngại trên đều không thể sanh khởi.

Nếu người căn tánh thông lợi, giác tuệ thông sáng, không thích dùng phương tiện gia hạnh tính đếm này. Nếu vì kia tuyên nói gia hạnh tính đếm, thì kia cũng năng nhanh chóng hiểu rõ thông đạt không lầm lạc, nhưng không ưa thích. Kia ở nơi duyên hơi thở ra, hơi thở vào đây an trụ niệm rồi, hoặc đứng xứ chuyển vận, hoặc cho đến chuyển vận, hoặc như sở chuyển vận, hoặc đứng thời chuyển vận. Ở nơi tất cả điều trên, do an trụ niệm, nên năng theo đó chánh hành, nên năng hiểu rõ thông

đạt “gia hạnh như vậy, có tướng như vậy”. Ở gia hạnh đây hoặc tu, hoặc tập, hoặc nhiều tu tập. Do nhân duyên đây nên thân phát khởi khinh an và tâm khinh an, chứng đắc tâm tánh nhất cảnh. Ở nơi sở duyên đây vui thích thú nhập. Như vậy hành giả kia đã khéo tu tập niệm đếm hơi thở rồi, lại ở nơi sở thủ, năng nắm lấy hai việc: tác ý tư duy và ngộ nhập các uẩn.

– Sao gọi là ngộ nhập các uẩn? Người kia ở nơi hơi thở vào, hơi thở ra và thân nương tựa của hơi thở, tác ý tư duy, ngộ nhập sắc uẩn. Ở nơi hơi thở ra, hơi thở vào, năng nắm giữ niệm tương ưng lãnh nạp, tác ý tư duy, ngộ nhập thọ uẩn. Tức ở nơi niệm kia rõ biết hết thấy “tương ưng”, tác ý tư duy, ngộ nhập tưởng uẩn, tức ở nơi niệm kia, hoặc niệm tương ưng tư và tuệ... tác ý tư duy, ngộ nhập hành uẩn; hoặc ở nơi niệm kia, tương ưng các tâm, ý, thức, tác ý tư duy, ngộ nhập thức uẩn. Hành giả như vậy ở trong các uẩn cho đến nhiều an trụ, nên gọi là đã ngộ nhập. Đây gọi là tu tập ngộ nhập các uẩn.

Nếu lúc không diên đảo, năng thấy, năng biết chỉ có các uẩn, chỉ có các hành, chỉ có các sự, chỉ có các pháp. Vị kia lúc bấy giờ năng ở nơi các hành

ngộ nhập duyên khởi.

– Sao gọi là ngộ nhập duyên khởi? Hành giả tu tập quán hành như vậy, tìm hiểu hơi thở ra, hơi thở vào này nương đâu, duyên đâu? Sau khi đã tìm hiểu rồi, như thật ngộ nhập hơi thở ra vào đây nương thân, duyên thân; nương tâm, duyên tâm. Lại tìm hiểu thân đây, tâm đây nương đâu, duyên đâu? Sau khi đã tìm hiểu rồi, như thật ngộ nhập thân này, tâm này, nương duyên mạng căn. Lại tiếp tục tìm hiểu mạng căn như vậy nương đâu, duyên đâu? Sau khi đã tìm hiểu rồi, như thật ngộ nhập mạng căn như vậy nương duyên hành trước. Lại tiếp tục tìm hiểu hành trước như vậy nương đâu, duyên đâu? Sau khi đã tìm hiểu rồi, như thật ngộ nhập các hành trước như vậy nương duyên vô minh. Như vậy rõ biết vô minh nương duyên hành trước, hành trước nương duyên mạng căn, mạng căn nương duyên thân tâm, thân tâm nương duyên hơi thở vào, hơi thở ra. Lại năng rõ biết vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên mạng căn diệt, mạng căn diệt nên thân tâm diệt, thân tâm diệt nên hơi thở ra, hơi thở vào diệt. Như vậy gọi là ngộ nhập duyên khởi.

Hành giả kia ở nơi ngộ nhập duyên khởi đây nhiều an trụ tiếp nối, nên gọi là khéo tu tập. Đây gọi là tu tập ngộ nhập duyên khởi.

– Sao gọi là ngộ nhập thánh đế? Như vậy ở nơi duyên khởi, vị kia đã khéo tu tập ngộ nhập rồi, lại ở nơi các hành như thật rõ biết “từ các duyên sanh khởi”, nên ngộ nhập vô thường. Đó là ngộ nhập các hành là vô thường, vốn không mà có, có rồi tan rã hoại diệt. Nếu vốn không mà có, có rồi tan rã hoại diệt, tức là pháp sanh, pháp lão, pháp bệnh, pháp tử. Nếu là pháp sanh lão bệnh tử, tức là nơi đó khổ. Nếu là khổ, tức là vô ngã, không có được sự tự tại, xa lìa chủ tể. Như vậy gọi là do hành vô thường, khổ, không, vô ngã, ngộ nhập Khổ đế. Lại vị kia như thật năng chánh ngộ nhập các sở hữu hành do các duyên sanh khởi như vậy, tánh nó là khổ, như bệnh, như ung, tất cả đều lấy tham ái làm duyên. Lại chánh ngộ nhập “tức đây năng sanh khởi các khổ tham ái, nếu đoạn trừ không sót tức là rốt ráo tịch tĩnh vi diệu”. Nếu ở nơi đây rõ biết như vậy, quán sát nhận thức như vậy, an trụ nhiều như vậy, sẽ ở nơi tham ái mà năng đoạn chúng không sót thừa. Như vậy gọi là năng ngộ

nhập Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.

Vị kia đã ngộ nhập và an trụ nhiều rồi, ở trong các đế chứng đắc hiện quán. Đây gọi là tu tập ngộ nhập các đế. Như vậy ở trong thánh đế đã khéo tu tập rồi, đối với tất cả phiền não sở đoạn của vị kiến đạo thấy đều vĩnh viễn dứt sạch, chỉ còn lại phiền não sở đoạn của vị tu đạo. Vì muốn đoạn trừ phiền não kia nên lại hướng đến tu tập mười sáu thắng hạnh.

– Sao gọi là 16 thắng hạnh? Đối với niệm hơi thở vào, ta nay năng học niệm ở nơi hơi thở vào. Đối với niệm hơi thở ra, ta nay năng học niệm ở nơi hơi thở ra. Đối với niệm hơi thở vào ngấn, ta nay năng học niệm ở nơi hơi thở vào ngấn. Đối với niệm hơi thở ra ngấn, ta nay năng học niệm ở nơi hơi thở ra ngấn. Đối với niệm hơi thở vào dài, ta nay năng học niệm ở nơi hơi thở vào dài. Đối với niệm hơi thở ra dài, ta nay năng học niệm ở nơi hơi thở ra dài. Đối với niệm hơi thở vào hiểu rõ khắp thân, ta nay năng học niệm hơi thở vào hiểu rõ khắp thân. Đối với niệm hơi thở ra hiểu rõ khắp thân, ta nay năng học niệm hơi thở ra hiểu rõ khắp thân. Đối với niệm hơi thở vào đoạn trừ thân hành, ta nay năng học niệm

thở vào đoạn trừ thân hành. Đối với hơi thở ra đoạn trừ thân hành, ta nay năng học hơi thở ra đoạn trừ thân hành. Đối với hơi thở vào biết rõ hỷ, ta nay năng học hơi thở vào biết rõ hỷ. Đối với hơi thở ra biết rõ hỷ, ta nay năng học hơi thở ra biết rõ hỷ. Đối với hơi thở vào biết rõ lạc, ta nay năng học hơi thở vào biết rõ lạc. Đối với hơi thở ra biết rõ lạc, ta nay năng học hơi thở ra biết rõ lạc. Đối với hơi thở vào biết rõ tâm hành, ta nay năng học hơi thở vào biết rõ tâm hành. Đối với hơi thở ra biết rõ tâm hành, ta nay năng học hơi thở ra biết rõ tâm hành. Đối với hơi thở vào đoạn trừ tâm hành, ta nay năng học hơi thở vào đoạn trừ tâm hành. Đối với hơi thở ra đoạn trừ tâm hành, ta nay năng học hơi thở ra đoạn trừ tâm hành. Đối với hơi thở vào nhận biết rõ tâm, ta nay năng học hơi thở vào nhận biết rõ tâm. Đối với hơi thở ra nhận biết rõ tâm, ta nay năng học hơi thở ra nhận biết rõ tâm. Đối với hơi thở vào hỷ duyệt tâm, ta nay năng học hơi thở vào hỷ duyệt tâm. Đối với hơi thở ra hỷ duyệt tâm, ta nay năng học hơi thở ra hỷ duyệt tâm. Đối với hơi thở vào giữ gìn tâm, ta nay năng học hơi thở vào giữ gìn tâm. Đối với hơi thở

ra giữ gìn tâm, ta nay năng học hơi thở ra giữ gìn tâm. Đối với hơi thở vào giải thoát tâm, ta nay năng học hơi thở vào giải thoát tâm. Đối với hơi thở ra giải thoát tâm, ta nay năng học hơi thở ra giải thoát tâm. Đối với hơi thở vào tùy quán vô thường, ta nay năng học hơi thở vào tùy quán vô thường. Đối với hơi thở ra tùy quán vô thường, ta nay năng học hơi thở ra tùy quán vô thường. Đối với hơi thở vào tùy quán đoạn, ta nay năng học hơi thở vào tùy quán đoạn. Đối với hơi thở ra tùy quán đoạn, ta nay năng học hơi thở ra tùy quán đoạn. Đối với hơi thở vào tùy quán ly dục, ta nay năng học hơi thở vào tùy quán ly dục. Đối với hơi thở ra tùy quán ly dục, ta nay năng học hơi thở ra tùy quán ly dục. Đối với hơi thở vào tùy quán diệt, ta nay năng học hơi thở vào tùy quán diệt. Đối với hơi thở ra tùy quán diệt, ta nay năng học hơi thở ra tùy quán diệt.

Hỏi: Vì sao có 16 thắng hạnh sai biệt như vậy?

Đáp: Bạc hữu học thấy dấu tích đã chứng đắc bốn niệm trụ... đối với tác ý sở duyên hơi thở vào, hơi thở ra lại tiến tu hơn nữa, vì đoạn trừ kiết sử sót

thừa cho nên nghĩ tưởng: “Đối với niệm hơi thở vào, ta nay năng học niệm nơi hơi thở vào. Đối với niệm hơi thở ra, ta nay năng học niệm ở nơi hơi thở ra”.

Vị kia nếu lúc duyên cảnh của hơi thở vào, hơi thở ra, liền tác nghĩ này: “Ta nay năng học niệm hơi thở vào ngắn, niệm hơi thở ra ngắn”. Như sự chuyển vận của hơi thở vào dài, hơi thở ra dài và sự chuyển vận khoảng giữa hơi thở vào ngắn, khoảng giữa hơi thở ra ngắn, tức như vậy rõ biết. Như vậy gọi là hoặc dài, hoặc ngắn.

Vị kia nếu duyên lỗ trống nhỏ nhiệm trong thân, nhập vào trong các lỗ chân lông, hơi thở vào hơi thở ra trải khắp. Lúc ấy duyên đây làm cảnh sanh khởi thắng giải, liền tác nghĩ này: “Ta nay đối với hơi thở vào, hơi thở ra biết rõ châu biến khắp thân, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra biết rõ châu biến khắp thân”.

Vị kia nếu ở lúc hơi thở vào, khoảng giữa hơi thở vào đã diệt, hơi thở ra, khoảng giữa hơi thở ra chưa sanh, duyên nơi giai đoạn trống không giữa hơi thở vào và hơi thở ra, nơi giai đoạn hơi thở vào xa lìa, hơi thở ra làm cảnh. Hoặc hơi thở ra, khoảng giữa hơi thở ra đã diệt, hơi thở vào, khoảng giữa

hơi thở vào chưa sanh, duyên nơi giai đoạn trống không giữa hơi thở ra và hơi thở vào, nơi giai đoạn hơi thở ra xa lìa, hơi thở vào làm cảnh. Tức ở lúc bấy giờ liền tác nghĩ rằng: “Đối với hơi thở vào đoạn trừ thân hành, ta nay năng học hơi thở vào đoạn trừ thân hành. Đối với hơi thở ra đoạn trừ thân hành, ta nay năng học hơi thở ra đoạn trừ thân hành”.

Lại ở đây, vị kia hoặc tu, hoặc tập, hoặc nhiều tu tập. Do nhân duyên đây, chỗ có những cảm xúc khổ mạnh mẽ, nếu lúc trước chưa tu tập xuyên suốt hơi thở ra, hơi thở vào, thì liền thuận theo đó chuyển. Nếu hiện tại đã tu tập xuyên suốt hơi thở vào, hơi thở ra bền chắc, nên chúng đều được dứt trừ, thay vào đó là cảm giác lạc nhu nhuyễn khác, liền tác nghĩ rằng: “Đối với hơi thở vào đoạn trừ thân hành, ta nay năng học hơi thở vào đoạn trừ thân hành. Đối với hơi thở ra đoạn trừ thân hành, ta nay năng học hơi thở ra đoạn trừ thân hành”.

Lại hành giả đối với A-na-ba-na niệm như thế siêng tu hành, hoặc lúc đắc sơ tĩnh lự, hoặc lúc đắc đệ nhị tĩnh lự, liền tác nghĩ này: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ hỷ, ta nay năng

học hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ hỷ”.

Hoặc khi đắc đệ tam tinh lự ly hỷ, liền tác nghi này: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ lạc, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ lạc”. Từ đệ tam tinh lự trở lên, không tu tập thêm đạo lý gia hạnh A-na-ba-na niệm. Cho nên đến đệ tam tinh lự, thì tuyên nói là cảnh giới nhiếp thuộc gia hạnh niệm hơi thở.

Lại hành giả nhận biết rõ hỷ, nhận biết rõ lạc như vậy, có lúc sanh khởi vọng niệm, đó là hoặc cho là có ngã, ngã sở, hoặc phát khởi ngã mạn, hoặc cho rằng ngã đang có, hoặc cho rằng ngã đang không, hoặc cho rằng ngã đang có sắc, hoặc cho rằng ngã đang vô sắc, hoặc cho rằng ngã đang có tướng, hoặc cho rằng ngã đang vô tướng, hoặc cho rằng ngã sẽ phi hữu tướng, phi vô tướng... Những nghi tướng ngu si sanh khởi như vậy đồng hành với chủng chủng mạn chuyển biến hý luận tạo tác tham ái vừa mới sanh khởi, liền phải nhanh chóng dùng tuệ thông đạt, không để nhiễm đắm sâu, phương tiện đoạn diệt, trừ khiển, biến đổi, nhổ bỏ. Do gia hạnh đây liền tác nghi này: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ tâm hành,

ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ tâm hành. Đối với hơi thở vào, hơi thở ra, đoạn trừ tâm hành, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra đoạn trừ tâm hành”.

Lại nếu chúng đắc căn bản đệ nhất, đệ nhị, đệ tam tĩnh lự, vị kia quyết định đã chứng đắc phần cận sơ tĩnh lự, nương vị chí định, tâm quán sát đây sanh khởi, đó là như thật nhận biết, như thật hiểu rõ hoặc có tâm tham, hoặc lìa tâm tham, hoặc có tâm sân, hoặc lìa tâm sân, hoặc có tâm si, hoặc lìa tâm si, tâm giản lược, tâm tán loạn, tâm khiêm hạ, tâm cao cử, tâm có trạo động, tâm không trạo động, tâm có vắng lặng, tâm không vắng lặng, tâm có dẫn dắt... tâm không dẫn dắt... tâm khéo tu tập, tâm không khéo tu tập, tâm khéo giải thoát, tâm không khéo giải thoát. Đối với các loại tâm như thế đều như thật nhận biết, như thật hiểu rõ, cho nên nghĩ rằng: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ tâm, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra nhận biết rõ tâm”.

Vị kia hoặc có lúc cảm thấy bị hôn trầm thù miên cái ngăn che nơi tâm, do ở bên trong an trụ lặng dứt quá tịch tĩnh. Lúc bấy giờ ở bên ngoài tùy

duyên theo một cảnh giới tịnh diệu, hiển việc dạy dẫn khen ngợi, khích lệ, xưng khen, vui mừng sách tấn nơi lòng, cho nên nghĩ rằng: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra tâm hỷ duyệt, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra tâm hỷ duyệt”.

Vị kia hoặc có lúc cảm thấy bị các trạo cử ác tác cái chướng ngăn tâm, do ở bên ngoài trụ nơi quá náo loạn. Lúc bấy giờ ở bên trong gìn giữ an trụ tâm trong sự tịch tĩnh, cho nên nghĩ rằng: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra gìn giữ tâm, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra gìn giữ tâm”.

Vị kia nơi tâm khéo tu, khéo tập, khéo nhiều tu tập, do nhân duyên đây nên khiến xa lìa các triền cái hiện hành. Ở trong các cái tâm được thanh tịnh, cho nên nghĩ rằng: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra giải thoát tâm, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra giải thoát tâm”.

Vị kia tâm đã giải thoát khỏi các cái chướng ngại cho việc tu đạo, nhưng vẫn còn tùy miên sót lại cần phải đoạn trừ. Vì đoạn trừ tùy miên kia nên phát khởi đạo hiện tiền, đó là “ở nơi các hành, tánh pháp vô thường”. Vị kia ân cần tha thiết như lý quán sát, cho nên nghĩ rằng: “Đối với hơi thở

vào, hơi thở ra tùy quán vô thường, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra tùy quán vô thường”.

Vị kia khi trước hoặc nương ba tĩnh lự dưới, hoặc nương vị chí định, đã tu hành Du-già Xa-ma-tha, khiến nương theo đó tùy quán vô thường. Lại tu hành Du-già Tỳ-bát-xá-na. Như vậy đã ở nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na huân tu tâm rồi, ở trong các giới muốn cầu giải thoát khỏi các tùy miên của kia. Sao gọi là các giới? Có ba giới: 1. Đoạn giới; 2. Ly dục giới; 3. Diệt giới.

Tất cả hành kiến đạo sở đoạn đoạn trừ gọi là Đoạn giới. Tất cả hành tu đạo sở đoạn đoạn trừ gọi là Ly dục giới. Tất cả nương đoạn trừ gọi là Diệt giới. Tư duy ba giới như vậy tịch tĩnh an ẩn, không tai họa, tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Do vị kia tu tập, nhiều tu tập, nên từ chỗ phiền não tu đạo sở đoạn sót thừa, tâm được giải thoát, cho nên nghĩ rằng: “Đối với hơi thở vào, hơi thở ra tùy quán đoạn, tùy quán ly dục, tùy quán diệt, ta nay năng học hơi thở vào, hơi thở ra tùy quán đoạn, tùy quán ly dục, tùy quán diệt”. Như vậy vì vị kia ở nơi tất cả phiền não kiến, tu sở đoạn đều đã đoạn trừ vĩnh viễn, thành A-la-hán, các lậu vĩnh viễn đoạn tận,

với sự quyết trạch đã được rớt ráo, từ đó về sau lại không có việc cần phải làm nào khác.

Đây gọi là 16 thắng hạnh.

Tu tập như vậy gọi là 5 chủng tu tập A-na-ba-na niệm. Bồ-đặc-già-la nhiều hành tâm tư phải ở nơi pháp đây chánh siêng tu học, vui thích phụng hành. Nếu ở nơi sở duyên bị vội gấp, bị tán loạn, cần phải thân cận quán hành như vậy. Nếu ở trong pháp đây siêng tu tập, thì tâm tư tán động kia đều không thể tồn tại, tâm ở nơi sở duyên nhanh chóng an trụ, sanh vui thích sâu. Đây gọi là sở duyên tịnh hành của bồ-đặc-già-la hành nhiều tâm tư thứ năm.

Như vậy gọi chung là sở duyên tịnh hành.

c. Sao gọi là sự cảnh sở duyên thiện xảo? Sở duyên đây lược có 5 loại: 1. Uẩn thiện xảo; 2. Giới thiện xảo; 3. Xứ thiện xảo; 4. Duyên khởi thiện xảo; 5. Xứ, phi xứ thiện xảo.

Trong uẩn thiện xảo, sao gọi là uẩn? Sao gọi là uẩn thiện xảo? Uẩn có năm loại: sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

Sao gọi là sắc uẩn? Là các sở hữu sắc. Tất cả đều là bốn đại chủng và sở tạo của bốn đại chủng hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc nội,

hoặc ngoại, hoặc thô, hoặc tế, hoặc liệt, hoặc thắng, hoặc xa, hoặc gần đều gọi chung là sắc uẩn.

Sao gọi là thọ uẩn? Hoặc các cảm thọ do xúc thuận theo lạc làm duyên sanh khởi, hoặc các cảm thọ do xúc thuận theo thọ khổ làm duyên sanh khởi, hoặc các cảm thọ do xúc thuận theo không khổ không lạc làm duyên sanh khởi. Lại có 6 thọ thân: là cảm thọ do xúc của mắt sanh khởi, cảm thọ do xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý sanh khởi. Đây gọi chung là thọ uẩn.

Sao gọi là tướng uẩn? Là tướng có tướng, tướng không tướng, tướng hẹp nhỏ, tướng rộng lớn, tướng vô lượng, tướng không có các sở hữu, không có xứ sở hữu. Lại có 6 tướng thân: là tướng do xúc của mắt sanh khởi, tướng do xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý sanh khởi. Đây gọi chung là tướng uẩn.

Sao gọi là hành uẩn? Có 6 tư thân: là tư do xúc của mắt sanh khởi, tư do xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý sanh khởi. Lại có hết thấy những loại khác, trừ thọ và tướng, đó là các tâm tâm pháp.. Đây gọi chung là hành uẩn.

Sao gọi là thức uẩn? Là tâm, ý, thức. Lại có 6 thức thân là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt

thức, thân thức, ý thức. Đây gọi chung là thức uẩn.

Thọ, tưởng, hành uẩn trước và thức uẩn đây đều có quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài hết thảy sai khác như trước đã nói rộng. Đây gọi là uẩn.

Sao gọi là uẩn thiện xảo? Là khéo rõ biết chủng chủng tánh sai khác của các uẩn đã nói ở trên. Tánh chúng nhiều, chẳng phải một. Trừ pháp đây, lại không có chỗ được, không chỗ phân biệt nào khác. Đây gọi là nói tóm lược nghĩa uẩn thiện xảo.

Sao gọi là chủng chủng tánh sai khác của các uẩn? Là sắc uẩn khác, thọ uẩn khác... cho đến thức uẩn khác. Đây gọi là chủng chủng tánh sai khác.

Sao gọi là uẩn đây chẳng phải một, chúng có nhiều tánh? Là sắc uẩn chẳng phải một, chúng có nhiều phẩm loại vì sở tạo của đại chủng sai khác, vì quá khứ, vị lai, hiện tại, các loại sai khác... Đây gọi là sắc uẩn chẳng phải một, chúng có nhiều tánh. Như vậy các uẩn còn lại tùy chỗ thích hợp đều phải nên rõ biết.

Sao gọi là ngoại trừ pháp đây, lại không có chỗ được, không chỗ phân biệt nào khác? Đó là chỉ có uẩn khá được, chỉ có sự khá được, chẳng phải là uẩn mà có ngã khá được; chẳng phải pháp không

biến đổi, trụ thường hằng là khá được; cũng không chút pháp là sở hữu ngã, nên trừ đây ra trọn không có chỗ được, không có chỗ phân biệt nào khác.

Trong giới thiện xảo, sao gọi là giới? Sao gọi là giới thiện xảo? Có 18 giới: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đây gọi là giới. Nếu đối với 18 chủng pháp kia, từ mỗi mỗi giới riêng khác, từ mỗi mỗi chủng tử riêng khác, từ mỗi mỗi chủng tánh riêng khác, như thật rõ biết sự sanh khởi, xuất hiện của chúng, khá xem xét kỹ lưỡng. Đây gọi là giới thiện xảo. Như thật rõ biết 18 chủng pháp đây, từ giới riêng biệt, mỗi mỗi vận chuyển riêng biệt, tức ở nơi nhân duyên mà được thiện xảo. Cho nên đây gọi là giới thiện xảo.

Trong xứ thiện xảo, sao gọi là xứ? Sao gọi là xứ thiện xảo? Có 12 xứ: là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ. Đây gọi là xứ.

Xứ thiện xảo: mắt làm tăng thượng duyên, sắc làm sở duyên duyên, ý đẳng vô gián diệt làm đẳng

vô gián duyên sanh khởi nhãn thức và pháp tương ứng. Nhĩ làm tăng thượng duyên, thanh làm sở duyên duyên, ý đẳng vô gián diệt làm đẳng vô gián duyên sanh khởi nhĩ thức và pháp tương ứng. Như vậy cho đến sanh tác ý đây làm tăng thượng duyên, pháp làm sở duyên duyên, ý làm đẳng vô gián duyên sanh khởi ý thức và pháp tương ứng. Như vậy sáu thức thân và pháp tương ứng đều do ba duyên mà được lưu chuyển, đó là tăng thượng duyên, sở duyên duyên và đẳng vô gián duyên. Nếu ở nơi các duyên xứ trong ngoài như vậy mà được thiện xảo, gọi là xứ thiện xảo.

Trong duyên khởi thiện xảo, sao gọi là duyên khởi? Sao gọi là duyên khởi thiện xảo? Là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, cho đến chiêu tập thuần đại khổ uẩn như vậy. Đây gọi là duyên khởi.

Nếu lại rõ biết chỉ có các pháp tự thối nhuần các pháp, chỉ có các pháp đượm nhuần các pháp, chỉ có các hành dẫn phát các hành. Nhưng các hành kia

vì do nhân sanh, vì do duyên sanh, vốn không mà có, có rồi tan rã hoại diệt, thể là vô thường. Vì là vô thường, tức là pháp sanh, pháp lão, pháp bệnh, pháp tử, pháp sầu, lo, bi, thán, ưu, khổ não. Vì là pháp sanh cho đến vì là pháp não, nên gọi là khổ. Vì khổ đây, nên không được tự tại, nên lực suy kém. Do nhân duyên đây quyết chắc không có ngã. Nếu ở trong các pháp duyên sanh như vậy, hiểu rõ thông đạt hết thấy chủng chủng hành tướng như vậy, hoặc trí vô thường, hoặc trí khổ, hoặc trí vô ngã. Đây gọi là duyên khởi thiện xảo.

Trong xứ, phi xứ thiện xảo, nên biết tức là sự sai khác của duyên khởi thiện xảo. Nhưng đây sai biệt ở chỗ là: do xứ, phi xứ thiện xảo nên năng chánh rõ biết “đạo lý nhân quả không phải không bình đẳng”, tức là pháp thiện, bất thiện có quả dị thực. Nếu là các pháp thiện, thì năng chiêu cảm quả dị thực là pháp khả ái. Nếu là các pháp bất thiện, thì năng chiêu cảm quả dị thực là pháp phi ái. Nếu năng như thật biết rõ như vậy gọi là xứ, phi xứ thiện xảo.

Năm thiện xảo đây tóm lược lại chỉ có hai: 1. Tự tướng thiện xảo; 2. Cộng tướng thiện xảo. Do

uẩn thiện xảo hiển thị tự tướng thiện xảo. Do các thiện xảo còn lại hiển thị cộng tướng thiện xảo.

Như vậy gọi chung là sở duyên thiện xảo.

d. Sao gọi là sự cảnh sở duyên tịnh hoặc? Sở duyên tịnh hoặc của thế gian là quán tánh thô của địa dưới, tánh tịnh của địa trên, như Dục giới so với Sơ tinh lục, cho đến Vô sở hữu xứ so với Phi tướng phi phi tướng xứ.

Sao gọi là tánh thô? Tánh thô có hai: 1. Tánh thể thô; 2. Tánh số thô.

Tánh thể thô: Dục giới so với Sơ tinh lục, cả hai giới tuy đều có đủ năm uẩn, mà trong Dục giới quá hoạn sâu nặng hoặc có khổ tăng thượng, rất là xấu xa dơ ւế, thật đáng chán ghét, cho nên nói cõi Dục kia là tánh thể thô. Trong cõi Sơ tinh lục thì không phải như vậy, cực tinh cực diệu, cho nên nói cõi kia là tánh thể tinh.

Tánh số thô: sắc uẩn ở Dục giới có nhiều phẩm loại nên biết nên đoạn, cho đến thức uẩn cũng thế, cho nên nói cõi kia là tánh số thô. Như vậy các địa trên thứ tự triển chuyển so sánh với nhau, hoặc tánh thể thô, hoặc tánh số thô tùy chỗ thích hợp phải biết cũng vậy. Tánh thô như vậy, ở các

địa trên thứ tự triển chuyển so sánh với nhau, cho đến cao nhất ở Vô sở hữu xứ. Tất cả địa dưới khổ não tăng nhiều, thọ mạng giảm bớt. Tất cả địa trên khổ não giảm bớt, thọ mạng tăng nhiều. Ở cõi Phi tướng phi phi tướng xứ chỉ có tịnh, chỉ có diệu, không có địa nào thắng vượt hơn địa này. Tóm lại mà nói, nghĩa có quá hoạn tức là nghĩa tánh thô.

Nếu ở trong địa kia có quá hoạn tăng nhiều, tức do tánh quá hoạn tăng nhiều như vậy gọi là tánh thô. Nếu ở trong địa kia có quá hoạn giảm bớt, tức là tánh quá hoạn giảm bớt như vậy gọi là tánh tinh. Thế gian đây thuộc sở duyên tịnh hoặc của đạo thế tục. Tại sao vậy? Vị kia quán địa dưới nhiều các quá hoạn như bệnh, như ung, như tên độc, tánh không an ổn lấy làm tánh thô; quán địa trên trái với tướng của địa kia lấy làm tánh tinh; đoạn trừ tướng phiền não của địa dưới, bắt đầu từ Dục giới cho đến cõi trên hết là Vô sở hữu xứ. Đây là đoạn trừ tạm thời, chẳng phải đoạn trừ rốt ráo, vì về sau vẫn còn tương tục trở lại.

Sở duyên tịnh hoặc của đạo xuất thế gian lại có 4 loại: 1. Khổ thánh đế; 2. Tập thánh đế; 3.

Diệt thánh đế; 4. Đạo thánh đế.

Sao gọi là Khổ thánh đế? Là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, oán ghét gặp nhau khổ, yêu thương chia lìa khổ, mong cầu không được khổ. Nói tóm lược là tất cả năm thủ uẩn khổ. Đây gọi là Khổ thánh đế.

Sao gọi là Tập thánh đế? Hoặc ái, hoặc ái hậu hữu, hoặc ái đồng hành với hỷ tham, hoặc ái hỷ lạc kia kia... Đây gọi là Tập thánh đế.

Sao gọi là Diệt thánh đế? Hết thấy các ái đây được đoạn trừ không sót thừa. Đây gọi là Diệt thánh đế.

Sao gọi là Đạo thánh đế? Là tám thánh đạo chi... Đây là Đạo thánh đế.

Phải biết trong đây nương sự kiến lập nhân quả của phẩm hắc, phẩm bạch mà kiến lập bốn thánh đế. Đó là Khổ đế là quả của phẩm hắc, Tập đế là nhân của phẩm hắc, Diệt đế là quả của phẩm bạch, Đạo đế nhân của phẩm bạch, vì năng đắc năng chứng.

Lại Khổ đế như bệnh, trước tiên phải nên rõ biết. Tập thánh đế như nhân duyên của bệnh, kế đến phải nên xa lìa. Diệt đế như tình trạng không

bệnh, kế phải nên tác chứng. Đạo đế như thuốc hay, lại phải nên tu tập và nhiều tu tập.

Lại nghĩa khổ của Khổ đế cho đến nghĩa đạo của Đạo đế là như, là thật, chẳng phải không như thật; là không điên đảo, chẳng phải là điên đảo. Cho nên gọi là đế.

Lại tự tướng của kia không có hư dối và vì lẽ kia nhận biết không điên đảo triển chuyển, cho nên gọi là đế.

Hỏi: Cớ sao các đế chỉ gọi là thánh đế?

Đáp: Bởi lẽ chỉ có các bậc Thánh ở nơi các đế cùng gọi là đế, rõ biết như thật, quán thấy như thật. Tất cả các ngu phu không như thật rõ biết, không như thật quán thấy. Cho nên các đế chỉ gọi là thánh đế.

Lại, các ngu phu chỉ do nghe pháp nhĩ như vậy mà biết tên là Đế, chẳng phải do giác ngộ. Còn đối với các bậc Thánh thì do cả hai điều nói trên.

Lại, sanh khổ tức là vô số khổ phát sanh trong quá trình sống mà thân tâm lãnh thọ. Không phải bản chất của sanh là khổ, mà chỉ là nhân duyên của khổ, nên gọi là khổ. Nói rộng cho đến mong cầu không được khổ, tức là vô số khổ phát sanh do

những việc mong cầu mà không đạt được. Không phải bản chất của việc cầu không được tức là khổ, mà chỉ là nhân duyên của khổ, nên gọi là khổ.

Như vậy đã nói tóm lược hết thấy năm thủ uẩn khổ, đó là do các môn khác nhau như sanh... duy chỉ hiển rõ khổ khổ. Từ năm thủ uẩn khổ đây cũng hiển rõ các khổ còn lại là hoại khổ, hành khổ. Vì có sao? Bởi lẽ năm thủ uẩn thu nhiếp đủ cả ba thọ. Như vậy năng cùng khổ khổ đã nói ở trước làm khí cụ, nên biết trong đây tức cũng có đầy đủ hoại khổ, hành khổ chưa được nói đến ở trước.

Hỏi: Có sao Đức Thế Tôn trực tiếp dùng tiếng nói của mình để thuyết một chủng khổ khổ, còn hoại khổ và hành khổ phải thuyết gián tiếp qua một môn khác?

Đáp: Bởi lẽ ở trong khổ khổ, hoặc phàm, hoặc Thánh, hết thấy đều có tuệ nhận biết về khổ chuyển. Lại tánh khổ khổ rất đáng chán ghét. Lại vì người từ trước đến nay chưa tu tập tuệ, nên khi vừa được nghe thuyết, có khả năng dễ thâm nhập. Lại ở trong các đế, vì khiến cho hữu tình dễ dàng được hóa độ, được điều phục, được thâm nhập.

Sao gọi là kiến lập ba chủng tánh khổ? Như

trước đã thuyết sanh khổ cho đến mong cầu không được khổ, tức hiển thị: “Thọ khổ và xứ sở y là tánh khổ khổ”. Như vậy kiến lập tánh khổ khổ.

Các hữu sau đây là pháp sở đối trị của kia. Đó là: trẻ là sở trị của già, không bệnh là sở trị của bệnh, sống là sở trị của chết, yêu thương, hội hợp là sở trị của oán ghét, chia lìa, không yêu thương chia lìa là sở trị của thương yêu chia lìa, mong cầu mà được là sở trị của mong cầu mà không được. Lại có thọ khổ và xứ sở y sanh khởi phiền não. Lại có không bệnh... xứ thuận thọ lạc... và phiền não sanh khởi do thọ của kia sanh ra. Như vậy gọi chung là tánh hoại khổ.

Trong đây lạc thọ và xứ sở y hoặc thay đổi, hoặc khác đi là do vô thường, khiến thọ lãnh các khổ sanh khởi do sự việc của kia tăng lên. Hoặc các phiền não ở tất cả xứ khi đang sanh khởi, khiến trói buộc quấy nhiễu tâm, khiến tâm biến hoại, liền phát sanh các khổ. Vì thế nên gọi là hoại khổ. Như Đức Thế Tôn dạy: “Tâm nhập vào biến hoại, cầm tay người nữ... cho đến nói rộng”. Lại như nói rằng: “Trụ nơi tham dục triền, lãnh thọ sự ưu khổ của thân tâm do tham dục triền làm

duyên sanh khởi. Như vậy do trụ nơi sân khuê, hôn trầm thụy miên, trạo cử ác tác, nghi triền, lãnh thọ sự ưu khổ của thân tâm do triền cái kia làm duyên sanh khởi”. Vì chí giáo đây là chí giáo bậc nhất, ở trong các phiền não, nghĩa khổ khổ đắc, nghĩa hoại khổ đắc, nên nói phiền não là tánh hoại khổ. Như vậy gọi là kiến lập tánh hoại khổ.

Nếu tánh hành khổ thì biến hành trong tất cả năm thủ uẩn. Đây tóm yếu mà nói: trừ tánh khổ khổ, trừ tánh biến hoại khổ do phiền não nhiếp, trừ tánh biến hoại khổ do thọ lạc nhiếp và xứ sở y, còn lại những cảm thọ đồng hành không khổ không lạc, hoặc sở sanh của kia, hoặc duyên sanh kia, hoặc sở hữu các uẩn của sanh tồn tại như khí cụ, gọi là tánh hành khổ, do các uẩn kia tánh vô thường, sanh diệt tiếp nối. Hết thấy thủ là chỗ tùy triền chuyển đuổi theo của ba thọ thô trọng, nhiếp thuộc không an ổn, không thoát khỏi khổ khổ và hoại khổ, không được tự tại chuyển. Do hành khổ đây nên gọi là khổ. Như vậy gọi là kiến lập tánh hành khổ.

Lại tức ái kia, cũng gọi là mong cầu, cũng gọi là vui muốn, cũng gọi là hỷ lạc. Tức sự mong cầu

đây do ba cửa mà được triển chuyển, bao gồm mong cầu hậu hữu và mong cầu cảnh giới. Nếu mong cầu hậu hữu gọi là ái hậu hữu. Nếu mong cầu cảnh giới lại có hai loại, đó là: nơi cảnh giới đã được có ái đồng hành hỷ trước, nơi cảnh giới chưa được có ái đồng hành hòa hợp mong cầu. Phải biết trong đây ở nơi cảnh giới đã được, ái đồng hành với hỷ trước, gọi là ái đồng hành hỷ tham; ở nơi cảnh giới chưa được, ái đồng hành hòa hợp mong cầu, gọi là ái hỷ lạc kia kia.

Diệt có hai chủng: 1. Phiền não diệt; 2. Sở y diệt.

Đạo có hai chủng: 1. Đạo hữu học; 2. Đạo vô học.

Như vậy phải biết, đây gọi là sở duyên tịnh hoặc của đạo xuất thế.

Như vậy đã thuyết 4 chủng sở duyên: 1. Sở duyên biến mãn; 2. Sở duyên tịnh hành; 4. Sở duyên thiện xảo; 3. Sở duyên tịnh hoặc.

4. Dạy trao: Có 4 loại dạy trao: 1. Dạy trao không diên đảo; 2. Dạy trao thứ lớp; 3. Dạy trao giáo pháp; 4. Dạy trao sự chứng đắc.

Sao gọi là dạy trao không diên đảo? Tức là tuyên thuyết pháp nghĩa không diên đảo, khiến cho người nghe thọ trì, đọc tụng, tu học, như thật xuất ly, chánh biết đoạn tận các khổ, ngăn mé các khổ. Như vậy gọi là dạy trao không diên đảo.

Sao gọi là dạy trao thứ lớp? Tức là khéo léo tuyên thuyết pháp nghĩa đúng thời cơ, trước tiên khiến kia thọ trì đọc tụng điều cạn gần, sau mới khiến kia tu học những điều sâu xa.

Lại ban đầu vì muốn khiến kia nhập đế hiện quán, nên trước dạy Khổ đế, sau mới dạy Tập đế, Diệt đế, Đạo đế. Lại vì khiến kia chứng đắc đẳng chí tinh lự, nên trước dạy đẳng chí tinh lự đầu tiên, sau dạy đẳng chí tinh lự còn lại. Hết thấy loại như thế nên biết là dạy trao thứ lớp.

Sao gọi là dạy trao giáo pháp? Từ những chỗ được nghe chánh giáo, đó là các bậc đáng tôn trọng như chư Như lai, hoặc đệ tử Phật, hoặc Quý phạm sư, hoặc Thân giáo sư, mà người kia được hiểu biết, thông đạt tôn trọng Du-già. Tức như điều đã nghe không thêm không bớt dạy trao cho người. Đây gọi là dạy trao giáo.

Sao gọi là dạy trao sự chứng đắc? Người kia

một mình ở chốn không nhà, ở nơi các pháp đã có chỗ đắc, đã có chỗ xúc, đã có chỗ chứng. Vì muốn khiến người khác cũng đắc, xúc, chứng các pháp như vậy, nên phương tiện dạy bảo. Đây gọi là dạy trao sự chứng đắc.

Lại có các tướng dạy trao viên mãn. Việc ấy thế nào? Do 3 loại dạy trao thần biến: 1. Thần cảnh thông thần biến; 2. Ký thuyết thần biến; 3. Giáo giới thần biến.

Do thần cảnh thần biến năng hiện chủng chủng cảnh giới thần biến, khiến người đối với cảnh đã hiện rất sanh tôn trọng. Do đối với cảnh đã hiện rất tôn trọng, nên đối với Du-già tác ý tập trung lắng nghe rất sanh cung kính.

Do ký thuyết thần biến, có khả năng tìm hiểu tâm hành sai khác của người.

Do giáo giới thần biến, như căn, như hành, như chỗ ngộ nhập của người mà vì họ tuyên thuyết chánh pháp, năng chánh dạy răn những pháp đã tu hành. Cho nên ba loại thần biến đây năng nhiếp lấy các tướng dạy trao viên mãn.

Quyển 28

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần 2 của DU GIÀ XỨ - Thứ 3

5. Học: Là ba loại học thù thắng: 1. Tăng thượng giới học; 2. Tăng thượng tâm học; 3. Tăng thượng tuệ học.

– Sao gọi là tăng thượng giới học? Là an trụ đầy đủ giới... như trước đã nói rộng. Đây gọi là tăng thượng giới học.

– Sao gọi là tăng thượng tâm học? Là lìa ham muốn pháp ác bất thiện, có tâm có tứ, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ tĩnh lự, đầy đủ an trụ... cho đến năng nhập đệ tứ tĩnh lự, đầy đủ an trụ. Đây gọi là tăng thượng tâm học.

Lại có các Vô sắc và các sở hữu đẳng trì, đẳng chí khác cũng đều gọi là tăng thượng tâm học. Ban đầu nương tĩnh lự năng nhập thánh đế hiện quán, thấu đạt chánh tánh ly sanh. Nếu hoàn toàn xa lìa hết thấy tĩnh lự thì chẳng năng thành tựu việc đây, cho nên tĩnh lự rất thù thắng. Do đó chỉ thuyết riêng tĩnh lự là tăng thượng tâm học.

– Sao gọi là tăng thượng tuệ học? Là trí kiến như thật, như bốn Thánh đế. Đây gọi là tăng thượng tuệ học.

Hỏi: Vì sao chỉ có ba loại học, không nhiều hơn, không ít hơn?

Đáp: Vì nghĩa kiến lập định, vì nghĩa sở y của trí, vì nghĩa việc làm thành xong. Nghĩa kiến lập định, đó là tăng thượng giới học. Vì có sao? Vì giới được kiến lập thực hành, tâm tánh nhất cảnh, năng khiến tâm xúc Tam-ma-địa. Nghĩa sở y của trí, đó là tăng thượng tâm học. Vì có sao? Do tâm chánh định, niệm tánh nhất cảnh, ở nơi sự sở tri có trí như thật, có kiến như thật triển chuyển. Nghĩa việc làm trọn xong, đó là tăng thượng tuệ học. Vì có sao? Vì khéo thanh tịnh hoặc trí hoặc kiến, nên năng chứng đắc đoạn trừ các phiền não rốt ráo. Vì đoạn trừ phiền não đây là nghĩa tự lợi, là việc làm thù thắng. Vì vượt qua điều trên đây sẽ không có việc làm thù thắng nào nữa. Do nhân duyên đây nên chỉ có ba loại học.

Hỏi: Nhân duyên nào có ba loại học thứ tự như vậy?

Đáp: Trước tiên ở nơi giới khéo thanh tịnh,

nên không có lo buồn hối hận. Vì không lo buồn hối hận, nên hoan hỷ an lạc. Vì an lạc, nên tâm được chánh định. Vì tâm được định, nên năng biết như thật, năng thấy như thật. Vì thấy biết như thật, nên năng sanh khởi nhàm chán. Vì nhàm chán, nên lìa nhiễm. Vì lìa nhiễm, nên được giải thoát. Vì được giải thoát, nên chứng cứu cánh Niết-bàn, không còn có việc cần phải làm nào khác.

Như vậy, trước tiên tu tập tịnh giới, dần dần tiến lên chứng cứu cánh Niết-bàn không tạo tác. Cho nên có ba loại học thứ tự như vậy.

Hỏi: Vì sao ba loại học đây gọi là tăng thượng giới, tâm, tuệ?

Đáp: Vì nghĩa đi đến, vì nghĩa tối thắng, nên gọi là tăng thượng.

Sao gọi là nghĩa đi đến? Vì đi đến tăng thượng tâm mà tu tịnh giới, nên gọi là tăng thượng giới học. Vì đi đến tăng thượng tuệ mà tu tâm định, nên gọi là tăng thượng tâm học. Vì đi đến đoạn phiền não mà tu trí kiến, nên gọi là tăng thượng tuệ học. Như vậy gọi là nghĩa đi đến, nên gọi là tăng thượng.

Sao gọi là nghĩa tối thắng? Hoặc tăng thượng

giới học, hoặc tăng thượng tâm học, hoặc tăng thượng tuệ học, ba học đây chỉ có trong Thánh giáo, không cùng chung với ngoại đạo. Như vậy gọi là nghĩa tối thắng, nên gọi là tăng thượng.

Lại có tăng thượng tâm học năng dẫn phát tăng thượng tuệ học. Hoặc có tăng thượng tuệ học năng dẫn phát tăng thượng tâm học. Đó là vị thánh đệ tử chưa đạt được tĩnh lự căn bản, trước học thấy dấu tích, sau vì tiến lên đoạn trừ tất cả phiền não sở đoạn của bậc tu đạo mà chánh siêng năng gia hạnh tu niệm giác chi cho đến tu xả giác chi. Đây gọi là tăng thượng tuệ học dẫn phát tăng thượng tâm học. Tăng thượng tâm học dẫn phát tăng thượng tuệ học như trước đã thuyết.

Lại hoặc có tăng thượng giới học mà không có tăng thượng tâm, không có tăng thượng tuệ. Hoặc có tăng thượng giới học cũng có tăng thượng tâm, chỉ không có tăng thượng tuệ. Chẳng phải có tăng thượng tuệ học mà không có tăng thượng giới và không có tăng thượng tâm. Cho nên nếu có tăng thượng tuệ học, nên biết quyết chắc có đầy đủ ba học. Ở nơi sự kiến lập ba loại học đây, các thầy Du-già cần phải siêng năng tu học.

Lại có ba loại bổ-đặc-già-la nương ba học đây nhập vào đế hiện quán. Những gì là ba? 1. Loại chưa ly dục; 2. Loại trái lìa dục; 3. Loại đã ly dục. Nên biết trong đây người hoàn toàn chưa lìa tất cả dục, siêng năng tu gia hạnh, nhập đế hiện quán, đã ở nơi các đế được hiện quán rồi chứng quả Dự lưu. Người trái lìa dục đương lúc bấy giờ chứng quả Nhất lai. Người đã ly dục đương lúc bấy giờ chứng quả Bất hoàn.

Lại có ba căn: 1. Căn chưa biết muốn biết; 2. Căn đã biết; 3. Căn biết đầy đủ. Sao kiến lập ba căn như thế? Nếu hành giả ở nơi các đế chưa được hiện quán, nên siêng năng tu gia hạnh các đế hiện quán, nương đây kiến lập căn chưa biết muốn biết. Nếu hành giả ở vị hữu học mà đã được hiện quán ở nơi các đế, nương đây kiến lập căn đã biết. Nếu bậc A-la-hán việc cần làm đã làm xong, trụ vị vô học, nương đây kiến lập căn biết đầy đủ.

Lại có ba giải thoát môn: 1. Không giải thoát môn; 2. Vô nguyện giải thoát môn; 3. Vô tướng giải thoát môn.

Sao kiến lập ba giải thoát môn? Vì cảnh sở tri lược có hai loại: có và chẳng phải có. Có gồm hai

loại: 1. Hữu vi, 2. Vô vi. Ở trong hữu vi, còn nói là “ba cõi trời buộc năm uẩn”. Ở trong vô vi, còn nói là “Niết-bàn”. Hai chủng hữu vi, vô vi như vậy gọi chung là Có. Hoặc nói ở nơi ngã, hoặc nói hữu tình, mạng giả, sanh giả... đây gọi là chẳng phải có.

Ở trong hữu vi, vì thấy quá thất, vì thấy quá hoạn, nên không có điều mong cầu. Vì không mong cầu, nên nương theo đó kiến lập Vô nguyện giải thoát môn.

Ở trong hữu vi không có sự mong cầu, mà đối với Niết-bàn sanh khởi mong cầu sâu, vì thấy được sự tịnh tĩnh vô cùng, thấy được sự vi diệu sâu xa, thấy được sự xuất ly vĩnh viễn. Vì trong đây thấy được sự xuất ly vĩnh viễn, nên nương theo đó kiến lập Vô tướng giải thoát môn.

Ở trong chẳng phải có, không có sở hữu này, chẳng phải có mong cầu, chẳng phải không mong cầu. Như lẽ chẳng phải có đây là như vậy, nên biết là chẳng phải có, thấy là chẳng phải có, nương đây kiến lập Không giải thoát môn.

Đây gọi là kiến lập ba giải thoát môn.

6. Pháp học tùy thuận: Có 10 loại pháp học

trái ngược, vì đối trị với pháp học này, nên biết có 10 loại pháp học tùy thuận.

Sao gọi là mười loại pháp học trái ngược?

1. Như có thiếu nữ tuổi xuân sung mãn, hình thể dung sắc khả ái, chính là chướng ngại bậc thượng cho những thiện nam tử đang tu học.

2. Ở nơi các hành nghiệp thuộc tát-ca-da, sanh khởi yêu thích đắm trước.

3. Lười biếng giải đãi.

4. Tát-ca-da kiến.

5. Nương ở nơi đoạn thực, tham trước mỹ vị.

6. Ở nơi chủng chủng hý luận thế gian, chẳng phải một mà nhiều phẩm loại khác biệt, ở trong sự nhớ nghĩ tư duy, phát khởi dục tham yêu thích.

7. Tư duy các pháp thuộc sở hữu quá hoạn của tác ý Du-già. Loại pháp học trái ngược thứ bảy này lại được nói như thế nào? Ở đây có 11 loại: 1. Ở trong các đế, thực, uẩn, nghiệp, quả, sanh do dự nghi hoặc; 2. Các thô trọng thuộc thân của người vui tu đoạn; 3. Người chậm chạp ở nơi sự tu Chỉ Quán, tác ý quá hoạn, bị hôn trầm thụy miên che đậy tâm, khiến tâm ám muội mờ tối; 4. Người tinh tấn thái quá, khiến thân mệt mỏi, khiến tâm ưu

não; 5. Người tinh cần yếu ớt nên không thể thắng tiến, đối với các phẩm thiện bị suy tổn; 6. Ở nơi chút ít lợi dưỡng, danh dự, tiếng khen, tùy theo một việc vui thích, phát sanh vui vẻ sâu; 7. Nhảy nhót quấy nhiễu, trạo cử không yên; 8. Đối với Niết-bàn, tát-ca-da vĩnh viễn diệt, mà sanh hãi sợ; 9. Đối với các lời nói ra phi lượng gia hạnh, nói năng luận bàn thái quá, tùy tiện nói pháp luận thích chiết phục, phương tiện sanh khởi tranh cãi; 10. Đối với những điều đã thấy, đã nghe, đã thọ, không phải một chủng mà nhiều phẩm loại khác biệt trong các cảnh giới, tâm rong ruổi, tâm tán loạn; 11. Đối với những chỗ không nên suy nghĩ mà lại tư duy mạnh mẽ, phải biết đây gọi là tư duy các pháp thuộc sở hữu quá hoạn của tác ý Du-già.

8. Ở trong lạc của các đẳng chí tinh lự, sanh sâu vị ái.

9. Vui muốn chứng nhập vô tướng định, mà ở trong các hành thuận theo đó lưu tán.

10. Lúc thọ khổ xúc chạm thân, cho đến lúc thọ khổ do mạng sống mất đi, tham ái thọ mạng, mong cầu sống lâu. Theo mong cầu đây, nên sầu đau than vãn mê muội.

Đây gọi là mười chủng pháp học trái ngược.

Sao gọi là có 10 loại pháp học tùy thuận đối trị mười loại pháp học trái ngược như vậy? Có mười loại: 1. Tướng bất tịnh; 2. Tướng vô thường; 3. Tướng vô thường khổ; 4. Tướng khổ vô ngã; 5. Tướng nhàm chán trái ngược việc ăn; 6. Tướng hết thấy thế gian không thể vui; 7. Tướng quang minh; 8. Tướng ly dục; 9. Tướng diệt; 10. Tướng chết.

Mười tướng như vậy phải khéo tu, khéo tập, khéo tu tập nhiều mới năng đoạn được mười loại pháp học chướng ngại, pháp học trái ngược trên.

Trong đây phải biết có 4 loại quang minh: 1. Quang minh pháp; 2. Quang minh nghĩa; 3. Quang minh Xa-ma-tha; 4. Quang minh Tỳ-bát-xá-na. Nương bốn loại quang minh tăng thượng đây kiến lập quang minh tướng. Nay trong nghĩa đây ý hướng đến tư duy các pháp năng đoạn pháp học chướng ngại của tác ý Du-già.

Trong đây lại có 10 loại pháp học tùy thuận. Những gì là mười? 1. Túc nhân; 2. Tùy thuận giáo; 3. Gia hạnh như lý; 4. Thực hành sâu dày không gián đoạn; 5. Vui muốn mãnh lợi; 6. Lực hộ trì Du-già; 7. Dừng dứt thô trọng của thân tâm; 8. Luôn

luôn quán sát; 9. Không có khiếm nhược; 10. Là tăng thượng mạn.

Sao gọi là túc nhân? Là các căn từ trước đã huân tập thành thực, các căn từ trước đã được huân tập chứa nhóm.

Sao gọi là tùy thuận giáo? Là không điên đảo với những điều giảng dạy tuân tự theo thứ lớp.

Sao gọi là gia hạnh như lý? Như điều được dạy mà tu hành không điên đảo, tu hành như vậy năng sanh chánh kiến.

Sao gọi là thực hành sâu dày không gián đoạn? Là do chánh gia hạnh như vậy, nên không vì nuôi mạng sống mà xả bỏ chỗ sở hữu các phẩm thiện, mà lại nhanh chóng tu tập chứa nhóm.

Sao gọi là vui muốn mãnh lợi? Như có người đối với một trong số giải thoát của các vị trên, phát sanh lòng ngưỡng mộ vui muốn, khởi nghĩ: “Lúc nào ta có thể ở chốn này, đầy đủ an trụ ở xứ này, như chỗ các bậc Thánh đầy đủ an trụ?”

Sao gọi là lực hộ trì Du-già? Có hai nhân duyên năng khiến thành tựu lực hộ trì Du-già: 1. Người bản tánh lợi căn; 2. Người tu tập xuyên suốt trường thời.

Sao gọi là dùng dứt thô trọng của thân tâm? Như có người do quá mệt mỏi nên thân phát sanh thô trọng, tâm phát sanh thô trọng; bấy giờ nhanh chóng chỉnh đốn thoát khỏi oai nghi ấy, khiến dùng dứt thô trọng. Hoặc do quá tầm, quá tứ mà thân phát sanh thô trọng, tâm phát sanh thô trọng; bấy giờ bên trong tâm dùng phương tiện ngừng nghỉ khiến dứt thô trọng. Hoặc do hôn ám, tâm hạ liệt, bị sự trói buộc quá nhiều của hôn trầm thụy miên, nên thân phát sanh thô trọng, tâm phát sanh thô trọng; bấy giờ tác ý thiện thanh tịnh, tăng thượng tuệ pháp Tỳ-bát-xá-na khiến dứt thô trọng. Hoặc do bản tánh phiền não chưa đoạn, có phẩm phiền não, nên chưa thể xả ly thân tâm thô trọng; bấy giờ phải tương tục tinh cần tu chánh đạo khiến dứt thô trọng.

Sao gọi là luôn luôn quán sát? Nương nơi giới, luôn luôn quán sát việc ác không làm, luôn luôn quán sát việc thiện nên làm. Đối với các việc ác, không làm, không chuyển theo. Đối với việc thiện chưa làm, không thối chuyển. Đối với việc ác đã làm, xả bỏ. Đối với việc thiện đã làm, không xả bỏ. Lại đối với các phiền não đã đoạn và chưa đoạn,

nên tác ý quán sát lực tăng thượng. Luôn luôn quán sát, nếu biết đã đoạn liền sanh hoan hỷ, nếu biết chưa đoạn thì luôn luôn chuyên cần siêng tu chánh đạo.

Sao gọi là không có khiếp nhược? Vào thời gian sau, vì chưa biết, chưa thấy, chưa chứng đắc đối với những điều nên biết, nên thấy, nên chứng đắc, nên tâm phát sanh khiếp nhược, tâm phát sanh mỗi một, tâm bị hao tổn. Lúc tâm đã sanh khởi như thế, không chấp giữ kiên cố năng nhanh chóng đoạn diệt.

Sao gọi là lìa tăng thượng mạn? Ở nơi điều đã đắc, điều đã xúc, điều đã chứng, không tăng thượng mạn, lìa chấp diên đảo. Đối với điều đã chân thật đắc, phát khởi tưởng đắc; đối với điều đã chân thật xúc, phát khởi tưởng xúc; đối với điều đã chân thật chứng, phát khởi tưởng chứng.

Mười loại pháp như vậy, các thầy Du-già cần phải tu học trong sự vui tu học. Lúc đầu, lúc giữa, lúc sau hằng thường thuận theo, không sanh trái nghịch. Cho nên gọi là pháp học tùy thuận.

7. Hoại Du-già: Hoại Du-già lược có 4 loại.

Những gì là bốn? 1. Rốt ráo hoại Du-già; 2. Tạm thời hoại Du-già; 3. Hoại Du-già do thối thất điều đã đắc; 4. Hoại Du-già do gây tạo tà hạnh.

Sao gọi là rốt ráo hoại Du-già? Như bồ-đặc-già-la không có chủng tánh. Vì sao như vậy? Bởi lẽ nơi thân này bồ-đặc-già-la không thể hưởng đến pháp Niết-bàn, nên cuối cùng hoại mất pháp xuất thế Du-già.

Sao gọi là tạm thời hoại Du-già? Như bồ-đặc-già-la có chủng tánh. Vì sao như vậy? Bởi lẽ trong thân đây bồ-đặc-già-la thường năng hưởng đến pháp Niết-bàn. Tuy thiếu ngoại duyên, nhưng trải qua thời gian lâu quyết định sẽ gặp duyên, tu tập Du-già khiến chủng tánh pháp Niết-bàn kia hiện khởi, vị kia khéo tu tập rồi sẽ Bát-niết-bàn. Cho nên nói rằng: “Sở hữu Du-già của vị kia tạm thời hoại mất”.

Sao gọi là hoại Du-già do thối thất điều đã đắc? Như có người phát sanh thối thất điều đã đắc, đã xúc, đã chứng, hoặc trí, hoặc kiến, hoặc trụ an lạc.

Sao gọi là hoại Du-già do gây tạo tà hạnh? Như có người tinh cần tu hành không như chánh lý, tuy nhiều dụng công mà không đạt được sự

thành tựu, không thể thành tựu tất cả Du-già, cũng không thành tựu thiện pháp.

Lại như có người tánh nhiều phiền não, nhiều cấu uế mà hiểu biết thông sáng, giác tuệ mãnh lợi, thành tựu sự hiểu biết câu sanh, khéo thu nhiếp điều đã được nghe, ở nơi nghe hoặc ít hoặc nhiều được rất ráo. Nếu người kia trú ở chốn không nhà, có kẻ tại gia và xuất gia vì tánh chất trực đi đến chỗ của kia. Kẻ kia nhân đó vì họ thuyết pháp, khiến họ sanh tâm hoan hỷ. Kẻ kia lại hành động kiêu trá, thân hiện các thứ oai nghi hư vọng, các thứ lời nói tương ưng việc làm điều thiện, hiện tướng như người có phước đức lớn. Do nhân duyên đây nên chiêu tập được lợi dưỡng, xưng tụng, cung kính, cũng thu được vô số y phục, ngọa cụ, thuốc trị bệnh cùng các tạp vật nuôi thân. Các quốc vương, đại thần, cư sĩ cho đến thương chủ đều cung kính, tôn trọng, cùng bảo kia là A-la-hán, hoặc quay đầu hồi chuyển trở thành đệ tử của kia. Kẻ kia được các chúng xuất gia và các chúng tại gia mến mộ thương yêu, bèn tùy theo đó mà chuyển, làm nhiều việc chiêu tập dụ dẫn. Lại sanh khởi nghĩ này: “Các đệ tử xuất gia, tại gia đây tin thuận nơi ta,

đều cùng gọi ta là A-la-hán. Nếu họ nương theo tác ý Du-già đây, các xứ như Chỉ Quán... để đến thưa hỏi ta. Nếu ta được kia hỏi mà không thể trả lời, thì nhân việc này họ sẽ xả lòng tin đối với ta, chẳng còn bảo rằng ta là A-la-hán, do vậy ta sẽ mất đi lợi dưỡng, cung kính nơi họ. Ta vào lúc này nên phải tự suy nghĩ quán sát, trừ tính kỹ lưỡng, an lập Du-già”. Kia do lực tăng thượng của việc này, đả trước lợi dưỡng, cung kính, danh xưng, nên một mình ở chốn không nhân, tự suy nghĩ quán sát, trừ tính kỹ lưỡng, an lập Du-già. Nhưng Du-già đây không thuận theo kế kinh, không hiện rõ giới luật, trái ngược tánh pháp. Nếu ở chỗ các vị Bí-sô khéo trì Tam Tạng, kẻ kia ẩn giấu Du-già của mình chẳng muốn hiển bày. Nếu có các đệ tử tại gia, xuất gia, kẻ kia kín đáo dạy bảo riêng tư pháp Du-già đây, không để lộ ra bên ngoài. Vì sao như vậy? Vì sợ rằng các Bí-sô khéo trì tam tạng giáo điển, sau khi nghe xứ Du-già của mình như vậy rồi, nếu lấy kinh kiểm nghiệm thì không thuận với kế kinh; nếu lấy luật chiếu soi, thì không hiển bày giới luật; nếu lấy pháp quán sát, thì trái nghịch với tánh pháp. “Do nhân duyên đây họ không còn

tín thọ, dùng lời không tin tưởng nạn vẫn nơi ta, sẽ phát khởi việc tranh luận. Do đây quốc vương, đại thần, cư sĩ cho đến trưởng giả, thương chủ nhiều tài bảo... chẳng lại cung kính tôn trọng ta, nên ta sẽ không thu được quần áo, thức ăn uống, ngọc cụ, các thuốc trị bệnh và vật dụng nuôi thân khác”. Kia do sức tham trước lợi dưỡng, cung kính tăng thượng, nên ở trong phi pháp mà khởi tưởng pháp, khởi tưởng che giấu, khởi ham muốn xấu ác, hiển phát khai thị phi pháp là pháp. Những người tin theo sở kiến của kẻ kia cũng ở nơi phi pháp mà khởi tưởng là pháp, ngu muội, ngoan độn. Vì ở trong phi pháp khởi tưởng là pháp, nên tuy tinh tấn tu hành theo lời dạy của kia, nhưng phải biết rằng tất cả đều là tà hạnh.

Như vậy gọi là hoại Du-già do gây tạo tà hạnh. Đây tương tự như chánh pháp mà chẳng phải chân thật chánh pháp, năng chướng ngại chánh pháp.

Các Bí-sô là thầy Du-già siêng tu tĩnh lự, đối với bốn loại pháp hoại Du-già đây, phải chánh biết tường tận, phải xả bỏ xa lìa.

8. Du-già: Có bốn loại Du-già. Những gì là

bốn? 1. Tín; 2. Dục; 3. Tinh tấn; 4. Phương tiện.

Tín có 2 hành tướng và 2 chỗ nương. Hai hành tướng: 1. Hành tướng tín thuận; 2. Hành tướng thanh tịnh. Hai chỗ nương: 1. Chỗ nương quán sát đạo lý các pháp; 2. Chỗ nương tin hiểu thần lực của bồ-đặc-già-la.

Dục có 4 loại. Những gì là bốn? 1. Dục vì chứng đắc; 2. Dục vì thưa hỏi; 3. Dục vì tu tập tư lương; 4. Dục vì thuận theo Du-già.

Dục vì chứng đắc: như có người đối với sự giải thoát của vị thượng, phát sanh lòng vui muốn mến mộ, như trước đã nói rộng.

Dục vì thưa hỏi: như có người đã sanh lòng mong muốn mến mộ rồi, đi đến Tăng-già-lam, đến chỗ các bậc đồng tu phạm hạnh, đến chỗ của những bậc thành tựu diệu trí Du-già để được lắng nghe những điều chưa nghe, để sự tu tập vẫn được rốt ráo.

Dục vì tu tập tư lương: như có người vì luật nghi giới thanh tịnh, vì luật nghi căn thanh tịnh, biết lượng đối với việc ăn uống, tiết giảm đối với việc ngủ nghỉ. Trong việc an trụ chánh biết, phát sanh lòng mong muốn mến mộ, triển chuyển càng

thêm thắng tiến.

Dục vì thuận theo Du-già: như có người ở trong tu tập đạo, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng, phát sanh lòng mong muốn mền mộn, mong muốn thực hành.

Tinh tấn có bốn. Những gì là bốn? 1. Tinh tấn vì nghe; 2. Tinh tấn vì suy nghĩ; 3. Tinh tấn vì tu tập; 4. Tinh tấn vì thanh tịnh các chướng.

Tinh tấn vì nghe: vì lắng nghe những điều chưa nghe, vì nghe được rõ ráo, nên tâm chuyên cần dũng mãnh, quyết định gia hạnh sâu xa.

Tinh tấn vì suy nghĩ: như pháp đã nghe, một mình ở chốn không nhân, tư duy các nghĩa, so lường quán sát.

Tinh tấn vì tu tập: nhập vào sự tịch tĩnh, luôn luôn siêng tu chỉ quán.

Tinh tấn vì thanh tịnh các chướng: đêm ngày tinh siêng sách tấn, kinh hành, ngồi yên, từ pháp thuận chướng trong lòng tịnh tu. Tâm tinh cần dũng mãnh, quyết định tinh tấn sâu.

Phương tiện có bốn: vì luật nghi giới lực tăng thượng, nên khéo phòng thủ niệm. Vì khéo phòng thủ niệm, nên không phóng dật, tâm được phòng

hộ, tu tập các thiện pháp. Vì không phóng dật, tâm ở bên trong chánh tu Xa-ma-tha, tăng thượng tuệ pháp Tỳ-bát-xá-na.

Bốn loại Du-già đây lại có 16 chủng, phải biết trong đây chủng đầu do tín nên đối với nghĩa nên đắc sanh sâu tín hiểu. Đã được tín rồi, đối với các thiện pháp sanh khởi vui muốn. Do vì vui muốn, nên đêm ngày cảnh sách khích lệ, an trụ tinh cần, kiên cố dũng mãnh. Đã phát khởi tinh tấn rồi, nhiếp thọ phương tiện, năng đắc điều chưa đắc, năng xúc điều chưa xúc, năng chứng điều chưa chứng. Cho nên bốn pháp đây gọi là Du-già.

9. Tác ý: Có bốn tác ý. Những gì là bốn? 1. Tác ý vận chuyển có lực khích lệ; 2. Tác ý vận chuyển có gián đoạn; 3. Tác ý vận chuyển không gián đoạn; 4. Tác ý vận chuyển không dụng công.

– Sao gọi là tác ý vận chuyển có lực khích lệ? Người mới bắt đầu sự nghiệp tu tập, khiến tâm bên trong an trụ cho đến đẳng trụ. Nếu đối với các pháp, điều luyện chọn lựa không diên đảo, cho đến chưa được tác ý tu tập; bấy giờ phát khởi tác ý chuyển vận có lực khích lệ, do lực khích lệ gia tăng

gấp bội nên hàng phục tâm khiến trụ một cảnh. Đây gọi là tác ý vận chuyển có lực khích lệ.

– Sao gọi là tác ý vận chuyển có gián đoạn? Sau khi đã đạt được tác ý tu tập đạo thể, xuất thế dần dần thăng tiến, tác ý liễu tướng. Do tư duy Tam-ma-địa có khoảng hở xen tạp, chưa thể thuần triển chuyển một hướng tu hành, cho nên gọi là tác ý vận chuyển có gián đoạn.

– Sao gọi là tác ý vận chuyển không gián đoạn? Từ lúc tác ý liễu tướng về sau, cho đến tác ý gia hạnh cứu cánh, gọi là tác ý vận chuyển không gián đoạn.

– Sao gọi là tác ý vận chuyển không dụng công? Là tác ý quả gia hạnh cứu cánh. Đây gọi là tác ý vận chuyển không dụng công.

Ngoài ra lại có 4 loại tác ý: 1. Tác ý tùy thuận; 2. Tác ý đối trị; 3. Tác ý thuận thanh tịnh; 4. Tác ý thuận quán sát.

– Sao gọi là tác ý tùy thuận? Tức là đối với sở duyên, sanh sâu nhằm chán, hủy hoại, phát khởi chánh gia hạnh nhưng chưa đoạn được hoặc.

– Sao gọi là tác ý đối trị? Tức là năng đoạn trừ các hoặc.

– Sao gọi là tác ý thuận thanh tịnh? Khi tâm nhàm mỗi buông xuôi, liền nắm giữ tướng tịnh diệu khiến tâm hoan duyệt.

– Sao gọi là tác ý thuận quán sát? Là tác ý quán sát, do lực tăng thượng của tác ý đây nên thuận theo đó quán sát các phiền não đã đoạn và chưa đoạn.

Hỏi: Đối với cảnh sở duyên, lúc đang tác ý, tư duy bao nhiêu tướng?

Đáp: Có 4 tướng. Những gì là bốn? 1. Tướng sở duyên; 2. Tướng nhân duyên; 3. Tướng nên xa lìa; 4. Tướng nên tu tập.

Tướng sở duyên: là ảnh tượng đồng phạm với sự sở tri hiển hiện rõ ràng.

Tướng nhân duyên: là tích tập tư lương Tam-ma-địa, thuận theo sự dạy dẫn và vui muốn mãnh lợi đồng hành với tu tập. Đối với pháp đáng chán ghét, sanh sâu yếm hoạn, năng suy xét biến khắp loạn và không loạn. Do đó người kia không bị xúc não, hoặc do người gây ra, hoặc chẳng phải người gây ra, hoặc do âm thanh gây ra, hoặc do dụng công gây ra. Nếu dùng Tỳ-bát-xá-na làm dẫn đầu, do tướng nhân duyên khiến thâm nhiếp tâm ở bên

trong, khiến về sau Quán cực sâu xa sung mãn. Nếu lấy Xa-ma-tha làm dẫn đầu, do tướng nhân duyên nên phát khởi quán thù thắng, khiến về sau Chỉ cực sâu xa sung mãn.

Tướng nên xa lìa lại có 4 loại: 1. Tướng trầm: do tướng sở duyên, tướng nhân duyên khiến tâm thấp hèn, yếu kém; 2. Tướng trạo: do tướng sở duyên, tướng nhân duyên khiến tâm cao cử; 3. Tướng trước: do tướng sở duyên, tướng nhân duyên khiến ở nơi cảnh, tâm phát khởi nhiễm ô, phát khởi đắm trước, gây nên các sự nhiễu loạn; 4. Tướng loạn: do tướng sở duyên, tướng nhân duyên khiến đối với cảnh bên ngoài, tâm rong ruổi, tán loạn, nhiều động.

Hết thấy các tướng như vậy đã thuyết ở trước trong phần Đăng dẫn địa.

Hỏi: Đối với cảnh sở duyên lúc đang tác ý như vậy có bao nhiêu loại thắng giải phát khởi?

Đáp: Có 9 thắng giải. Những gì là chín? 1. Thắng giải sáng sạch; 2. Thắng giải không sáng sạch; 3. Thắng giải chậm lụt; 4. Thắng giải nhạy bén; 5. Thắng giải hẹp nhỏ; 6. Thắng giải rộng lớn; 7. Thắng giải vô lượng; 8. Thắng giải thanh

tịnh; 9. Thắng giải không thanh tịnh.

Thắng giải sáng sạch: sở hữu thắng giải cùng câu với tướng quang minh, ở nơi tướng quang minh, tâm lặng trong khéo nắm giữ.

Thắng giải không sáng sạch: sở hữu thắng giải cùng câu với ám muội, đối với tướng quang minh không thể khéo nắm giữ.

Thắng giải chậm lụt: sở hữu thắng giải ở trong thân căn chậm lụt.

Thắng giải nhạy bén: sở hữu thắng giải ở trong thân căn thông lợi.

Thắng giải hẹp nhỏ: sở hữu thắng giải đồng hành với tin muốn nhỏ bé và thắng giải sở duyên ý hiểu nhỏ bé. Như vậy vì tác ý hẹp nhỏ và vì sở duyên hẹp nhỏ nên gọi là thắng giải hẹp nhỏ.

Thắng giải rộng lớn: sở hữu thắng giải đồng hành với tin muốn rộng lớn và thắng giải sở duyên ý hiểu rộng lớn. Như vậy vì tác ý rộng lớn và vì sở duyên rộng lớn gọi là thắng giải rộng lớn.

Thắng giải vô lượng: sở hữu thắng giải đồng hành với tin muốn không ngần không mé và thắng giải sở duyên ý hiểu không ngần không mé. Như vậy vì tác ý vô lượng và vì sở duyên vô lượng, nên

gọi là thắng giải vô lượng.

Thắng giải thanh tịnh: sở hữu thắng giải đồng hành với việc đã khéo tu, đã thành tựu viên mãn, đã đến rốt ráo.

Thắng giải không thanh tịnh: sở hữu thắng giải đồng hành với việc chưa khéo tu, chưa thành tựu viên mãn, chưa đến rốt ráo.

10. Hỏi: Vị thầy tu Du-già có bao nhiêu loại việc làm Du-già?

Đáp: Có 4 loại. Những gì là bốn? 1. Sở y diệt; 2. Sở y chuyển; 3. Sở duyên biến tri; 4. Sở duyên yêu thích.

Sở y diệt và sở y chuyển: vì siêng tu tập tác ý Du-già, nên sở y đồng hành với sở hữu thô trọng thứ lớp được diệt trừ, sở y đồng hành với sở hữu khinh an thứ lớp sanh khởi triển chuyển. Đây gọi là việc làm Du-già của sở y diệt và sở y chuyển.

Sở duyên biến tri và sở duyên yêu thích: hoặc có sở duyên biến tri, sở duyên yêu thích và sở y diệt, sở y chuyển mà lấy làm dẫn đầu. Do vì lực tăng thượng của sở duyên biến tri và sở duyên yêu thích đây khiến sở y diệt và sở y chuyển. Hoặc có

sở duyên biến tri, sở duyên yêu thích dùng sở y thanh tịnh làm dẫn đầu. Do vì lực tăng thượng của sở y thanh tịnh đây, khiến cho sở duyên biến tri được khéo thanh tịnh và sở duyên yêu thích được khéo thanh tịnh. Ở nơi việc làm như vậy mà triển chuyển thành tựu trọn vẹn, gọi là bốn loại việc làm Du-già của người tu Du-già.

11. Hỏi: Vị thầy tu Du-già có tất cả bao nhiêu loại?

Đáp: Có ba loại. Những gì là ba? 1. Vị thầy mới bắt đầu sự nghiệp tu tập; 2. Vị thầy đã tu tập hành trì Du-già; 3. Vị thầy Du-già vượt qua tác ý.

Sao gọi là vị thầy mới bắt đầu sự nghiệp tu tập? Có hai loại người mới tu nghiệp: 1. Người mới tu nghiệp ở nơi tác ý; 2. Người mới tu nghiệp ở nơi sự thanh tịnh phiền não.

Người mới tu nghiệp ở nơi tác ý: như có bổ-đặc-già-la mới tu nghiệp, an trú nơi một duyên, siêng tu tác ý, cho đến chưa đạt được tác ý tu tập, chưa thể xúc chứng tâm tánh nhất cảnh.

Người mới tu nghiệp ở nơi sự thanh tịnh phiền não: như có bổ-đặc-già-la đã chứng đắc tác ý tu

tập. Ở nơi các phiền não, vì muốn tâm được thanh tịnh nên phát khởi nhiếp thọ, chánh siêng tu học tác ý liễu tướng. Đây gọi là người mới tu nghiệp ở nơi việc thanh tịnh phiền não.

Sao gọi là vị thầy đã tu tập hành trì Du-già? Như có bồ-đặc-già-la, trừ tác ý liễu tướng, còn lại các tác ý khác... cho đến tác ý gia hạnh cứu cánh đã khéo tu tập.

Sao gọi là vị thầy Du-già vượt qua tác ý? Như có bồ-đặc-già-la đã an trụ trong vị tác ý quả gia hạnh cứu cánh. Do đây vượt quá việc tu tập tác ý của vị gia hạnh phương tiện, an trụ trong quả tu. Cho nên gọi là đã vượt qua tác ý.

Lại nữa, qua giai đoạn ban đầu tu tập dục thiện pháp cho đến chưa sanh khởi thiện căn thuận phần quyết trạch, tức lúc bấy giờ gọi là mới tu nghiệp. Nếu đã sanh khởi thiện căn thuận phần quyết trạch, đó là các vị Noãn, Đảnh, Nhẫn tùy thuận đế, Pháp thế đệ nhất, gọi là đã tu tập hạnh. Nếu đã chứng nhập chánh tánh ly sanh, đặc đế hiện quán, không phụ thuộc duyên khác; đối với điều Phật Thánh dạy, không bị duyên khác dẫn dụ đoạt mất, đương lúc bấy giờ gọi là vượt qua tác ý.

Do người kia vượt qua tác ý của tha duyên, chẳng phải an trụ nơi sở hữu tác ý của tha duyên, cho nên gọi là đã vượt qua tác ý.

12. Sự tu Du-già: Có hai loại: **a.** Tu tướng; **b.** Tu Bồ-đề phần.

a. *Sao gọi là tu tướng?* Hoặc lúc tu đạo thế gian, đối với các địa dưới, tu tướng quá hoạn. Hoặc lúc tu đạo Niết-bàn, đối với Đoạn giới, Ly dục giới, Diệt giới, quán thấy công đức tịch tĩnh tối thắng, tu tập tướng đoạn, tướng ly dục, tướng diệt. Hoặc lúc tu Xa-ma-tha, tu tập phẩm Chỉ, tướng trên dưới. Hoặc lúc tu Tỳ-bát-xá-na, tu tập phẩm Quán, tướng trước sau.

Tướng trên dưới: quán sát thân này như chỗ nó an trụ, như điều nó mong cầu, trên từ đỉnh đầu, dưới cho đến lòng bàn chân, chủng chủng tạp loại bất tịnh đầy đầy tồn tại nơi thân đây là sở hữu các thứ tóc, lông, móng, răng... như trước đã nói rộng.

Tướng trước sau: như có người ở nơi tướng đã quán, ân cần chân thành khéo nắm lấy, khéo tư duy, khéo hiểu rõ, khéo thông đạt. Đó là đứng quán nơi ngồi, ngồi quán nơi nằm, hoặc ở nơi hành

sau quán sát hành trước. Đây tức hiển thị dùng hành Tỳ-bát-xá-na, quán sát duyên sanh các hành trong ba đời.

Hoặc nói: “Đứng quán nơi ngồi”, đây tức hiển thị dùng tác ý hiện tại quán sát các hành được nhận biết ở vị lai. Vì sao như vậy? Vì vị tác ý hiện tại đã hiện tiền sanh khởi, đây gọi là đứng. Vì vị được nhận biết ở vị lai chưa hiện tiền sanh khởi, vì sắp muốn sanh khởi, nên gọi là ngồi.

Hoặc lại nói: “Ngồi quán nơi nằm”, đây tức hiển thị dùng tác ý hiện tại quán sát các hành được nhận biết ở quá khứ. Vì sao như vậy? Vì vị tác ý hiện tại gần sắp muốn diệt, nên gọi là ngồi. Vì vị được nhận biết ở quá khứ đã tàn diệt, nên gọi là nằm.

Hoặc lại nói: “Hoặc ở nơi hành sau quán sát hành trước”, đây tức hiển thị dùng tác ý hiện tại quán sát tác ý hiện tại hành diệt không gián đoạn. Vì sao như vậy? Nếu tác ý sở thủ tàn diệt không gián đoạn đã sanh khởi, gọi là hành trước. Nếu tác ý năng thủ sanh khởi mới mới không gián đoạn đây, giữ lấy tác ý đã tàn diệt không gián đoạn trước, gọi là hành sau.

Nên biết trong đây vì tu Chỉ Quán, tu hai phẩm tướng quang minh thù thắng kia gọi là tu tướng.

b. *Sao gọi là tu Bồ đề phần?* Đối với 37 pháp Bồ-đề phần, thân cận, tích tập, hoặc tu, hoặc tập, hoặc tu tập nhiều. Đây gọi là tu Bồ-đề phần.

Những gì gọi là 37 pháp Bồ-đề phần? Đó là bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám thánh đạo chi.

Bốn niệm trụ: 1. Thân niệm trụ; 2. Thọ niệm trụ; 3. Tâm niệm trụ; 4. Pháp niệm trụ.

Bốn chánh đoạn: 1. Đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì khiến đoạn trừ nên sanh khởi mong muốn sách tấn nỗ lực, phát khởi siêng năng tinh tấn, sách tấn tâm, giữ gìn tâm, chánh đoạn; 2. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì khiến không sanh nên sanh khởi mong muốn sách tấn nỗ lực, phát khởi siêng năng tinh tấn, sách tấn tâm, giữ gìn tâm, chánh đoạn; 3. Đối với thiện pháp chưa sanh, vì khiến sanh khởi nên sanh khởi mong muốn sách tấn nỗ lực, phát khởi siêng năng tinh tấn, sách tấn tâm, giữ gìn tâm, chánh đoạn; 4. Đối với thiện pháp đã sanh, vì khiến an trụ khiến không

hoại mất, khiến tu viên mãn, khiến tu tập tăng gấp bội, khiến tăng trưởng, khiến rộng lớn, nên sanh khởi mong muốn sách tấn nỗ lực, phát khởi siêng năng tinh tấn, sách tấn tâm, giữ gìn tâm, chánh đoạn.

Bốn thần túc: 1. Dục tam-ma-địa đoạn hành, thành tựu thần túc; 2. Cần tam-ma-địa đoạn hành, thành tựu thần túc; 3. Tâm tam-ma-địa đoạn hành, thành tựu thần túc; 4. Quán tam-ma-địa đoạn hành, thành tựu thần túc.

Năm căn: 1. Tín căn; 2. Tinh tấn căn; 3. Niệm căn; 4. Định căn; 5. Tuệ căn.

Năm lực: 1. Tín lực; 2. Tinh tấn lực; 3. Niệm lực; 4. Định lực; 5. Tuệ lực.

Bảy giác chi: 1. Niệm đẳng giác chi; 2. Trạch pháp đẳng giác chi; 3. Tinh tấn đẳng giác chi; 4. Hỷ đẳng giác chi; 5. An đẳng giác chi; 6. Định đẳng giác chi; 7. Xả đẳng giác chi.

Tám thánh đạo chi: 1. Chánh kiến; 2. Chánh tư duy; 3. Chánh ngữ; 4. Chánh nghiệp; 5. Chánh mạng; 6. Chánh tinh tấn; 7. Chánh niệm; 8. Chánh định.

Trong đây, sao gọi là thân...? Sao gọi là nơi

thân... trụ quán tuần thân...? Sao gọi là niệm? Sao gọi là niệm trụ?

Nói tóm lược thân có 35 tướng: thân trong, thân ngoài, thân nhiếp thuộc căn, thân nhiếp thuộc phi căn, thân thuộc số hữu tình, thân thuộc số phi hữu tình, thân đồng hành thô trọng, thân đồng hành khinh an, thân năng tạo, thân sở tạo, thân danh, thân sắc, thân địa ngục, thân bàng sanh, thân tổ phụ đất nước, thân người, thân trời, thân hữu thức, thân vô thức, thân nằm giữa hữu thức và vô thức, thân biểu hiện, thân biến đổi, thân không biến đổi, thân nữ, thân nam, thân bán-trạch-ca, thân của bạn bè thân thích, thân không phải của bạn thân, thân không thân không oán, thân yếu kém, thân trung bình, thân tốt đẹp, thân trẻ con, thân thiếu niên, thân già. Như vậy gọi là tướng thân sai biệt.

Nói tóm lược trụ quán tuần thân có 3 chủng, đó là tuệ của văn, tư, tu nương thân tăng thượng. Do tuệ đây, nên đối với tất cả thân, tất cả tướng, chánh quán sát, chánh suy xét tìm cầu, theo đó mà quán sát, theo đó mà hiểu biết.

Niệm: nương thân tăng thượng, thọ trì chánh

pháp, tư duy pháp nghĩa, tu tập tác chứng. Trong việc tu tác chứng, ở nơi văn, ở nơi nghĩa, tâm không bị quên mất. Hoặc tư duy sâu xa: “Ta đối với chánh pháp là chân chánh thọ trì, hay không như thế? Ta đối với nghĩa kia, tuệ khéo liễu đạt hay không như thế? Ta khéo xúc, chứng, đắc giải thoát kia, hay không như thế?”. Quán xét kỹ như vậy, an trụ nơi niệm, gọi là niệm trụ.

Lại vì thủ hộ niệm, vì đối với cảnh không nhiễm, vì an trụ sở duyên, nên gọi là niệm trụ. Vì thủ hộ niệm, tức như trên nói “trước thủ hộ niệm”, hoặc “thường thuận niệm”. Vì đối với cảnh giới không nhiễm, tức như trước nói “tâm thủ hộ niệm, hành vị bình đẳng, không nắm giữ tướng kia, không nắm giữ tướng tùy hảo, nói rộng cho đến thủ hộ ý căn, tu luật nghi ý căn”. Vì an trụ sở duyên, tức như trước nói “nơi bốn sở duyên an trụ niệm, đó là sở duyên biến mãn, sở duyên tịnh hành, sở duyên thiện xảo, sở duyên tịnh hoặc”. Do ba tướng đây khéo an trụ niệm, nên gọi là niệm trụ.

Sao gọi là thọ? Thọ vui, thọ khổ, thọ không khổ không vui, thọ vui của thân, thọ khổ của thân, thọ không khổ không vui của thân. Như nói về thọ

của thân, thì thọ của tâm cũng vậy. Thọ vui có vị ái, thọ khổ có vị ái, thọ không khổ không vui có vị ái. Thọ không vị ái, thọ nương nơi đam mê vui thích phải biết cũng vậy. Thọ vui nương nơi xuất ly, thọ khổ nương nơi xuất ly, thọ không khổ không vui nương nơi xuất ly. Như vậy hết thảy có 21 thọ hoặc 9 loại thọ.

Sao gọi là tâm? Tâm có tham, tâm lìa tham, tâm có sân, tâm lìa sân, tâm có si, tâm lìa si, tâm thô tóm, tâm tán loạn, tâm hạ liệt, tâm cao cử, tâm trạo động, tâm không trạo động, tâm tịch tĩnh, tâm không tịch tĩnh, tâm định, tâm không định, tâm khéo tu, tâm không khéo tu, tâm khéo giải thoát, tâm không khéo giải thoát. Như vậy hết thảy có 20 loại tâm.

Sao gọi là pháp? Hoặc tham, pháp Tỳ-nại-da của tham. Hoặc sân, pháp Tỳ-nại-da của sân. Hoặc si, pháp Tỳ-nại-da của si. Hoặc pháp thô tóm, pháp tán loạn. Hoặc pháp hạ liệt, pháp cao cử. Hoặc pháp trạo động, pháp không trạo động. Hoặc pháp tịch tĩnh, pháp không tịch tĩnh. Hoặc pháp định, pháp không định. Hoặc pháp khéo tu, pháp không khéo tu. Hoặc pháp khéo giải thoát, pháp

không khéo giải thoát. Như vậy phải biết kiến lập 20 chủng pháp phẩm hắc, phẩm bạch, phẩm nhiễm, phẩm tịnh.

Lại thọ vui, đó là cảm thọ bình đẳng nhiếp thuộc thọ, do xúc thuận theo vui làm duyên sanh khởi, đây gọi là thọ vui. Nếu năm thức tương ưng đây gọi là thọ của thân, nếu ý thức tương ưng gọi là thọ của tâm. Như xúc thuận theo thọ vui, thì cảm thọ không bình đẳng nhiếp thuộc thọ, do xúc thuận theo thọ khổ làm duyên sanh khởi và cảm thọ chẳng phải bình đẳng chẳng phải không bình đẳng nhiếp thuộc thọ, do xúc thuận theo thọ không khổ không vui làm duyên sanh khởi. Đây gọi là thọ khổ và thọ không khổ không vui. Nếu năm thức tương ưng đây gọi là thọ của thân, nếu ý thức tương ưng đây gọi là thọ của tâm.

Các thọ như vậy, nếu thuận theo Niết-bàn, thuận theo quyết trạch, rốt ráo xuất ly, rốt ráo lìa cấu, rốt ráo năng khiến phạm hạnh viên mãn. Đây gọi là thọ không vị ái. Nếu rơi vào các cõi giới gọi là thọ có vị ái. Nếu hệ thuộc Sắc và Vô sắc giới, nếu thuận theo ly dục, gọi là thọ nương nơi xuất ly. Nếu hệ thuộc Dục giới, nếu không thuận theo ly

dục, gọi là thọ nương nơi đam mê vui thích.

Tâm có tham: đối với cảnh sự sở duyên đáng yêu thích, bị trói buộc bởi tham triền. Tâm lìa tham: xa lìa tham triền như vậy.

Tâm có sân: đối với cảnh sự sở duyên đáng oán ghét, bị trói buộc của sân triền. Tâm lìa sân: xa lìa sân triền như vậy.

Tâm có si: đối với cảnh sự sở duyên đáng ngu mê, bị sự trói buộc của si triền. Tâm lìa si: xa lìa sự trói buộc của si triền như vậy.

Sáu tâm như vậy nên biết đều được phát khởi vào lúc hành, là sự sai biệt của ba phẩm phiền não và ba phẩm đối trị phiền não.

Tâm thâu tóm: do dừng nghỉ hành động đối với sở duyên bên trong, tâm bị buộc trói nơi đó.

Tâm tán loạn: đối với năm diệu dục bên ngoài, tâm thuận theo trôi chảy lưu tán.

Tâm hạ liệt: tâm đồng hành với hôn trầm thụy miên.

Tâm cao cử: ở nơi sở duyên tịnh diệu, hiển hiện rõ ràng.

Tâm trạo động: vì cao cử thái quá, bị trạo triền làm dao động.

Tâm không trạo động: lúc cao cử và lúc thâu tóm, được bình đẳng xả.

Tâm tịch tĩnh: đã được giải thoát khỏi các cái.

Tâm không tịch tĩnh: chưa được giải thoát khỏi các cái.

Tâm định: đã được giải thoát khỏi các cái rồi, lại khéo chứng nhập tĩnh lự căn bản.

Tâm không định: chưa thể nhập tĩnh lự căn bản.

Tâm khéo tu: ở nơi định đây, trường thời xuyên suốt tu tập, được tùy theo ý muốn, được không khó khăn, được không rắc rối, lại năng nhanh chóng chứng nhập.

Tâm không khéo tu: nên biết tướng của tâm đây trái với tướng tâm khéo tu.

Tâm khéo giải thoát: rất ráo giải thoát khỏi tất cả.

Tâm không khéo giải thoát: không rất ráo giải thoát tất cả.

Mười bốn loại tâm như vậy phải biết phát khởi vào lúc trụ. Nương “các cái thanh tịnh địa” có 8 chủng tâm phát khởi vào lúc trụ, đó là: tâm thâu tóm, tâm tán loạn cho đến tâm tịch tĩnh, tâm

không tịch tĩnh. Nương “phiền não thanh tịnh địa” có 6 chủng tâm phát khởi vào lúc trụ, đó là: tâm định, tâm bất định, cho đến tâm khéo giải thoát, tâm không khéo giải thoát.

Lại ở bên trong có cái, năng tự biết rõ “ta có các cái”. Ở bên trong không có cái, năng tự biết rõ “ta không có cái”. Như các cái kia chưa sanh mà lại sanh, cũng năng biết rõ. Các cái kia sanh rồi đã tan hoại diệt mất, cũng năng biết rõ.

Nơi mắt có kiết cho đến nơi ý có kiết, năng tự biết rõ “mắt ta có kiết” cho đến “ý ta có kiết”. Nơi mắt không có kiết cho đến nơi ý không có kiết, năng tự biết rõ “mắt ta không có kiết” cho đến “ý ta không có kiết”. Như mắt kiết cho đến ý kiết chưa sanh mà lại sanh, cũng năng biết rõ. Như các kiết kia sanh rồi tan hoại diệt mất, cũng năng biết rõ.

Ở bên trong có niệm đẳng giác chi, năng tự biết rõ “ta có niệm đẳng giác chi”. Ở bên trong không có niệm đẳng giác chi, năng tự biết rõ “ta không có niệm đẳng giác chi”. Như niệm đẳng giác chi chưa sanh mà lại sanh, cũng năng biết rõ. Như sanh rồi an trụ, tu viên mãn không hoại mất, lại tu

tập gấp bội khiến tăng trưởng rộng lớn, cũng năng biết rõ.

Như niệm đẳng giác chi như vậy, thì trạch pháp, tinh tấn, hỷ, an, định, xả đẳng giác chi phải biết cũng vậy. Nếu năng như thật biết khắp tự tánh, nhân duyên, quá hoạn, đối trị của các pháp tạp nhiễm như vậy, đây là thể pháp niệm trụ.

Như đã nói “ở nơi thân, trụ quán tuần thân, niệm và niệm trụ” như vậy, thì nơi thọ, nơi tâm, nơi pháp tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Sao gọi là ở nội thân... trụ quán tuần thân...? Sao gọi là ở ngoại thân... trụ quán tuần thân...? Sao gọi là ở nội ngoại thân... trụ quán tuần thân...?

Nếu duyên nội sắc thân của mình thuộc số hữu tình làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên ngoại sắc thuộc số phi hữu tình làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở ngoại thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên ngoại sắc của người khác thuộc số hữu tình làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội ngoại thân trụ quán tuần thân.

Nếu nương thọ, tâm, pháp sanh khởi, do duyên nội sắc thân của mình thuộc số hữu tình làm cảnh,

trụ ba quán tuần; đây gọi là ở nội thọ, tâm, pháp, trụ quán tuần thọ, tâm, pháp. Nếu nương thọ, tâm, pháp sanh khởi, do duyên ngoại sắc thuộc số phi hữu tình làm cảnh, trụ ba quán tuần; đây gọi là ở ngoại thọ, tâm, pháp, trụ quán tuần thọ, tâm, pháp. Nếu nương thọ, tâm, pháp sanh khởi, do duyên ngoại sắc thân của người khác thuộc số hữu tình làm cảnh, trụ ba quán tuần; đây gọi là ở nội ngoại thọ, tâm, pháp, trụ quán tuần thọ, tâm, pháp.

Lại có cách quán khác. Đó là nếu duyên sắc có chấp có thọ nhiếp thuộc căn làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên sắc không chấp không thọ nhiếp thuộc phi căn làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở ngoại thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên sắc có chấp có thọ nhiếp thuộc phi căn làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội ngoại thân trụ quán tuần thân. Nếu nương thọ, tâm, pháp sanh khởi, duyên ba sắc trước làm cảnh, tùy chỗ thích hợp nên biết tức là trụ ba quán tuần.

Lại có cách quán khác. Đó là nếu duyên nội sắc của mình đồng hành khinh an thuộc định địa làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội

thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên nội sắc của mình đồng hành thô trọng thuộc bất định địa làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở ngoại thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên sắc của người khác đồng hành khinh an, đồng hành thô trọng làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội ngoại thân trụ quán tuần thân. Như vậy nếu nương thọ, tâm, pháp sanh khởi, do duyên ba sắc trước làm cảnh, tùy theo chỗ thích hợp phải biết tức là trụ ba quán tuần.

Lại có cách quán khác. Đó là nếu duyên nội sắc năng tạo đại chủng làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên ngoại sắc năng tạo đại chủng làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở ngoại thân trụ quán tuần thân. Nếu nương duyên căn cảnh phát sanh, do sắc năng tạo đại chủng nhiếp lấy tạo sắc làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội ngoại thân trụ quán tuần thân. Như vậy nếu nương thọ, tâm, pháp phát sanh, do duyên ba sắc trước làm cảnh, tùy chỗ thích hợp phải biết tức là trụ ba quán tuần.

Lại có cách quán khác. Đó là nếu duyên nội

sắc thân hữu thức làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên sắc của vị xanh bầm, ứ động... thân vô thức thuộc số hữu tình làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở ngoại thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên sắc thân vô thức ở thời quá khứ tánh hữu thức, sắc thân hữu thức ở thời vị lai tánh vô thức, tương tợ pháp tánh, bình đẳng pháp tánh làm cảnh; đây gọi là ở nội ngoại thân trụ quán tuần thân. Như vậy nếu nương thọ, tâm, pháp sanh khởi, do duyên ba sắc trước làm cảnh, tùy chỗ thích hợp phải biết tức là trụ ba quán tuần.

Lại có cách quán khác. Đó là nếu duyên nội thân của mình, tướng tóc, lông, móng, răng... làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi là ở nội thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên nội thân của người khác, tướng tóc, lông, móng, răng... làm cảnh; đây gọi là ở ngoại thân trụ quán tuần thân. Nếu duyên tướng xanh bầm, ứ động... của nội thân biểu hiện, biến đổi, không biến đổi, và duyên tướng xanh bầm, ứ động... của ngoại thân biểu hiện, biến đổi, không biến đổi, tương tợ pháp tánh, bình đẳng pháp tánh làm cảnh, trụ quán tuần thân; đây gọi

là ở nội ngoại thân trụ quán tuần thân. Như vậy nếu nương thọ, tâm, pháp sanh khởi, do duyên ba sắc trước làm cảnh, tùy theo chỗ thích hợp phải biết tức là trụ ba quán tuần.

Như vậy, các môn sai biệt của hết thảy loại thân, thọ, tâm, pháp phải biết có nhiều chủng, nay ở trong đây chỉ nêu ít phần các môn sai biệt.

Lại vì đối trị bốn điên đảo mà Đức Thế Tôn kiến lập bốn loại niệm trụ. Đó là vì muốn đối trị điên đảo “ở trong bất tịnh mà kế chấp cho là tịnh”, nên Đức Thế Tôn lập Thân niệm trụ. Chư Phật Thế Tôn ở trong tuần thân niệm trụ, tuyên thuyết bốn bất tịnh tương ưng quá trình đáng ghê sợ. Nếu năng ở đây tư duy nhiều, thì ở nơi bất tịnh năng đoạn trừ tướng điên đảo cho là tịnh.

Vì muốn đối trị điên đảo “ở trong các khổ mà kế chấp cho là vui”, nên Đức Thế Tôn lập Thọ niệm trụ. Ở nơi các thọ trụ quán tuần thọ, như thật rõ biết các sở hữu thọ đều là khổ, thì ở nơi các khổ năng đoạn trừ tướng điên đảo cho là vui.

Vì muốn đối trị điên đảo “ở trong vô thường mà kế chấp cho là thường”, nên Đức Thế Tôn lập Tâm niệm trụ. Dụng đây năng biết rõ chủng chủng

tâm sai biệt, như tâm có tham... Kia kia trải qua ngày, đêm, sát-na, phút chốc, hơi thở, tánh chẳng phải một mà có nhiều chủng chủng phẩm loại tâm sanh diệt, ở nơi vô thường đoạn trừ tướng diên đảo cho là thường.

Vì muốn đối trị diên đảo “ở trong vô ngã kế chấp cho là ngã”, nên Đức Thế Tôn lập Pháp niệm trụ. Do vì kia từ trước đến nay nơi các phiền não thấy có ngã, vì nơi không các thiện pháp thấy vô ngã, nên ở trong các uẩn sanh khởi cái thấy có ngã. Dụng ở nơi các pháp trụ quán tuần pháp, như thật biết rõ chỗ kế chấp tự tướng, cộng tướng của các uẩn, bèn ở nơi vô ngã đoạn trừ tướng diên đảo cho là ngã.

Lại có cách đối trị khác. Đó là những người thế gian phần nhiều ở nơi các uẩn chỉ có tánh uẩn, chỉ có tánh pháp mà không hiểu biết như thật, ngang ngược kế chấp cho là có ngã, bám chấp nơi thân. Do nương thân, nên thọ dụng khổ vui. Thọ khổ vui đây là do pháp, phi pháp, có nhiễm, có tịnh. Vì muốn trừ khiến sự ngu mê về chỗ nương tựa của ngã, nên lập Thân niệm trụ. Vì muốn trừ khiến sự ngu mê về chỗ lãnh thọ của ngã, nên lập

Thọ niệm trụ. Vì muốn trừ khiến sự ngu mê chấp ngã ở nơi tâm, ý, thức, sự ngu mê về ngã, nên lập Tâm niệm trụ. Vì muốn trừ khiến sự ngu mê tâm năng nhiễm tịnh của ngã chấp, nên lập Pháp niệm trụ.

Lại có cách đối trị khác. Đó là hoặc nương nơi đây tạo tác các nghiệp, hoặc vì đây nên tạo tác các nghiệp, hoặc người tạo nghiệp, hoặc do đây tạo tác các nghiệp. Để hiển thị tất cả như vậy nên lập bốn niệm trụ. Phải biết trong đây, nương nơi thân tạo tác các nghiệp, vì mong cầu cảm thọ nên tạo tác các nghiệp, tâm tạo nghiệp, do pháp thiện, bất thiện năng tạo các nghiệp.

Lại có cách đối trị khác. Đó là hoặc nương nơi đây có nhiễm, có tịnh; hoặc vì đây khởi nhiễm, khởi tịnh; hoặc người nhiễm tịnh; hoặc vì do đây thành nhiễm, thành tịnh. Để hiển thị tất cả như thế nên lập bốn niệm trụ. Phải biết trong đây, nương nơi thân có nhiễm có tịnh, vì mong cầu cảm thọ khởi nhiễm khởi tịnh, tâm đây nhiễm tịnh, do vì các pháp thành nhiễm thành tịnh.

Hỏi: Nghĩa niệm trụ là gì?

Đáp: Hoặc ở nơi đây trụ niệm, hoặc do đây trụ

niệm đều gọi là niệm trụ.

Ở nơi đây trụ niệm: đó là niệm trụ sở duyên.

Do đây trụ niệm: đó là hoặc tuệ, hoặc niệm nhiếp trì nơi định, đây là tự tánh của niệm trụ. Còn lại là các tâm, tâm pháp tương ưng, đây là tướng tạp của niệm trụ. Lại đạo thiện hữu lậu, vô lậu, do thân, thọ, tâm, pháp tăng thượng sanh khởi đều gọi là niệm trụ.

Đây lại có ba loại: 1. Do văn thành tựu; 2. Do tư thành tựu; 3. Do tu thành tựu. Niệm trụ do văn, tư thành tựu chỉ là hữu lậu. Niệm trụ do tu thành tựu thông cả hữu lậu và vô lậu.



Quyển 29

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA **Phần 2 của DU GIÀ XỨ - Thứ 4**

Như vậy, do thường xuyên tu tập hành trì bốn niệm trụ nên đã năng trừ khiến các điên đảo thô trọng, đã năng hiểu rõ thông đạt pháp thiện, pháp bất thiện. Từ đây thực hành không gián đoạn, đối với pháp ác bất thiện chưa sanh vì khiến không sanh, đối với pháp ác bất thiện đã sanh vì khiến được đoạn trừ, đối với tất cả pháp thiện chưa sanh vì muốn khiến được sanh, đối với tất cả pháp thiện đã sanh vì muốn khiến được trụ, được không quên mất, như trước nói rộng, cho đến thu nhiếp tâm, giữ gìn tâm.

Sao gọi là pháp ác bất thiện? Là thân, ngữ, ý nghiệp bị trói buộc trong việc ham muốn nhiễm ô. Tức là thân, ngữ, ý nhiếp vào ác hạnh và năng phát khởi sở hữu phiền não của việc hành ác kia. Pháp ác bất thiện nếu chưa hòa hợp, chưa hiện tại tiền, gọi là chưa sanh; nếu đã hòa hợp, đã hiện tại

tiền, gọi là đã sanh.

Sao gọi là tất cả pháp thiện? Là tất cả pháp hoặc đối trị ác bất thiện, hoặc đối trị cái, hoặc đối trị kiết. Pháp thiện nếu chưa hòa hợp, chưa hiện tại tiền, gọi là chưa sanh; nếu đã hòa hợp, đã hiện tại tiền, gọi là đã sanh.

Nếu khi pháp ác bất thiện chưa sanh, trước chưa hòa hợp, vì khiến không sanh nên phát khởi mong muốn: “Ta nay muốn khiến tất cả tất cả pháp ác bất thiện đều không sanh”. Đây gọi là đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì khiến không sanh, nên phát sanh mong muốn.

Nếu khi pháp ác bất thiện đã sanh, trước đã hòa hợp, vì khiến đoạn trừ nên phát khởi mong muốn: “Ta nay đối với tất cả tất cả pháp ác bất thiện kia, tất cả đều không nhẫn thọ, tất cả đều đoạn diệt khiến trừ”. Đây gọi là đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì khiến được đoạn trừ, nên phát sanh mong muốn.

Lại hết thấy pháp ác bất thiện kia hoặc duyên việc quá khứ mà sanh, hoặc duyên việc vị lai mà sanh, hoặc duyên việc hiện tại mà sanh, như vậy pháp kia hoặc duyên cảnh không hiện thấy, hoặc

duyên cảnh hiện thấy. Nếu duyên cảnh của việc quá khứ, vị lai, thì gọi là duyên cảnh không hiện thấy. Nếu duyên cảnh hiện tại, thì gọi là duyên cảnh hiện thấy. Phải biết trong đây, đối với pháp ác bất thiện duyên cảnh không hiện thấy, chúng chưa sanh, muốn khiến không sanh; chúng đã sanh, muốn khiến đoạn trừ vĩnh viễn, nên tự mình sách tấn, tự mình nỗ lực. Đây gọi là sách tấn nỗ lực. Đối với pháp ác bất thiện duyên cảnh hiện thấy, chúng chưa sanh, muốn khiến không sanh; chúng đã sanh, muốn khiến đoạn trừ vĩnh viễn, nên chánh siêng năng dũng mãnh. Đây gọi là phát khởi siêng năng tinh tấn. Vì sao như vậy? Vì phải bền vững tự mình sách tấn, tự mình nỗ lực chân chánh siêng năng dũng mãnh, mới khiến các pháp ác bất thiện kia hoặc không sanh trở lại, hoặc đoạn diệt vĩnh viễn.

Lại đối với các triền phẩm hạ, phẩm trung, nếu chúng chưa sanh, muốn khiến không sanh; nếu chúng đã sanh, muốn khiến đoạn trừ vĩnh viễn, nên tự mình sách tấn nỗ lực. Đối với triền phẩm thượng, nếu chúng chưa sanh, muốn khiến không sanh; nếu chúng đã sanh, muốn khiến đoạn diệt vĩnh viễn, nên phát khởi siêng năng tinh tấn.

Lại nếu hành ở cảnh giới quá khứ, lúc hành như vậy không khiến phiền não duyên cảnh kia mà sanh khởi. Giả sử vì quên mất niệm, tạm thời sanh khởi, thì không nhẫn thọ, nhanh chóng đoạn diệt, khiến trừ, loại bỏ. Như duyên quá khứ, thì hành ở cảnh giới vị lai phải biết cũng vậy. Như vậy pháp ác bất thiện chưa sanh, năng khiến không sanh; đã sanh, năng đoạn trừ, đây gọi là sách tấn nỗ lực.

Nếu hành ở cảnh giới sở duyên hiện tại, lúc hành như vậy không khiến phiền não duyên cảnh giới hiện tại mà sanh khởi. Giả sử vì quên mất niệm, tạm thời sanh khởi, thì không nhẫn thọ, nhanh chóng đoạn diệt, trừ khiến, loại bỏ. Như vậy pháp ác bất thiện chưa sanh, năng khiến chẳng sanh; đã sanh, năng đoạn trừ, đây gọi là phát khởi siêng năng tinh tấn.

Lại hoặc có pháp ác bất thiện chỉ do sức phân biệt sanh khởi, chẳng phải do sức cảnh giới; hoặc có pháp ác bất thiện do sức phân biệt sanh khởi, cũng do sức cảnh giới. Nếu chỉ do sức phân biệt sanh khởi, chẳng phải do sức cảnh giới, đó là vào lúc trụ, tư duy cảnh giới quá khứ, vị lai nên sanh khởi. Nếu do sức tư duy sanh khởi, cũng là sức

cảnh giới, đó là vào lúc hành, duyên cảnh giới hiện tại mà sanh khởi kia, đương lúc bấy giờ quyết định cũng có phân biệt phi lý.

Nên biết trong đây, nếu pháp ác bất thiện chỉ do sức phân biệt sanh khởi, chẳng phải sức cảnh giới, thì chúng chưa sanh, năng khiến không sanh; chúng đã sanh, năng khiến đoạn trừ. Đây gọi là sách tấn nỗ lực. Nếu do sức phân biệt sanh khởi, cũng do sức cảnh giới, thì chúng chưa sanh, năng khiến không sanh; chúng đã sanh, năng khiến đoạn trừ. Đây gọi là phát khởi siêng năng tinh tấn.

Lại nữa, đối với tất cả pháp thiện chưa sanh, vì khiến sanh nên sanh mong muốn. Đó là sở hữu pháp thiện chưa được, chưa hiện tại tiền, vì muốn khiến được, khiến hiện tại tiền, nên phát tâm mong muốn, phát khởi mãnh liệt mong cầu đạt được, mong cầu hiện tiền để điều kia thành hiện thực. Đây gọi là đối với tất cả pháp thiện chưa sanh, vì khiến sanh khởi nên sanh mong muốn.

Đối với tất cả pháp thiện đã sanh, vì muốn khiến trụ, khiến không quên mất, khiến tu viên mãn, nên sanh mong muốn. Đó là sở hữu thiện pháp đã đạt được, đã hiện tại tiền, gọi là thiện

pháp đã sanh. Đối với thiện pháp đây đã được không quên mất, đã được không thối chuyển, nương đây nói rằng: “Vì muốn khiến trụ”. Đối với thiện pháp đây hiện tiền biết rõ ràng, tánh không ám độn, nương đây nói rằng: “Khiến không quên mất”. Đối với thiện pháp đây đã được hiện tiền, luôn luôn tu tập, thành tựu rốt ráo, nương đây nói rằng: “Khiến tu viên mãn”. Đối với thiện pháp đây, phát tâm mong muốn, phát khởi mãnh liệt mong cầu an trụ bền vững, mong cầu không quên, mong cầu tu viên mãn khiến hiện tại tiền; đây gọi là đối với tất cả thiện pháp đã sanh, vì muốn khiến trụ, khiến không quên mất, khiến tu viên mãn, nên sanh mong muốn.

Lại sách tấn nỗ lực tức là đối với pháp thiện đã được, vì khiến hiện tiền. Phát khởi siêng năng tinh tấn tức là đối với pháp thiện chưa được, vì khiến được.

Lại sách tấn nỗ lực tức là đối với pháp thiện đã sanh, vì mong muốn khiến trụ, khiến không quên mất. Phát khởi siêng năng tinh tấn tức là đối với pháp thiện đã sanh, vì khiến tu viên mãn.

Lại đối với pháp thiện phẩm trung, phẩm hạ

chưa sanh khiến sanh, đã sanh khiến trụ, khiến không quên mất; đây gọi là sách tấn nỗ lực. Đối với pháp thiện phẩm thượng chưa sanh khiến sanh, đã sanh cho đến khiến tu viên mãn; đây gọi là phát khởi siêng năng tinh tấn.

Nói “sách tấn tâm” là phương tiện tinh cần đặt tâm trong sự tu tánh nhất cảnh của Xa-ma-tha, vì khiến các pháp ác bất thiện chưa sanh không sanh, nói rộng cho đến vì muốn khiến tất cả pháp thiện đã sanh được trụ, được không quên mất, khiến tu viên mãn. Do nhân duyên đây, nếu tâm ở bên trong rất hôn muội yếu hèn, hoặc sợ hãi hạ liệt, quán thấy tâm đây rồi, lúc ấy tùy nắm giữ một chủng tướng cử tịnh diệu, ân cần sách tấn nỗ lực khiến tâm hoan hỷ. Đây gọi là sách tấn tâm.

Nói “giữ gìn tâm” là lúc tu tướng cử, nơi tâm trạo động, hoặc sợ hãi trạo động, quán thấy tâm đây rồi, bấy giờ trở lại thu nhiếp tâm ở bên trong, tu Xa-ma-tha. Đây gọi là giữ gìn tâm.

Bốn loại như vậy cũng gọi là *chánh thắng*, tức là đối với các pháp thuộc phẩm hắc, chúng chưa sanh, vì khiến không sanh; chúng đã sanh, vì khiến đoạn diệt, nên sanh khởi mong muốn sách tấn nỗ

lực, phát khởi siêng năng tinh tấn sách tấn tâm, giữ gìn tâm. Đây là hai chánh thắng. Đối với các pháp phẩm bạch, chúng chưa sanh, vì muốn khiến sanh, phải biết như trong phẩm bạch đã rộng nói. Đây là hai chánh thắng.

Bốn chủng như sau cũng gọi là *chánh đoạn*:

1. Luật nghi đoạn: đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì khiến đoạn diệt, nên sanh tâm mong muốn sách tấn nỗ lực... cho đến nói rộng.

2. Đoạn đoạn: đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì khiến không sanh, nên sanh tâm mong muốn sách tấn nỗ lực... cho đến nói rộng. Đối với sự việc ác bất thiện đã sanh, phải tu luật nghi khiến kia đoạn diệt, chẳng nên lãnh thọ. Do nhân duyên đây gọi là luật nghi đoạn. Đối với sự việc ác bất thiện chưa sanh, vì muốn khiến kia đoạn diệt chẳng hiện hành, vì muốn khiến kia đoạn diệt chẳng hiện tiền, vì đoạn điều nên đoạn, nên gọi là đoạn đoạn.

3. Tu đoạn: đối với tất cả pháp thiện chưa sanh, vì khiến sanh, nói rộng cho đến sách tấn tâm, giữ gìn tâm. Do đối với pháp thiện luôn tu luôn tập, chỗ trước kia chưa được năng khiến hiện

tiền, năng có sự đoạn trừ, cho nên gọi là tu đoạn.

4. Phòng hộ đoạn: đối với tất cả pháp thiện đã sanh, vì muốn khiến an trụ, nói rộng cho đến sách tấn tâm, giữ gìn tâm. Đối với pháp thiện đã được, đã hiện tại tiền, thì xa lìa phóng dật, tu không phóng dật, năng khiến trụ ở pháp thiện không quên mất, tu tập viên mãn. Phòng hộ sở hữu thiện pháp đã sanh, năng có sự đoạn trừ, cho nên gọi là phòng hộ đoạn.

Như vậy đã biện biệt rộng *bốn chánh đoạn*.

Lại nghĩa tóm lược của phần này như thế nào? Đó là vì hiển thị trong việc nắm giữ phẩm bạch, xả bỏ phẩm hắc, ý vui tăng thượng viên mãn và gia hạnh viên mãn, cho nên tuyên nói bốn loại chánh đoạn.

Nên biết trong đây, do sanh tâm mong muốn, nên ý vui tăng thượng viên mãn. Do tự sách tấn nỗ lực, nên phát khởi siêng năng tinh tấn, do sách tấn tâm, giữ gìn tâm, nên gia hạnh viên mãn. Vị thầy tu Du-già chỉ có việc đây là chánh đáng nên làm. Đó là vì đoạn diệt pháp nên đoạn diệt và vì đạt được pháp nên đạt được, trước nên sanh khởi mong cầu vui muốn. Vì đoạn các triền, lại nên thời

thời chánh siêng tu tập tướng chỉ, cử, xả. Vì đoạn các triền và tùy miên, lại nên tu tập thêm thiện pháp đối trị. Vì hiển tất cả việc làm như vậy, tuyên nói bốn chánh thắng và bốn chánh đoạn. Đây là nghĩa tóm lược.

Từ đây lại tiếp tục tu bốn tam-ma-địa, đó là Dục tam-ma-địa, Cần tam-ma-địa, Tâm tam-ma-địa, Quán tam-ma-địa. Phải biết do lực tăng thượng của dục nên đắc tam-ma-địa, gọi là Dục tam-ma-địa. Do lực tăng thượng của cần nên đắc tam-ma-địa, gọi là Cần tam-ma-địa. Do lực tăng thượng của tâm nên đắc tam-ma-địa, gọi là Tâm tam-ma-địa. Do lực tăng thượng của quán nên đắc tam-ma-địa, gọi là Quán tam-ma-địa.

Nếu lúc ấy chỉ thuần sanh vui mong muốn, đã sanh vui mong muốn, nên đối với tự tánh, nhân duyên, quá hoạn, đối trị của sở hữu các pháp ác bất thiện, chánh tư duy quán xét thẳm sâu, phát khởi niệm nhất cảnh. Đối với tự tánh, nhân duyên, công đức, xuất ly của các pháp thiện, chánh tư duy quán xét thẳm sâu, trụ niệm nhất cảnh. Tức vì tu tập nhiều như thế mà được xúc tánh nhất cảnh, đối với các triền hiện hành của các sở hữu pháp ác

bất thiện năng khiến xa lìa, nhưng chưa vĩnh viễn hại được tùy miên của phiền não. Đây gọi là lực tăng thượng của dục khiến đắc tam-ma-địa.

Nếu đối với cảnh giới sở duyên quá khứ, vị lai, hiện tại năng thuận theo sở hữu các pháp ác bất thiện, năng thuận theo triền của phiền não phẩm thượng, trung, hạ, tất cả chúng chưa sanh, vì khiến không sanh; chúng đã sanh, vì khiến đoạn diệt, nên tự mình sách tấn, tự mình nỗ lực, phát khởi siêng năng tinh tấn. Ở nơi tự tánh, nhân duyên, đối trị, quá hoạn của sở duyên kia, của cảnh giới kia, chánh quán sát tư duy thẳm sâu, an trụ niệm nhất cảnh. Do nhiều an trụ như thế nên năng chánh sanh khởi tâm nhất cảnh tánh, năng khiến xa lìa đối với sở hữu các triền hiện hành của pháp ác bất thiện, nhưng chưa vĩnh viễn hại được tùy miên của phiền não. Đây gọi là lực tăng thượng của cần khiến đắc tam-ma-địa.

Nếu lại sách tấn các tâm hạ liệt, hoặc lại chế ngự gìn giữ các tâm trạo cử, lại thời thời tu tập tăng thượng xả, do nhân duyên đây, đối với sở hữu các pháp ác bất thiện hoặc năng thuận theo các pháp ác bất thiện và đối với các pháp thiện hoặc

năng thuận theo tự tánh, nhân duyên, quá hoạn, công đức, đối trị, xuất ly của sở hữu pháp thiện, chánh tư duy quán sát thắm sâu, an trụ niệm nhất cảnh. Do nhiều an trụ như thế năng chánh sanh khởi tâm tánh nhất cảnh, cho đến nói rộng. Đây gọi là lực tăng thượng của tâm khiến đắc tam-ma-địa.

Nếu đối với pháp ác bất thiện mà năng thuận theo đó tác ý tư duy cho là không như lý. Lại đối với pháp thiện năng thuận theo đó tác ý tư duy cho là như lý. Như vậy vì xa lìa các triền và năng sanh khởi đối trị các triền, quyết định lấy pháp thiện làm thượng thủ, nên năng khiến sở hữu các pháp ác bất thiện đều chẳng hiện hành. Bèn tự tư duy: “Ta nay là có hiện hữu pháp ác bất thiện mà không nhận biết chẳng? Hay là không hiện hữu pháp ác bất thiện mà không nhận biết chẳng? Ta nay cần phải quán xét tỉ mỉ khắp cả”. Vị kia do lực tăng thượng của tác ý quán sát, tự mình chân chánh quán sát đoạn và chưa đoạn, chánh tư duy quán xét thắm sâu, an trụ niệm nhất cảnh. Do nhiều an trụ như thế nên năng chứng tâm tánh nhất cảnh. Do nhân duyên đây lìa tăng thượng mạn, tự mình biết như thật: “Ta chỉ ở nơi triền tâm được giải thoát,

nhưng ở nơi tất cả góc ngách tùy miên, tâm chưa được giải thoát. Ta chỉ mới đạt được và tu tập đối trị các triền, quyết định lấy sở hữu pháp thiện làm thượng thủ, mà chưa đạt được và chưa tu tập đối trị tùy miên”. Đây gọi là lực tăng thượng của quán nên đặc tam-ma-địa.

Người kia do lực tăng thượng của bốn tam-ma-địa, được xa lìa các triền. Lại vì vĩnh viễn hại diệt các tùy miên của tất cả pháp ác bất thiện, cũng vì tu tập các pháp thiện năng đối trị kia, bèn sanh khởi hơn nữa vui mong muốn sách tấn nỗ lực, nói rộng như đạo lý gia hạnh tu tập bốn chánh đoạn ở trước.

Khi người kia chánh tu tập như vậy có tám đoạn hành, vì muốn vĩnh viễn hại diệt các tùy miên, vì khiến tam-ma-địa được viên mãn, nên triển chuyển sai biệt. Những gì gọi là 8 chủng đoạn hành?

1. Dục: tức phát khởi mong cầu vui muốn: “Ta tu Tam-ma-địa vào lúc nào sẽ được viên mãn? Ta vào lúc nào sẽ năng đoạn diệt sở hữu tùy miên của pháp ác bất thiện?”.

2. Sách tấn nỗ lực: đó là không xả bỏ gia hạnh, cho đến sở hữu tu tập các đối trị.

3. Tín: vì không xả bỏ mà chánh an trụ gia hạnh, nên đối với sở chứng ở trên sanh tín hiểu sâu.

4. An: vì tín thanh tịnh làm dẫn đầu, khiến tâm sanh hoan hỷ. Vì tâm hoan hỷ, dần dần thứ lớp dứt trừ pháp ác bất thiện thô trọng.

5. Niệm: vì năng nhiếp trì phẩm Xa-ma-tha, an trụ tâm ở nơi 9 chủng tướng.

6. Chánh biết: là tuệ của phẩm Tỳ-bát-xá-na.

7. Tư: là tạo tác của tâm. Lúc chánh quán sát đoạn, chưa đoạn, nơi tâm tạo tác này dẫn phát hai loại thân nghiệp và ngữ nghiệp năng thuận theo Chỉ Quán.

8. Xả: là ở trong hành quá khứ, vị lai, hiện tại thuận theo các pháp ác bất thiện mà tâm không nhiễm ô, tánh tâm bình đẳng. Do hai nhân duyên, ở nơi việc đoạn trừ tùy miên, phân biệt biết rõ, đó là: do cảnh giới không hiện thấy tư và do cảnh giới hiện thấy xả.

Như vậy gọi là tám chủng đoạn hành, cũng gọi là thắng hành. Tám chủng đoạn hành, thắng hành như vậy tức là Du-già hại diệt tùy miên. Trong đây dục tức là dục của Du-già. Sách tấn nỗ

lực tức là tinh tấn của Du-già. Tín tức là tín của Du-già. An, niệm, chánh biết, tư, xả tức là phương tiện của Du-già.

Như vậy, trong đây hoặc trước nói bốn tam-ma-địa là Dục, Cần, Tâm, Quán, hoặc nay nói tám chủng đoạn hành, tức lúc đoạn trừ vĩnh viễn sở hữu tùy miên, thì tam-ma-địa thành tựu trọn vẹn viên mãn. Tất cả gọi chung là thần túc do Dục tam-ma-địa đoạn hành thành tựu, thần túc do Cần tam-ma-địa đoạn hành thành tựu, thần túc do Tâm tam-ma-địa đoạn hành thành tựu, thần túc do Quán tam-ma-địa đoạn hành thành tựu.

Hỏi: Vì nhân duyên nào gọi là *thần túc*?

Đáp: Như người có chân năng tới, năng lui, chạy nhảy mạnh mẽ, kia năng đắc, năng chứng sở hữu các pháp thù thắng của thế gian. Pháp thù thắng của thế gian gọi là thần, người kia có khả năng đạt đến đó nên gọi là thần túc. Nếu có các pháp như vậy, tức có tam-ma-địa thành tựu trọn vẹn viên mãn. Tâm của người kia sáng sạch thanh tịnh, không các tỳ vết ô uế, lìa tùy phiền não, an trụ chân chánh, có khả năng kham chịu, đạt được sự bất động.

Như người năng tới, năng lui, chạy nhảy mạnh mẽ, kia năng đắc, năng chứng pháp xuất thế gian. Pháp xuất thế gian tối thắng tự tại là thần tối thắng, người kia năng chứng được pháp đây nên gọi là thần túc. Người kia lấy Tam-ma-địa thù thắng như vậy làm chỗ nương tựa giữ gìn. Vì lấy Tam-ma-địa thù thắng làm chỗ nương, năng tinh tấn tu tập sở hữu Du-già của tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Vì tinh tấn tu tập Du-già đây, nên đối với những điều chứng đắc của Đại sư và đệ tử khác, sanh sâu thắng giải, sanh sâu tịnh tín. Vì nghĩa tăng thượng của tín thanh tịnh đây nên gọi là tín căn.

Hỏi: Tín, tấn, niệm, định, tuệ lấy việc gì làm tăng thượng?

Đáp: Tín đây lấy việc năng sanh khởi các pháp xuất thế gian làm thượng thủ, lấy việc năng phát khởi tinh tấn, niệm, định, tuệ làm tăng thượng. Hết thấy pháp còn lại như tinh tấn lấy việc năng sanh khởi pháp xuất thế gian làm thượng thủ, lấy việc phát khởi triển chuyển niệm, định, tuệ làm tăng thượng... cho đến tuệ chỉ lấy việc năng sanh khởi pháp xuất thế gian làm tăng thượng. Cho nên tín, tấn, niệm, định, tuệ gọi là *năm căn*.

Nếu lại rõ biết sở chứng trước sau có sự sai khác, tùy đây năng đối với sở chứng pháp xuất thế gian về sau mà sanh sâu thắng giải, sanh sâu tịnh tín. Vì nghĩa khó khuất phục của tín thanh tịnh đây nên được gọi là tín lực.

Hỏi: Ai không thể khuất phục?

Đáp: Tín thanh tịnh đây, hoặc Thiên, hoặc Ma, hoặc các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc các thế gian khác không như pháp chẳng thể dẫn dụ đoạt mất. Các phiền não triền cũng không thể làm khuất phục. Cho nên gọi là khó khuất phục. Tín đây làm thượng thủ, tín đây làm tiền hành của các pháp khác. Những pháp còn lại như tinh tấn... cũng được gọi là lực, vì các lực đây có đầy đủ oai thế lớn năng bẻ gãy hàng phục tất cả thế lực ma quân, năng chứng đắc tất cả các lậu tận trừ vĩnh viễn, nên gọi là *lực*.

Phải quán trong đây, tín căn, tín lực tức là sở hữu tín thanh tịnh trong bốn chứng tịnh. Vì cơ sao? Vì sự chứng nhập chánh tánh ly sanh và sở hữu chứng tịnh đều do nhân đây, duyên đây, thứ tự đây. Bởi tín căn, tín lực tức là quả tăng thượng của sự kia, nên Đức Thế Tôn theo sự tương thuộc nhau

của đạo lý nhân quả mà dạy rằng: “Phải quán tức chứng tịnh của kia chẳng phải là thể của kia, chẳng phải là tướng của kia”.

Phải quán trong đây, tinh tấn căn, tinh tấn lực tức là sở hữu tinh tấn ở trong bốn chánh đoạn. Đây là chánh đoạn nào? Đó là phương tiện chánh đoạn, năng vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não kiến đạo sở đoạn. Ở trong đây ý nói chánh đoạn là như thế. Do chánh đoạn đây sẽ rốt ráo năng đoạn sở hữu các pháp ác bất thiện.

Phải quán trong đây, niệm căn, niệm lực tức là sở hữu chánh niệm trong bốn niệm trụ. Bốn niệm trụ đây năng đoạn dứt các điên đảo không sót thừa.

Phải quán trong đây, định căn, định lực tức là sở hữu chánh định trong bốn tĩnh lực. Các tĩnh lực đây năng là phương tiện chứng đắc quả Bất hoàn.

Phải quán trong đây, tuệ căn, tuệ lực tức là sở hữu chánh trí trong bốn thánh đế. Trí thánh đế ở nơi bốn thánh đế đây khiến chứng hiện quán, đắc quả Sa-môn.

Tức do dần tu, dần tập, dần tu tập nhiều các căn, các lực như vậy làm nhân duyên, nên năng phát khởi bốn chủng thiện căn thuận phần quyết trạch

phẩm hạ, trung, thượng. Những gì là bốn? 1. Noãn; 2. Đảnh; 3. Nhẫn thuận đế; 4. Pháp thế đệ nhất.

Thí như có người muốn có lửa để làm những việc cần thiết. Vì tìm lửa, người này dùng gỗ mục để ở dưới, lấy dùi lửa đặt ở trên, siêng năng sách tấn nỗ lực mạnh mẽ để dùi. Do người kia lúc ấy siêng năng sách tấn nỗ lực mạnh mẽ dùi mài như vậy, nên củi ở dưới bắt đầu sanh hơi ấm. Kế đến hơi ấm tăng lên dần, khí nóng tăng dần gấp bội liền phát khói, rồi lửa không có ngọn bỗng nhiên phát sanh. Kế đến ngọn lửa bùng lên mạnh mẽ không tắt. Lúc đó mới dùng lửa làm những việc cần thiết. Như người dùi lửa siêng năng sách tấn nỗ lực dũng mãnh dùi tìm lửa, thì dần tu, dần tập, dần tu tập nhiều năm căn, năm lực phải biết cũng vậy. Như gỗ mục ở dưới bắt đầu sanh hơi ấm, thì thiện căn Noãn cũng như vậy. Vì lửa pháp vô lậu sanh khởi trước tiên thiêu đốt các phiền não. Như hơi ấm tăng lên, khí nóng bốc ra, thì thiện căn Đảnh cũng như vậy. Như tiếp theo khói bỗng nhiên xuất hiện, thì thiện căn Nhẫn thuận đế cũng như vậy. Như lửa không ngừng bốc cháy mạnh mẽ, thì thiện căn Pháp thế đệ nhất nhiếp lấy Thánh pháp

vô lậu xuất thế do năm căn, năm lực không gián đoạn phát sanh, nên biết cũng vậy.

Việc đây lại như thế nào? Đó là bảy giác chi. Các bồ-đặc-già la đã chứng nhập chánh tánh ly sanh, giác tuệ như thật, dụng đây làm chi, nên gọi là *giác chi*. Tức bảy chủng giác chi như thật đây nhiếp thuộc ba phẩm: đó là ba giác chi nhiếp vào phẩm Xa-ma-tha, ba giác chi nhiếp vào phẩm Tỳ-bát-xá-na, một giác chi còn lại thông nhiếp vào cả hai phẩm kia. Cho nên gọi là bảy chủng giác chi. Phẩm Quán nhiếp lấy ba giác chi là: trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi. Phẩm Chỉ nhiếp lấy ba giác chi là: an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Chủng niệm giác chi còn lại nhiếp vào cả hai phẩm, gọi là vào khắp hành.

Lúc bấy giờ vị kia, trước tiên đạt được bảy giác chi như vậy, gọi là bậc sơ hữu học đã thấy dấu vết thánh đế. Kia đã vĩnh viễn đoạn diệt tất cả phiền não kiến đạo sở đoạn, duy chỉ còn lại tất cả phiền não tu đạo sở đoạn. Vì đoạn kia nên tu tập ba uẩn nhiếp lấy *tám thánh đạo chi*. Trong đây chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn nhiếp thuộc tuệ uẩn. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh

mạng nhiếp thuộc giới uẩn. Chánh niệm, chánh định nhiếp thuộc định uẩn.

Hỏi: Vì nhân duyên gì gọi là tám thánh đạo chi?

Đáp: Các bậc thánh hữu học đã thấy dấu tích, do tám chi thâm nhiếp dấu tích hành chánh đạo, năng đoạn dứt tất cả phiền não không sót thừa, năng ở nơi giải thoát tác chứng rốt ráo, cho nên gọi là tám thánh đạo chi. Phải biết trong đây, hoặc lúc hành giác chi có được hiểu biết chân thật, hoặc đã đắc kia, dùng tuệ an lập, như điều chứng đắc mà hiểu biết. Tóm lược hai điều trên, hợp chung lại gọi là chánh kiến.

Do lực tăng thượng của chánh kiến đây, phát khởi ra khỏi xa lìa, tư duy phân biệt không khuể không hại. Đây gọi là chánh tư duy.

Nếu tâm thú nhập vào tầm tư, thì vị kia chỉ tìm cầu suy nghĩ tương trạng như vậy. Nếu tâm thú nhập vào những ngôn luận, tức do lực tăng thượng của chánh kiến, nên chỉ phát khởi tư duy thiện, chỉ phát khởi chủng chủng ngôn luận như pháp. Đây gọi là chánh ngữ.

Nếu như pháp cầu y phục, thức uống ăn, các

tọa ngoại cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng nuôi thân khác, vào lúc truy cầu hoặc đi hoặc về an trụ chánh biết, hoặc thấy hoặc nhìn, hoặc co hoặc duỗi, hoặc giữ y bát và Tăng-già-lê, hoặc ăn hoặc uống, hoặc nhai hoặc nếm an trụ chánh biết; hoặc vào lúc trụ, đối với hết thấy vật như y phục... đã cầu được, hoặc đi hoặc đứng hoặc ngồi hoặc nằm, nói rộng cho đến ngủ giải lao an trụ chánh biết. Đây gọi là chánh nghiệp.

Như pháp truy cầu y phục, thức uống ăn, cho đến các vật dụng nuôi thân khác, xa lìa tất cả pháp sanh khởi tà mạng. Đây gọi là chánh mạng.

Nếu hành viễn ly nhiếp chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, vị kia trong lúc chúng đắc các giác chi trước đã đạt được, tác ý vô lậu.

Hỏi: Cớ sao đây gọi là Giới mà bậc thánh yêu thích?

Đáp: Bởi lẽ các bậc Thánh hiền thiện chánh chí trường thời yêu thích, mền mộ duyệt ý: “Ta không khi nào thuận theo các ngữ ác hạnh, các thân ác hạnh, các việc tà mạng, không thực hành thuận theo luật nghi”. Do vị kia dèm dài đối với giới đây phát sanh yêu thích, mền mộ, duyệt ý,

nên khi đạt được gọi là điều yêu thích của bậc Thánh. Đã đạt được Giới mà bậc thánh yêu thích, trọn không chánh biết mà nói vọng ngữ, trọn không cố ý suy nghĩ hại mạng chúng sanh, trọn không cố ý suy nghĩ lấy của không cho, trọn không cố ý suy nghĩ hành dục tà hạnh, trọn không tìm cầu y phục phi pháp... Tức là do lực tăng thượng của Giới mà bậc thánh yêu thích như thế, nên trong lúc tu đạo, cho đến chỗ có sanh khởi của ngũ nghiệp, thân nghiệp của việc nuôi dưỡng thân mạng cũng được gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Vị kia nương theo chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng đây siêng năng tu hành, nắm giữ tất cả dục, cần, tinh tấn, dũng mãnh xuất ly, phát khởi năng lực sách tấn nỗ lực tương tục không gián đoạn, gọi là chánh tinh tấn. Người thành tựu chánh tinh tấn như vậy, do lực tăng thượng của bốn niệm trụ, nên đắc chánh niệm nhiếp thuộc chín chủng hành tướng không điên đảo, năng nhiếp lấy chín chủng hành tướng tâm trụ. Đây gọi là chánh niệm và chánh định.

Hết thấy tám thánh đạo chi như thế lập chung làm 2 chủng, đó là: không có sở tác và trụ sở tác.

Không có sở tác: là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Trụ sở tác: lại có 2 loại, đó là: Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na. Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn là Tỳ-bát-xá-na. Chánh niệm, chánh định là Xa-ma-tha.

Như vậy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thanh tịnh làm chỗ nương tựa, ở trong mọi thời tu tập Chỉ Quán, sẽ năng chứng đắc các kiết vĩnh viễn đoạn trừ không sót thừa, sẽ năng đắc quả tối thượng A-la-hán. Vì trường thời tương tục gọi là tu đạo. Vì luôn luôn tu tập đoạn phiền não, nên hoát nhiên trí sanh, gọi là kiến đạo. Vì lúc trí đây tạm khởi tức năng vĩnh viễn đoạn dứt các phiền não. Do nhân duyên đây, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng ở trong sự tu đạo mới bắt đầu kiến lập.

Do hết thấy việc như vậy lần hồi thứ lớp phương tiện gia hạnh, tu tập hết thấy ba mươi bảy chủng pháp Bồ-đề phần. Đây gọi là tu Bồ-đề phần.

13. Quả tu: Đó là bốn quả Sa-môn: 1. Quả Dự lưu; 2. Quả Nhất lai; 3. Quả Bất hoàn; 4. Quả tối thượng A-la-hán.

Trong đây, sao gọi là Sa-môn? Sao gọi là Quả? Thánh đạo gọi là Sa-môn. Phiền não được đoạn trừ gọi là Quả. Lại đạo sanh sau, hoặc phẩm trung, hoặc phẩm thượng, là quả của đạo sanh đã sanh khởi trước.

Hỏi: Vì sao kiến lập bốn quả như vậy?

Đáp: Vì đối trị bốn chủng các phiền não. Đó là các *vô sự* năng chiêu cảm hưởng đến ác, vì đoạn nhân phiền não dẫn đến ác và vì năng đoạn kia, đối trị sanh nên lập quả Dự lưu, mà Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Vĩnh viễn đoạn trừ ba kiết sử nên lập quả đây”. Đó là vì nương ba phẩm có ba chủng kiết chướng ngại Thánh đạo khiến không thể sanh khởi: 1. Phẩm tại gia; 2. Phẩm pháp ác thuyết Tỳ-nại-da; 3. Phẩm pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da.

Nương phẩm tại gia có thân kiến. Do kiến đây nên sanh sợ hãi, ngay lúc đầu không muốn phát khởi hưởng đến Thánh đạo.

Nương phẩm pháp ác thuyết Tỳ-nại-da có giới cấm thủ. Do giới cấm thủ đây nên tuy đã phát khởi hưởng đến mà hành tà vậy, do đây chẳng thể sanh khởi Thánh đạo.

Nương phẩm pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da có

nghi hoặc. Do nghi hoặc đây, tuy đã phát khởi hướng đến, không hành tà vạy, nhưng đối với chánh đạo chưa thể tu tập xuyên suốt, nên ở trong việc nhận thức như thật sự sở tri sanh do dự nghi hoặc làm chướng ngại khiến không sanh khởi Thánh đạo. Do nhân duyên này chỉ nói đoạn kiết đây lập quả Dự lưu. Quả Dự lưu còn nhiều nhất bảy lần trở lại hữu, cho nên vẫn còn tương tục tái sanh nhiều lần.

Nếu đoạn trừ phiền não tái sanh tương tục, không còn tiếp nối sanh, lập quả Nhất lai. Tức là đã vĩnh viễn đoạn trừ phiền não của việc tái sanh tương tục nhiếp thuộc hữu cõi trời, nhiếp thuộc hữu cõi người, chỉ thọ sanh một lần ở cõi trời, thọ sanh một lần ở cõi người, thì lúc bấy giờ lập quả Nhất lai.

Nếu đã vĩnh viễn đoạn trừ sở hữu phiền não năng cảm sanh trở lại, chỉ thọ sanh một lần hữu cõi trời, lúc bấy giờ lập quả Bất hoàn. Nếu đã vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não năng cảm sanh hữu, kiến lập quả tối thượng A-la-hán. Đức Bạc-Già-Phạm nói: “Đoạn trừ vĩnh viễn ba kiết, tham sân si mỏng, lập quả Nhất lai. Đoạn trừ vĩnh viễn năng thuận theo năm hạ phần kiết, lập quả Bất

hoàn. Đoạn trừ vĩnh viễn rốt ráo tất cả phiền não, kiến lập quả tối thượng A-la-hán”. Đây gọi quả tu.

Lại nếu bổ-đặc-già-la hành tham, sân, si, mạn, tâm tư, thì trước phải tu hành thanh tịnh ở nơi sở duyên tịnh hành, sau mới chứng tâm chánh an trụ. Ở nơi các cảnh giới sở duyên riêng khác của mỗi hành, nhất định nương thế lực của sự cảnh sở duyên sai biệt để siêng tu gia hạnh.

Nếu bổ-đặc-già-la hành đẳng phần, tùy theo chỗ vui thích phan duyên cảnh kia mà siêng tu gia hạnh. Siêng tu như vậy chỉ khiến tâm an trụ, chẳng phải thanh tịnh hành kia.

Như bổ-đặc-già-la hành đẳng phần, thì bổ-đặc-già-la hành mỏng trần phải biết cũng vậy. Nhưng các hành kia cũng có sự sai khác, đó là bổ-đặc-già-la hành tham... lúc siêng tu hành, cần yếu phải trải qua lâu xa mới chứng tâm trụ. Bổ-đặc-già-la hành đẳng phần lúc siêng tu hành, không cần vượt qua lâu xa, năng chứng tâm trụ. Bổ-đặc-già-la hành mỏng trần lúc siêng tu hành, tối cực nhanh chóng năng chứng tâm trụ.

Hỏi: Trước đã nói rộng hành tướng sai khác của bổ-đặc-già-la hành tham... Còn bổ-đặc-già-la

hành đẳng phân và bổ-đặc-già-la hành mông trần có hành tướng thế nào?

Đáp: Bổ-đặc-già-la hành đẳng phân cũng có tất cả sở hữu hành tướng như bổ-đặc-già-la hành tham... kia. Nhưng hành tướng của bổ-đặc-già-la hành đẳng phân chẳng phải vượt trên, chẳng phải cao hơn, tùy theo sự gặp duyên mà có sai khác. Chỗ thi thiết hành của bổ-đặc-già-la hành tham... và bổ-đặc-già-la hành đẳng phân tương tự nhau.

Hành tướng của bổ-đặc-già-la hành mông trần có sự khác biệt, đó là: 1. Không nhiều trọng chướng; 2. Ban đầu thanh tịnh; 3. Tư lương đã đủ; 4. Có nhiều tịnh tín; 5. Thành tựu thông tuệ; 6. Đủ các phước đức; 7. Đủ các công đức.

1. Không nhiều trọng chướng: không có ba chướng. Những gì là ba? a. Nghiệp chướng; b. Phiền não chướng; c. Dị thực chướng.

Nghiệp chướng: là năm nghiệp vô gián và các suy nghĩ cố tạo tác các nghiệp khác, ác nghiệp nặng chồng chất. Nếu quả dị thực của nghiệp kia lúc chín muồi năng chướng ngại khiến không sanh khởi thánh đạo. Đây gọi là nghiệp chướng.

Phiền não chướng: là phiền não mãnh lợi,

phiền não trường thời. Do phiền não đây, ở trong hiện pháp dù có chủng chủng sở duyên tịnh hành cũng chẳng thể khiến thanh tịnh. Đây gọi là phiền não chướng.

Dị thực chướng: hoặc có nơi sanh đến, nương ở nơi đó thánh đạo không phát sanh, không tăng trưởng và ở nơi sanh đến kia quả dị thực như thế sanh. Hoặc có nơi sanh đến, nương ở nơi đó thánh đạo tuy được sanh trưởng, mà ở nơi đó quả dị thực sanh là điếc, ngu độn, ngốc nghếch, mù lòa, câm ngọng, dùng tay thay lời, không có sức, không có khả năng để hiểu rõ pháp nghĩa là ác thuyết hay thiện thuyết. Đây là dị thực chướng.

2. Ban đầu thanh tịnh: là giới thiện thanh tịnh và kiến chánh trực.

Giới thiện thanh tịnh: do mười duyên nên biết như trước.

Kiến chánh trực: hoặc có cái thấy vì tương ưng tịnh tín, vì tương ưng thắng giải, vì xa lìa đối trá dua nịnh, vì khéo tư duy pháp nghĩa, không nghi, không hoặc, gia hạnh xuất ly, cho nên gọi là chánh trực.

Như vậy, có cái thấy chánh trực vì tương ưng

tịnh tín, nên đối với chánh pháp và Tỳ-nại-da của Phật không thể bị dẫn đoạt; vì tương ưng thắng giải nên đối với thần lực uy đức của chư Như Lai và Thánh đệ tử không thể nghĩ bàn, đối với sanh xứ sai biệt không thể nghĩ bàn, đối với giáo pháp thâm sâu không thể lấy gì để ghi chép, sanh sâu thắng giải, không kinh hãi, không hoảng sợ; vì xa lìa đối trá dua nịnh nên có cái nhìn chân chánh trung thực, tức là như Thánh giáo chánh tu hành, như điều chân thật mà tự hiển phát; vì khéo tư duy pháp nghĩa, không nghi không hoặc, gia hạnh xuất ly, nên ở nơi hết thấy pháp nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã... khéo tư duy chân chánh, khéo so lường chân chánh, khéo quán sát chân chánh. Do đây làm nhân nên xa lìa hai đường là không hoặc, không nghi, nhanh chóng được thăng tiến. Do bốn tướng đây, cái thấy như trên gọi là kiến chánh trực.

3. Tư lương đã đủ: tư lương nên biết như đã nói rộng ở trước, tóm lược có bốn loại: a. Tư lương phước đức; b. Tư lương trí tuệ; c. Tư lương đời trước; d. Tư lương hiện pháp.

Tư lương phước đức: vì tư lương đây hiện tại có được tiền của sung túc, tài sản giàu có, được gặp

phước điền chân thật là bậc Thiện tri thức, xa lìa các chướng ngại, năng tinh cần tu hành.

Tư lương trí tuệ: vì tư lương đây nên thành tựu thông tuệ, có lực có khả năng hiểu rõ pháp nghĩa là thiện thuyết hay ác thuyết, đạt được sự thuận theo giáo thọ, giáo giới, giáo pháp, giáo nghĩa.

Tư lương đời trước: do đời trước chứa nhóm căn lành nên đời hiện tại thu được các căn thành thực.

Tư lương hiện pháp: đời hiện tại ham muốn thiện pháp, các căn thành thực, đầy đủ luật nghi giới và luật nghi căn, nói rộng như trước.

4. Có nhiều tịnh tín: đối với Đại sư không hoặc không nghi, sanh sâu lòng tịnh tín và thực hành thắng giải. Như đối với Đại sư, thì đối với pháp, đối với học cũng vậy, còn lại nên biết như trước đã rộng thuyết.

5. Thành tựu thông tuệ: do đây nên đối với pháp, đối với nghĩa, nhanh chóng có khả năng lãnh thọ, trải qua thời gian lâu không bị quên mất.

6. Đầy đủ các phước đức: do đây nên hình sắc đoan nghiêm, được mọi người vui muốn ngắm nhìn sanh tín tâm thanh tịnh; không bệnh tật, trường

thọ; lời nói chân thật ôn hòa trang nghiêm. Dòng tộc đầy đủ tôn quý, được mọi người biết đến. Thành tựu phước lớn, thu được nhiều y phục, các vật dụng nuôi thân... Được sự cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen của các quốc vương và đại thần...

7. Đầy đủ công đức: bản tánh thành tựu chủng chủng công đức như thiếu dục... nên biết các tướng đây đã nói đến trong phần “Vật trang nghiêm của Sa-môn”.

Nên biết hết thấy loại tướng như thế là hành tướng sai biệt của bổ-đặc-già-la hành mỏng trần.

14. Các môn khác của bổ-đặc-già-la: Có sáu loại. Những gì là sáu? **a.** Sa-môn; **b.** Bà-la-môn; **c.** Phạm hạnh; **d.** Bí-sô; **e.** Tinh cần; **f.** Xuất gia.

a. Sa-môn lại có 4 loại. Những gì là bốn loại? 1. Sa-môn thắng đạo; 2. Sa-môn thuyết đạo; 3. Sa-môn hoạt đạo; 4. Sa-môn hoại đạo.

Nên biết chư Thiên Thệ gọi là Sa-môn thắng đạo, là những bậc đã chứng đắc vĩnh viễn tận dứt tham, sân, si không sót thừa. Các bậc thuyết chánh pháp gọi là Sa-môn thuyết đạo, vì khiến điều phục

tham, sân, si... mà tuyên thuyết chánh pháp. Các hành giả tu tập thiện hạnh gọi là Sa-môn hoạt đạo, vì điều phục hết thấy tham, sân, si... mà siêng tu chánh hạnh. Các kẻ hành tà hạnh gọi là Sa-môn hoại đạo, vì hủy phạm Thi-la, hành các pháp ác.

Lại bậc học và vô học gọi là Sa-môn thắng đạo, vì dùng đạo vô lậu hàng phục, diệt trừ tất cả các phiền não kiến, tu sở đoạn. Nếu không được gặp chư Như Lai và các Bồ-tát, vị kia vẫn vì Bồ-đề mà siêng năng tu tập chánh hạnh.

Các chúng Thanh văn trì tam tạng gọi là Sa-môn thuyết đạo, vì nhậm vận giữ gìn pháp Tỳ-nại-da nơi đời, nên chuyển chánh pháp nhân khiến chẳng hoại diệt.

Nếu các bồ-đặc-già-la dị sanh tánh điều thiện, vì lợi ích bản thân mà siêng tu chánh hạnh, biết ăn năn, biết hổ thẹn, vui thích việc học chân chánh. Vì đặc điều chưa đặc, vì xúc những điều chưa xúc, vì chứng những điều chưa chứng mà siêng tu gia hạnh. Có lực, có khả năng kham đặc điều chưa đặc, kham xúc điều chưa xúc, kham chứng điều chưa chứng. Đây gọi là Sa-môn hoạt đạo. Bởi lẽ vị kia hiện có các thiện pháp Noãn, có khả năng kham

nhiệm sanh trưởng mạng căn thánh tuệ, được gọi là sống, chẳng phải chết. Cho nên gọi đây là Sa-môn hoạt đạo.

Nếu các bồ-đặc-già-la phạm giới, hành nhiều ác pháp, nói rộng cho đến thật chẳng phải phạm hạnh tự xưng phạm hạnh, đây gọi là Sa-môn hoại đạo. Do kia ban đầu phá hoại sở hữu chánh đạo căn bản, nên không có lực, không có khả năng, không phải khí cụ sanh khởi đạo. Tuy hiện tiền có người thuyết dạy chánh đạo, cùng hiện tiền có người chứng đắc chánh đạo, nhưng kẻ kia không chứng đắc. Cho nên gọi là Sa-môn hoại đạo.

Thế Tôn nương kia nói lời như vậy: “Trong các giáo pháp Sa-môn, Bà-la-môn khác trọn không có sở hữu Sa-môn thứ nhất, nói rộng cho đến Sa-môn thứ tư. Nếu ở xứ đây có tám thánh đạo chi an lập khả đắc, tức là ở nơi pháp ấy có Sa-môn đầu tiên, nói rộng cho đến có Sa-môn thứ tư.

b. Bà-la-môn có 3 chủng: 1. Bà-la-môn chủng tánh; 2. Bà-la-môn danh tướng; 3. Bà-la-môn chánh hạnh.

Bà-la-môn chủng tánh: sanh ra trong gia đình của Bà-la-môn, được sanh ra từ sản môn của mẹ,

cha mẹ đều đầy đủ. Đây gọi là Bà-la-môn.

Bà-la-môn danh tướng: đó là các thế gian do tướng, hết thấy tướng mà giả lập ngôn thuyết đây gọi là Bà-la-môn.

Bà-la-môn chánh hạnh: đó là quyết định đi đến rốt ráo việc cần làm, đã có thể rời xa vất bỏ pháp ác bất thiện. Như có điều nói: “Nên biết Bà-la-môn đây không còn có việc cần làm thêm, việc cần làm đã làm xong”. Đây gọi là Bà-la-môn.

c. Phạm hạnh có 3 chủng: 1. Phạm hạnh thọ xa lìa; 2. Phạm hạnh tạm thời đoạn trừ; 3. Phạm hạnh rốt ráo đoạn trừ.

Phạm hạnh thọ xa lìa: tức là năng thọ học xa lìa tất cả hành phi phạm hạnh, pháp tập quen với dâm dục.

Phạm hạnh tạm thời đoạn trừ: là các dị sanh nương đạo thế gian mà ly dục Dục giới.

Phạm hạnh rốt ráo đoạn trừ: là các bậc Thánh giả chứng đắc quả Bất hoàn, lại đắc quả tối thượng A-la-hán.

d. Bí-sô có 5 loại: 1. Bí-sô khát cái; 2. Bí-sô tự xưng; 3. Bí-sô danh tướng; 4. Bí-sô phá hoại phiền não; 5. Bí-sô bạch tứ Yết-ma thọ Cụ túc giới.

e. *Tinh cần* có 3 loại: 1. *Tinh cần* dừng dứt phạm giới, đó là năng xa lìa các thân nghiệp, ngũ nghiệp bất thiện; 2. *Tinh cần* dừng dứt cảnh giới, đó là mật hộ căn môn, tu phòng thủ niệm và thường thuận theo niệm, như trước đã nói rộng; 3. *Tinh cần* dừng dứt phiền não, đó là năng vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não kiến, tu sở đoạn. Đối với tất cả điều đã sanh khởi trước kia, hoặc tầm tư dục, hoặc tầm tư khuể, hoặc tầm tư hại, hoặc tham, hoặc sân, hoặc các tà kiến, hoặc phần hận phú não cuống siểm... có thể dẫn đến các đường ác thú hiểm nguy như các xứ địa ngục... chẳng phải là pháp Sa-môn, thì tùy theo sự sanh khởi của chúng mà không nhẫn thọ, nếu chúng xuất hiện tức liền đoạn diệt, trừ khiển, biến đổi, nhờ bỏ. Phải biết trong đây lược có hai chủng dừng dứt phiền não: một là dừng dứt tùy miên; hai là dừng dứt các triền.

f. *Xuất gia* có 2 chủng: 1. Ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da mà xuất gia; 2. Ở trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da mà xuất gia.

Ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da mà xuất gia: đó là Bí-sô, Bí-sô-ni, Thúc-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni. Lại nếu tự thân có thể xa lìa tất cả sở hữu

pháp ác bất thiện, nên biết đây gọi là chân thật xuất gia.

Ở trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da mà xuất gia: đó là ngoại đạo hoặc hoàn toàn không mặc y, hoặc mặc y hoại sắc, hoặc ngoại đạo tăng thượng trét tro bụi lên thân. Ngoài ra lại có hết thấy các loại ngoại đạo tương tự như vậy.

Cho nên nói rằng: Hoặc các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc người tu phạm hạnh, hoặc các Bí-sô, hoặc người tinh cần, hoặc người xuất gia... hết thấy như thế là sở hữu môn khác nhau của số thủ thú.

15 và 16. Tám chủng bồ-đặc-già-la và nhân duyên kiến lập tóm lược có bốn loại.

Sao gọi là 8 loại bồ-đặc-già-la? 1. Người có khả năng kham nhiệm; 2. Người không có khả năng kham nhiệm; 3. Người khéo biết phương tiện; 4. Người không khéo biết phương tiện; 5. Người tu tập không gián đoạn; 6. Người tu tập có gián đoạn; 7. Người đã thường xuyên tu tập; 8. Người chưa thường xuyên tu tập.

Sao gọi là nhân duyên của bốn loại mà kiến lập bồ-đặc-già-la? Tám loại bồ-đặc-già-la trên được

kiến lập do nhân duyên của 4 loại sai khác: 1. Do căn sai biệt nên có căn đã thành thực và căn chưa thành thực; 2. Do Du-già sai biệt nên có khéo hiểu biết Du-già và không khéo hiểu biết Du-già; 3. Do gia hạnh sai biệt nên có tu tập ân trọng không gián đoạn và tu tập không ân trọng có gián đoạn; 4. Do thời sai khác nên có đã trường thời tu đạo và chưa trường thời tu đạo.

Vì sao bốn chủng sai khác như vậy năng làm nhân duyên kiến lập tám loại bổ-đặc-già-la trước? Đó là căn đã thành thực tức bổ-đặc-già-la có khả năng kham nhiệm. Căn chưa thành thực tức bổ-đặc-già-la không có khả năng kham nhiệm. Khéo hiểu biết Du-già tức bổ-đặc-già-la khéo biết phương tiện. Không khéo hiểu biết Du-già tức bổ-đặc-già-la không khéo biết phương tiện. Tu tập ân trọng không gián đoạn tức bổ-đặc-già-la tu tập không gián đoạn, đây cũng gọi là có tu tập thường thuận theo. Tu tập không ân trọng có gián đoạn tức bổ-đặc-già-la tu tập có sự gián đoạn, đây cũng gọi là không tu tập thường thuận theo. Đã trường thời tu đạo tức bổ-đặc-già-la đã thường xuyên tu tập. Chưa trường thời tu đạo tức bổ-đặc-già-la chưa thường

xuyên tu tập. Đây gọi là do căn sai biệt, do Du-già sai biệt, do gia hạnh sai biệt, do thời sai biệt nên kiến lập tám loại bổ-đặc-già-la.

Hoặc các sở hữu bổ-đặc-già-la căn chưa thành thực, kẻ kia đều chẳng thể biện biệt được các việc sở hữu, đó là khéo biết phương tiện, tu tập ân trọng không gián đoạn, đã thường xuyên tu tập, như lý như pháp, như sự thiện xảo.

Hoặc các sở hữu bổ-đặc-già-la căn tuy thành thực mà chưa khéo biết rõ phương tiện thiện xảo, thì ở nơi các việc sở hữu cũng chẳng thể biện biệt được.

Hoặc các sở hữu bổ-đặc-già-la căn đã thành thực, khéo biết rõ phương tiện, tu tập có gián đoạn, thì chẳng thể nhanh chóng được thông tuệ.

Hoặc các sở hữu bổ-đặc-già-la căn đã thành thực, khéo biết rõ phương tiện, tu tập không gián đoạn, nhưng tu tập chưa xuyên suốt, thì ở nơi sở hữu sự nghiệp của chính mình chưa thành tựu trọn vẹn.

Hoặc các sở hữu bổ-đặc-già-la căn đã thành thực, khéo biết phương tiện, đã tu tập không gián đoạn, tu tập xuyên suốt. Vị kia ở nơi việc sở hữu đều năng thành tựu trọn vẹn, cũng năng nhanh

chóng thành tựu thông tuệ, ở nơi sở hữu sự nghiệp cần làm của chính mình đã thành tựu trọn vẹn.

17. Các ma: Tóm lược có bốn chủng. Các việc làm của ma có vô lượng loại. Các thầy Du-già siêng tu quán hành phải khéo rõ biết khắp, cần chân chánh xa lìa.

Sao gọi là 4 ma? 1. Uẩn ma; 2. Phiền não ma; 3. Tử ma; 4. Thiên ma.

Uẩn ma: là năm thủ uẩn.

Phiền não ma: là hết thảy phiền não trong ba cõi.

Tử ma: là những hữu tình kia, từ chủng chủng chúng hữu tình kia chết đi.

Thiên ma: Khi hành giả tinh cần tu tập phẩm thiện thù thắng, muốn cầu vượt qua ba loại ma là uẩn ma, phiền não ma, tử ma, có vị trời sanh tối thượng ở Dục giới, được đại tự tại, muốn gây tạo chướng ngại, phát khởi vô số sự việc nhiễu loạn. Đây gọi là thiên ma. Phải biết trong đây, nương bốn loại sau mà kiến lập bốn loại ma: hoặc chỗ nương của sự chết, hoặc năng khiến chết, hoặc chính là sự chết, hoặc ở nơi sự chết mà gây tạo việc chướng ngại

không thể vượt qua. Vì nương nơi việc đã sanh, đã nhập năm thủ uẩn hiện tại mới có sự chết; do phiền não nên chiêu cảm sự sanh về sau; đã sanh rồi liền có sự chết đi...; các loại hữu tình mạng căn đã đứt nên chết đi. Đây là tự tánh của chết. Người tinh cần tu thiện vì muốn siêu vượt sự chết, lúc đang gia hạnh, thiên ma đại tự tại kia bèn gây chướng ngại. Do bị chướng ngại, hoặc ở nơi pháp tử chẳng thể thoát ra, hoặc trải qua nhiều thời gian dài, rất khó khăn mới có thể vượt thoát.

Lại, ma đối với những người kia cũng có lúc tạm thời không được tự tại, đó là hàng đệ sanh ly dục đạo thế gian hoặc ở khoảng này, hoặc sanh ở nơi kia. Hoặc ma đối với kia được đại tự tại, đó là đối với người chưa ly dục, ở trong tay ma, ma tùy muốn mà sai khiến. Hoặc người ly dục đạo thế gian bị sự trói buộc của ma, chưa thoát khỏi lưới ma, do đây ắt sanh trở lại cõi này.

18. Việc làm của ma: Đó là lúc muốn sanh khởi các sở hữu thiện pháp năng dẫn xuất ly, mà bị sức đấm trước các dục tăng thượng, liền trở lại thối xả. Phải biết đây tức là việc làm của ma.

Hoặc đang lúc an trụ gia hạnh mật hộ căn môn, mà đối với các sở hữu sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khả ái, do chấp giữ tướng, chấp giữ tướng hảo, tâm vui thích thú nhập. Phải biết đây tức là việc làm của ma.

Hoặc đang lúc an trụ gia hạnh ăn uống biết lượng, mà đối với các thức uống ăn mỹ vị không quân bình... do dục tham ái, tâm vui thú nhập. Phải biết đây tức là việc làm của ma.

Hoặc đang lúc an trụ gia hạnh đầu đêm, cuối đêm siêng năng tu tập tỉnh thức Du-già, đối với ngủ nghỉ do lực của giải đãi lười biếng, tâm vui thú nhập. Phải biết đây tức là việc làm của ma.

Hoặc đang lúc an trụ gia hạnh an trụ chánh biết, mà ở nơi sự nghiệp đến đi hoặc thấy trẻ nhỏ, thiếu nữ sắc đẹp mạnh khỏe... do chấp giữ tướng đẹp không như lý, tâm vui thú nhập; hoặc thấy các sự việc tốt đẹp của thế gian, tâm vui thú nhập; hoặc ở trong nhiều nghiệp, nhiều sự tạo tác, tâm vui thú nhập; hoặc thấy chúng tại gia và xuất gia vui chơi ồn tạp, hoặc thấy bạn ác cùng chung sống hỗn tạp, liên sanh tùy hỷ theo, tâm vui thú nhập. Phải biết đây tức là việc làm của ma.

Đối với Phật, Pháp, Tăng, đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đối với đời này, đời khác, nếu sanh nghi hoặc, phải biết đây tức là việc làm của ma. Khi sống nơi a-lan-nhã, chốn không nhà, dưới gốc cây, gò mả, tịnh thất không nhà, nếu thấy sự việc đáng kinh đáng sợ, lông dựng đứng; hoặc thấy hình tượng Sa-môn, Bà-la-môn; hoặc thấy hình tượng của người hoặc phi nhân bỗng nhiên xuất hiện, khuyên bảo xả phẩm bạch, khuyên gìn giữ phẩm hắc không như chánh lý. Phải biết đây tức là việc làm của ma.

Hoặc đối với lợi dưỡng, cung kính, xưng khen, tâm vui thú nhập; hoặc ở nơi sự tần tiện, mong cầu nhiều thứ, chẳng biết vui đủ, phần, hận, phú, nã, kiêu căng đối trá... là chỗ đối trị với pháp trang nghiêm của Sa-môn, tâm vui thú nhập. Phải biết đây tức là việc làm của ma. Hết thấy các loại sự việc của ma như vậy có vô lượng vô biên. Tất cả đều là việc làm của bốn loại ma, tùy theo chỗ hiện hành phải rõ biết chân chánh.

19. Ba nhân duyên: Do ba nhân duyên bậc chánh tu hành tinh cần phát khởi hướng đến đều

không có kết quả. Những gì là ba? 1. Do các căn chưa được huân tập chứa nhóm; 2. Do không thuận theo sự dạy trao; 3. Do lực đẳng trì yếu kém.

Hoặc có các căn vẫn còn chưa huân tập chứa nhóm, tuy có sự thuận theo dạy trao, được lực đẳng trì mạnh mẽ hưng thịnh, nhưng sự tinh cần phát khởi hướng đến đều không có kết quả.

Hoặc có các căn tuy đã huân tập chứa nhóm, lực đẳng trì cũng lại mạnh mẽ hưng thịnh, nhưng không đạt được sự thuận theo dạy trao, thì sự tinh cần phát khởi hướng đến đều không có kết quả.

Hoặc có các căn tuy đã được huân tập chứa nhóm, cũng lại thành tựu sự thuận theo dạy trao, mà lực đẳng trì không mạnh mẽ hưng thịnh, sự tinh cần phát khởi hướng đến vẫn không có kết quả.

Hoặc có các căn đã được huân tập chứa nhóm, đã thành tựu sự thuận theo dạy trao, có lực đẳng trì mạnh mẽ hưng thịnh, thì sự tinh cần phát khởi hướng đến quyết định có kết quả.

Như vậy gọi là do ba nhân duyên khiến không có kết quả; do ba nhân duyên quyết định có kết quả.



Quyển 30

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA **Phần 3 của DU GIÀ XỨ - Thứ 1**

Như vậy đã thuyết kiến lập và sở duyên... cho đến hướng đến tu tập có kết quả, không có kết quả của phẩm loại bổ-đặc-già-la. Như điều cần thiết mà an lập, nay Ta sẽ thuyết. Ốt-Đà-Nam nói chung:

Đi đến vui hỏi, tìm hiểu

Mới an lập, hộ dưỡng

Xuất ly, tánh nhất cảnh

Chướng tịnh, tu tác ý.

Nếu có bổ-đặc-già-la tự mình yêu thích mới bắt đầu tu tập. Lúc ban đầu tu tập, vì muốn chứng đắc nghĩa tự lợi, trước phải an trụ chánh niệm ở bốn việc, về sau đi đến bậc khéo thành tựu thông đạt Du-già, tự biết quý trọng hoặc Quý phạm sư, hoặc Thân giáo sư, hoặc đồng hàng với các bậc đáng tôn trọng khác... hoặc bậc tôn kính khác giống như chỗ tôn kính.

Sao gọi là bốn việc? 1. Tâm chuyên cầu lãnh ngộ, không tâm nạn vấn; 2. Tâm sanh sâu cung kính, không kiêu mạn; 3. Chỉ cầu thắng thiện, không phải vì hiển bày khả năng của mình; 4. Thuận vì an lập thiện căn của mình và người, chẳng vì cầu lợi dưỡng, cung kính, tiếng tăm.

Đã chánh niệm như vậy, đến chỗ của bậc Đạo sư trước tiên xin thời gian cho phép thỉnh cầu thưa hỏi, sau mới lắng lòng cúi mình thưa hỏi. Khi sắp thưa hỏi, trích vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất. Hoặc ở dưới tòa, khom người ngồi xuống, chấp tay cung kính, ý sanh sâu quý trọng, cúi đầu, lời nói nhỏ vừa, thưa hỏi Du-già: “Con mong cầu thọ học, duy nguyện thầy từ bi vì con khai mở”. Đã thưa thỉnh như vậy, các vị thầy Du-già, những người đã khéo thành tựu thông đạt Du-già, vì muốn an lập tác ý tu tập thuận Du-già cho người mới bắt đầu tu nghiệp, nên dùng lời từ mẫn, nhu nhuyễn mà ngợi khen, khích lệ, vỗ về.

Lại phải dùng lời tán thán công đức của việc tu tập đoạn, khen rằng: “Lành thay! Lành thay! Hiền thủ, ông nay ở trong loài chúng sanh đang đọa trong sự phóng dật, vui đắm phóng dật, chìm

đắm trong các cảnh giới, mà có thể riêng mình không phóng dật, vui tu hạnh xuất ly. Ông nay ở trong loài chúng sanh đã từ lâu sa đọa trong chủng chúng ưu khổ của lao ngục hiểm ác, mà có thể riêng mình cầu giải thoát khỏi lao ngục như vậy. Ông nay ở trong loài chúng sanh bị xiềng xích gông cùm của các thứ tham sân si nhất chặt kiên cố, mà có thể riêng mình cầu đoạn dứt hoại diệt sự trói buộc kiên cố như vậy. Ông nay ở trong loài chúng sanh bị cuốn hút trong đồng rộng sanh tử nguy hiểm, mà có thể riêng mình cầu vượt thoát đồng rộng nguy hiểm này. Ông nay ở trong loài chúng sanh bị sự nghèo thiếu các căn lành, mà có thể tự mình cầu đạt được căn lành sung mãn. Ông nay ở trong loài chúng sanh bị đọa trong vô số phiền não oán tặc, khiếp sợ vô bờ, mà có thể riêng mình cầu chúng đắc cứu cánh an ổn Niết-bàn thường lạc. Ông nay ở trong loài chúng sanh bị bệnh phiền não trầm trọng ăn nuốt, mà có thể riêng mình cầu chúng được bậc nhất không bệnh Niết-bàn thường lạc. Ông nay ở trong loài chúng sanh bị trôi nổi chìm đắm ở bốn chủng bạo lưu, mà có thể riêng mình cầu vượt qua dòng chảy như vậy. Ông nay ở

trong loài chúng sanh đọa trong vô minh hắc ám rộng sâu, mà có thể riêng mình cầu thành tựu đại trí quang minh! Ông phải biết rằng nếu ông năng quyết định tinh cần tu hành Du-già như vậy, cho đến gọi là không uổng phí khi thọ dụng tín thí của đất nước con người, thật lòng phụng hành Thánh giáo của Như Lai, không xả tĩnh lự, thành tựu quán thù thắng, tăng trưởng an vui sống ở chốn không nhân làm bạn pháp, tự mình tinh siêng tu học nghĩa Du-già, không thẹn hổ đối với các bậc đồng phạm hạnh có trí. Nay ông đến đây vì muốn tinh cần tu chánh hạnh lợi mình lợi người, vì muốn làm lợi ích an lạc vô lượng chúng sanh, vì ai mẫn thế gian và hết thấy trời, người, a-tố-lạc... vì khiến đạt được nghĩa lợi ích an vui, cho nên thưa hỏi như vậy”.

Vị thầy đã dùng các lời lẽ nhu nhuyễn khích lệ, an ủi, vỗ về và xưng khen các công đức của việc tu đoạn như vậy rồi, lại ở nơi bốn loại pháp xứ thâm sâu mà xét hỏi người kia. Hỏi rằng: “Thiện nam tử! Ông đã nhất tâm quy hướng Phật, Pháp, Tăng, chẳng phải quy y thầy ngoại đạo và chúng đệ tử tà pháp của kia phải không? Ông ban đầu đã tịnh tu phạm hạnh, giới thiện thanh tịnh và cái

thấy chánh trực phải không? Ông đã ở nơi ấy biện biệt rõ các pháp Thánh đế, hoặc ít, hoặc nhiều lắng nghe, thọ trì phải không? Ông nơi thâm tâm tin hiểu sâu đối với Niết-bàn, vì muốn chứng tịch diệt mà cầu xuất gia phải không?”. Hỏi như vậy rồi, nếu người kia đáp: “Vâng! Đúng như thế”, tiếp theo lại dùng bốn nhân duyên để chân chánh tìm hiểu bốn việc.

Những gì là bốn việc? 1. Nên tìm hiểu sở nguyện của người kia; 2. Nên tìm hiểu chủng tánh của người kia; 3. Nên tìm hiểu căn của người kia; 4. Nên tìm hiểu hành của người kia.

Sao gọi là bốn loại nhân duyên? 1. Nên dùng xét hỏi cặn kẽ để chân chánh tìm hiểu; 2. Nên dùng lời lẽ để chân chánh tìm hiểu; 3. Nên dùng việc làm để chân chánh tìm hiểu; 4. Nên dùng trí biết tâm sai biệt để chân chánh tìm hiểu.

1. Dùng cách hỏi cặn kẽ để chân chánh tìm hiểu sở nguyện: Tức hỏi thế này: “Hiện thủ! Ông hướng đến đâu để phát chánh nguyện, Thanh văn thừa ư? Độc giác thừa ư? Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thừa ư?”. Người kia được hỏi, liền tùy theo

nguyện của mình sẽ như vậy mà đáp. Như vậy gọi là dùng cách hỏi cặn kẽ để tìm hiểu sở nguyện của kia.

2. Dùng cách hỏi cặn kẽ để tìm hiểu chủng tánh và các căn, hành: Tức hỏi thế này: “Ông có thể tự quan sát thăm sâu chủng tánh, căn, hành của mình không? Nghĩa là nguồn gốc chủng tánh của ông là gì, Thanh văn thừa ư, Độc giác thừa ư, Đại thừa ư? Thuộc loại căn gì, là độn căn, là trung căn, hay là lợi căn? Có hành gì, là hành tham, là hành sân, nói rộng cho đến hành tâm tư ư?”. Nếu kia có chút ít tuệ, có thể tự biết rõ chủng tánh, căn, hành sai biệt trước sau, khéo nắm lấy tướng ấy, tùy theo điều được hỏi mà trả lời.

Nếu kia tánh ngu độn, chẳng thể tự biết sai biệt trước sau, cho đến chẳng thể khéo nắm lấy tướng ấy, nên chẳng thể tùy theo điều được hỏi mà trả lời. Từ đây về sau nên dùng lời lẽ để tìm hiểu ba điều kia. Đó là đối diện trước người kia, nên dùng tất cả những điều tương ưng với giản dị tốt đẹp, dễ hiểu, hiển rõ chánh lý, kể lại vì kia mà thuyết ngôn luận tương ưng với Thanh văn thừa. Khi kia nghe tuyên thuyết về ngôn luận đây, nếu

trong thân đã có chủng tánh Thanh văn, liền đối với ngôn luận đây phát sanh vui mừng hân hoan tốt bậc, sanh tâm tin hiểu sâu; nếu trong thân đã có chủng tánh Độc giác, chủng tánh Đại thừa, thì đối với ngôn luận đây không phát sanh vui mừng hân hoan tốt bậc, chẳng sanh khởi tin hiểu. Kế lại vì kia thuyết ngôn luận tương ưng với Độc giác thừa. Khi kia nghe tuyên thuyết ngôn luận đây, nếu trong thân đã có chủng tánh Độc giác, đối với ngôn luận đây liền phát sanh vui mừng hân hoan tốt bậc, sanh tin hiểu sâu; nếu trong thân có chủng tánh Thanh văn, chủng tánh Đại thừa thì chẳng như vậy. Sau lại vì kia tuyên thuyết ngôn luận tương ưng Đại thừa. Khi kia nghe tuyên thuyết ngôn luận đây, nếu trong thân đã có chủng tánh Đại thừa, đối với ngôn luận đây liền phát sanh vui mừng hân hoan tốt bậc, sanh tin hiểu sâu; nếu trong thân có chủng tánh Thanh văn, chủng tánh Độc giác thừa thì chẳng như vậy.

Nếu hạng độn căn, tuy nghe tuyên thuyết ngôn luận giản dị, mà đối với pháp nghĩa phải có sự nỗ lực tư duy xét kỹ mới có thể lãnh thọ, hiểu rõ thông đạt. Nếu hạng lợi căn, tuy nghe tuyên

thuyết ngôn luận vi tế thâm sâu, mà đối với pháp nghĩa có thể nhanh chóng lãnh thọ, hiểu rõ, thông đạt. Nếu hạng trung căn thì chẳng như vậy.

Nếu hạng hành tham, khi kia nghe thuyết ngôn luận vi diệu thanh tịnh, liền phát khởi tịnh tín vui thích tột bậc, ngộ nhập hương đến, toàn lông trên thân dựng đứng, cảm thương rơi lệ. Ngoài thân hiện tướng thấm nhuần, sáng sạch, trong lòng nhẹ nhàng vui thích.

Nếu hạng hành sân, nên biết hoàn toàn trái với tất cả tướng trên.

Nếu hạng hành si, khi kia nghe thuyết ngôn luận tương ưng lia nhiễm cùng sự quyết định thông đạt Niết-bàn, liền sanh lo sợ kinh hoàng tột bậc. Như hạng độn căn đã nói ở trên, thì hạng hành si phải biết cũng vậy.

Nếu hạng hành mạn, khi kia nghe thuyết ngôn luận chánh pháp, tuy vui nghe, nhưng tâm tán loạn, không hết lòng cung kính, không muốn an trụ, không cầu muốn nhận hiểu lời dạy để thực hành. Tuy kia có dụng phương tiện dẫn phát nơi tâm, khiến tâm kia lãnh thọ sự giáo hóa chân chánh, nhưng không phân biệt rõ ràng, không phát

lời lành tán thán.

Nếu hạng hành tâm tư, khi kia nghe thuyết ngôn luận chánh pháp, tuy lắng tai nghe mà tâm tán loạn, thọ nhận điều ác. Phàm có cảm thọ được cũng chẳng trụ lâu, chẳng kiên định. Vừa nghe thọ rồi liền quên mất, nhiều lần thưa hỏi trở lại.

Như vậy gọi là dùng ngôn luận để tìm hiểu chủng tánh, căn, hành.

3. Sao gọi là dùng việc làm để tìm hiểu ba điều kia? Như trước đã nói về sở hữu tướng trạng của bổ-đặc-già-la chủng tánh Thanh văn và bổ-đặc-già-la hành tham... đây gọi là việc làm. Do việc làm đây, như chỗ thích hợp nên chân chánh tìm hiểu chủng tánh, căn, hành.

4. Dùng trí biết tâm sai biệt của người để chân chánh tìm hiểu ba điều kia: Như có vị thầy tu Du-già đã khéo thông đạt, dùng trí biết được tâm sai khác của người. Vị kia do trí biết tâm sai biệt như vậy, nên biết rõ như thật chủng tánh, căn, hành.

Như vậy đã dùng bốn nhân duyên để chân

chánh tìm hiểu bốn việc rồi, lại như chỗ thích hợp mà an lập nơi năm xứ.

Sao gọi là năm xứ? 1. Xứ phòng hộ nuôi dưỡng tư lương định; 2. Xứ viên ly; 3. Xứ tâm tánh nhất cảnh; 4. Xứ chướng ngại thanh tịnh; 5. Xứ tu tác ý.

1. Phòng hộ nuôi dưỡng tư lương định:

Nếu người thành tựu luật nghi giới, ở nơi xứ đây vì khiến không thối thất, nên an trụ không phóng dật; như điều Phật dạy răn, như điều Phật cho phép mà viên mãn các học xứ, giới, uẩn sai khác, tinh tấn tu hành thường không giải đãi phế bỏ. Như vậy, năng ở nơi đạo học tương ưng giới đã chứng đắc khiến không thối thất, cũng hay chứng đắc những đạo học thù thắng tương ưng với giới trước chưa chứng đắc. Như thành tựu luật nghi giới đã nói, thì thành tựu luật nghi căn, đối với việc ăn uống biết lượng, đầu đêm cuối đêm tu tập tỉnh thức Du-già, an trụ chánh biết, cho đến thành tựu vật trang nghiêm của Sa-môn, phải biết cũng vậy. Tùy tư lương nhiếp lấy thiện pháp sai biệt đã đạt được, đều năng phòng hộ khiến không thối thất. Đối với việc tăng trưởng các thiện pháp thù thắng về sau,

vì khiến viên mãn nhanh chóng, vì như điều đã thuyết, không tăng không giảm, hiện hành bình đẳng, nên phát sanh hân hoan, vui muốn, mến mộ tăng thượng, thường hằng an trụ tinh tấn dững mãi. Đây gọi là phòng hộ nuôi dưỡng tư lương định.

Như vậy, khi xa lìa pháp thuận phần thối, tu tập pháp năng thuận phần thắng, phải vui an trụ hạnh viễn ly.

2. Viễn ly: a. Xứ sở viên mãn; b. Oai nghi viên mãn; c. Xa lìa viên mãn. Đây gọi là viễn ly.

a. *Sao gọi là xứ sở viên mãn?* Đó là hoặc ở chốn a-lan-nhã, hoặc dưới gốc cây trong rừng, hoặc trong nhà không nhàn, nơi gò mả hoang vắng, chỗ ngồi nằm bên bờ vắng, gọi là a-lan-nhã. Cây đại thọ trong rừng gọi là dưới gốc cây. Trong hang động, hoặc hang trống, đồng rơm... đều gọi là nhà không nhàn. Như vậy nên biết hoặc gò mả hoang vắng, chỗ ngồi nằm nơi bờ vắng, cây đại thọ trong rừng, hang động, hang trống, đồng rơm... hoặc a-lan-nhã, dưới gốc cây, nhà không nhàn, tất cả đều gọi chung là xứ sở viên mãn.

Xứ sở viên mãn lại có 5 loại:

Hoặc có xứ sở từ xưa đến nay hình tướng trang nghiêm, mọi người vui thích ngắm nhìn, vườn rừng, ao suối thấy đều đầy đủ. Đất không cao thấp, thanh tịnh không dơ uest. Không có các thú độc, cũng không có các thú gai độc châm chích, cũng không có nhiều gạch ngói, đá sỏi. Đất đây khiến người thấy sanh tâm thanh tịnh, vui thích cư trú để tu gia hạnh đoạn, tâm vui thích, tâm hoan hỷ hộ trì việc tu đoạn. Đây gọi là xứ sở viên mãn thứ nhất.

Hoặc có xứ sở vào ban ngày không ồn náo, vào ban đêm ít tiếng ồn. Cũng ít có sự xúc chạm với các độc trùng như muỗi, ruồi, rắn, bò cạp, nắg, gió. Đây gọi là xứ sở viên mãn thứ hai.

Hoặc có xứ sở không có những sự lo sợ ác thú sư tử, hổ, báo, chó sói... không có trộm cướp, oán địch, người và phi nhân... Ở xứ sở như vậy, thân ý thư nhàn, không nghi ngờ lo sợ, an vui mà cư trú. Đây gọi là xứ sở viên mãn thứ ba.

Hoặc có xứ sở, vật dụng nuôi thân dễ được đầy đủ, việc tìm cầu y phục cùng các thứ khác chẳng mấy khó khăn, thức ăn uống giữ gìn mạng sống cũng không bị thiếu thốn. Đây gọi là xứ sở viên mãn thứ tư.

Hoặc có xứ sở có được sự cư trú, hộ dẫn của Thiện tri thức và các đồng phạm hạnh có trí: đối với điều chưa hiểu rõ thì năng khai mở khiến hiểu biết; đối với điều đã hiểu rõ, khiến càng thêm sáng tỏ; đối với nghĩa cú sâu xa, dùng phương tiện thiện xảo, dùng tuệ thông đạt ân cần khai thị, năng khiến tri kiến nhanh chóng được thanh tịnh. Đây gọi xứ sở viên mãn thứ năm.

b. Sao gọi là oai nghi viên mãn? Vào ban ngày, kinh hành, tĩnh tọa. Vào đầu đêm cũng lại như vậy. Vào giữa đêm, nằm ngủ nghiêng hông bên phải. Vào cuối đêm, nhanh chóng thức dậy, kinh hành, tĩnh tọa, ngồi kiết già trên những vật dụng nằm ngồi đầy đủ mà chư Phật cho phép, đó là giường dây lớn nhỏ, tòa ngồi bằng cỏ lá... cho đến nói rộng.

Vì nhân duyên gì ngồi kiết già? Vì chánh quán sát có 5 nhân duyên: 1. Do thân được thu nhiếp thúc liễm nhanh chóng phát khởi khinh an, vì oai nghi như vậy thuận lợi cho việc sanh trưởng khinh an rất là thù thắng; 2. Do tĩnh tọa đây có thể trải qua thời gian dài, vì oai nghi như vậy khiến thân không chóng bị mệt mỏi; 3. Do tĩnh tọa đây là pháp không cùng chung, vì oai nghi như vậy ngoại

đạo luận khác đều không có; 4. Do tinh tọa đây hình tướng đoan nghiêm, vì oai nghi như vậy khiến người thấy sanh rất tín kính; 5. Do tinh tọa đây, Phật và đệ tử Phật cùng chấp nhận, vì oai nghi như vậy tất cả Hiền Thánh đồng khen ngợi. Chánh quán sát năm nhân duyên như vậy nên cần phải ngồi kiết già.

Thân đoan nghiêm chánh nguyện. Sao gọi là thân đoan nghiêm? Tức là cố gắng dựng thân lên khiến ngay thẳng. Sao gọi là chánh nguyện? Tức là khiến nơi tâm xa lìa siểm khúc, dối trá, điều hòa, uyển chuyển, chánh trực. Vì cố gắng dựng thân ngay thẳng, nên tâm không bị hôn trầm thụy miên ràng buộc quá nhiều. Vì lìa siểm khúc, dối trá, nên tâm chẳng bị cảnh bên ngoài ràng buộc quá nhiều.

An trụ niệm trái lìa. Sao gọi là an trụ niệm trái lìa? Tức là niệm tương ưng tác ý như lý gọi là niệm trái lìa, vì xả bỏ, trái ngược, xa lìa tất cả phẩm hắc. Lại niệm duyên tướng định làm cảnh gọi là niệm trái lìa, vì loại bỏ đoạn trừ tất cả cảnh sở duyên của bất định địa.

Như vậy gọi là oai nghi viên mãn.

c. *Sao gọi là viễn ly viên mãn?* Có hai dạng: 1.

Thân viễn ly; 2. Tâm viễn ly.

Thân viễn ly: không cùng người tại gia và chúng xuất gia chung sống hỗn tạp, chỉ một mình không bạn lữ. Đây gọi là thân viễn ly.

Tâm viễn ly: xa lìa tất cả sở hữu tác ý nhiễm ô, vô ký, tu tập tất cả tác ý thuộc định địa, tánh thiện năng dẫn phát nghĩa lợi và tác ý gia hạnh tư lương định. Đây gọi là tâm viễn ly.

Như vậy trong đây, hoặc xứ sở viên mãn, hoặc oai nghi viên mãn, hoặc thân viễn ly, hoặc tâm viễn ly được nhiếp chung làm một gọi là viễn ly.

3. Tâm tánh nhất cảnh: Tức là luôn luôn tùy niệm, sở duyên đồng phận, vui thích tương ưng trôi chảy đi đến, vui thích tương ưng không tội, khiến tâm tương tục, gọi là Tam-ma-địa, cũng gọi là tâm thiện tánh nhất cảnh.

Sao gọi là luôn luôn tùy niệm? Do lực tăng thượng của lắng nghe, thọ trì chánh pháp, từ thầy tiếp thu được dạy răn dạy trao khiến các tướng thuộc định địa hiện tiền. Duyên đây làm cảnh, vui thích tương ưng trôi chảy đi đến, vui thích tương ưng không tội, sở hữu chánh niệm thuận theo đó

an trụ triển chuyển.

Sao gọi là sở duyên đồng phận? Là các cảnh giới sở duyên của định địa, chẳng phải một mà rất nhiều chủng chủng phẩm loại. Duyên đây làm cảnh khiến tâm chánh hành, gọi là định. Đây tức gọi là sở duyên đồng phận.

Hỏi: Cảnh sở duyên đây là đồng phận cái gì mà nói là đồng phận?

Đáp: Là phẩm loại tương tự sự sở tri nên gọi là đồng phận. Lại do niệm kia ở nơi cảnh sở duyên, hành không tán loạn không khuyết giảm không gián đoạn, gia hạnh ân trọng không gián đoạn tương ưng vui thích triển chuyển, cho nên gọi là vui thích tương ưng trôi chảy đi đến. Lại do niệm kia ở nơi cảnh sở duyên không bị nhiễm ô, trụ rất an ổn, đạo thuần thực tương ưng vui thích triển chuyển, cho nên gọi là vui thích tương ưng không tội.

Cho nên nói rằng: “Luôn luôn tùy niệm, sở duyên đồng phận, vui thích tương ưng trôi chảy đi đến, vui thích tương ưng không tội, khiến tâm tương tục, gọi là Tam-ma-địa, cũng gọi là tâm thiện tánh nhất cảnh”.

Lại tâm tánh nhất cảnh như vậy hoặc là phẩm

Xa-ma-tha, hoặc là phẩm Tỳ-bát-xá-na. Nếu tâm tánh nhất cảnh ở trong chín chủng tâm trụ, gọi là phẩm Xa-ma-tha. Nếu tâm tánh nhất cảnh ở trong bốn chủng tuệ hành, gọi là phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Chín chủng tâm trụ:

Như có Bí-sô khiến tâm nội trụ, đẳng trụ, an trụ, cận trụ, điều thuận, tịch tĩnh, tối cực tịch tĩnh, chuyên chú nhất hướng, đẳng trì. Như vậy gọi là chín chủng tâm trụ.

Sao gọi là nội trụ? Đó là từ tất cả sở duyên cảnh giới bên ngoài, nhiếp lấy tâm, buộc vào bên trong khiến không tán loạn. Đây là sự buộc tâm trước nhất, khiến an trụ từ bên trong, không hướng ra ngoài mà tán loạn, cho nên gọi là nội trụ.

Sao gọi là đẳng trụ? Đó là trước nhất tâm bị trói buộc đây, vì tánh còn thô trọng, chưa thể khiến an trụ hoàn toàn, an trụ khắp cả. Kế đến, đối với sở duyên cảnh giới đây, nên dùng phương tiện tương tục, phương tiện lắng trong để đoạn trừ, hàng phục nhiều động vi tế, thâm nhiếp khắp cả khiến tâm an trụ. Cho nên gọi là đẳng trụ.

Sao gọi là an trụ? Tuy tâm đây được nội trụ,

đăng trụ như thế, nhưng do lạc mất niệm nên hướng ra ngoài sanh tán loạn, phải xoay lại thu nhiếp, an buộc vào cảnh bên trong, cho nên gọi là an trụ.

Sao gọi là cận trụ? Trước tiên kia phải thân cận an trụ niệm như vậy như vậy... Do niệm đây nên luôn luôn tác ý trụ tâm bên trong, không khiến tâm đây xa lìa mà trụ cảnh bên ngoài. Cho nên gọi là cận trụ.

Sao gọi là điều thuận? Như có chủng chủng tướng khiến tâm tán loạn, đó là các tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc, tướng tham, sân, si và các tướng nam, nữ... nên trước tiên phải nắm giữ các tướng kia, tức là tướng quá hoạn. Do sức tăng thượng của tướng như vậy, nên ở nơi các tướng kia, chiết phục tâm khiến không lưu chuyển tản mạn. Cho nên gọi là điều thuận.

Sao gọi là tịch tĩnh? Đó là có chủng chủng các tầm tư ác như dục, khuể, hại, các tùy phiền não như tham dục cái... khiến tâm bị nhiễu động, nên trước tiên phải nắm giữ các pháp kia, tức là tướng quá hoạn. Do sức tăng thượng của tướng như vậy, ở nơi các tầm tư và các tùy phiền não dừng dứt tâm khiến không lưu chuyển tản mạn.

Cho nên gọi là tịch tĩnh.

Sao gọi là tối cực tịch tĩnh? Do lạc mất chánh niệm nên hai tướng tâm tư ác và tùy phiền não tạm thời hiện khởi. Tùy theo sự sanh khởi của chúng nhưng không nhẫn thọ, nếu tâm liền đoạn diệt, trừ khiển, đuổi bỏ. Cho nên gọi là tối cực tịch tĩnh.

Sao gọi là chuyên chú nhất hướng? Đó là Tam-ma-địa có gia hạnh, có dụng công, không khuyết giảm, không gián đoạn, an trụ tương tục, cho nên gọi là chuyên chú theo một hướng.

Sao gọi là đẳng trì? Vì luôn tu, luôn tập, luôn tu tập nhiều làm nhân duyên, nên được không gia hạnh, không dụng công mà đạo vẫn nhậm vận chuyển. Do nhân duyên đây, tâm Tam-ma-địa không do gia hạnh, không do dụng công mà nhậm vận tương tục, không lưu chuyển tán mạn. Cho nên gọi là đẳng trì.

Nên biết trong đây do 6 chủng lực mới năng thành tựu trọn vẹn chín chủng tâm trụ: 1. Lực lắng nghe; 2. Lực tư duy; 3. Lực nhớ nghĩ; 4. Lực chánh biết; 5. Lực tinh tấn; 6. Lực tu tập xuyên suốt.

Trước tiên do hai lực là lắng nghe và tư duy. Vì lực tăng thượng của luôn lắng nghe, luôn tư duy,

trước tiên khiến tâm an trụ cảnh bên trong và tức ở nơi phương tiện tương tục, phương tiện lắng trong đây an trụ bình đẳng, biến khắp. Trói buộc tâm ở bên trong rồi, do lực nhớ nghĩ luôn luôn tác ý nhiếp buộc tâm khiến không tán loạn, an trụ, cận trụ. Từ đây về sau, do lực chánh biết điều phục, dùng dứt tâm, ở nơi các tướng của các tâm tư ác, các tùy phiền não, không khiến lưu chuyển tán loạn, mà khiến điều thuận tịch tĩnh. Do lực tinh tấn, giả sử hai chủng kia tạm thời hiện hành, thì năng không nhẫn thọ, tâm liền đoạn diệt, trừ khiến, đuổi bỏ, tối cực tịch tĩnh, chuyên chú nhất hướng. Do lực tu tập xuyên suốt, nên đẳng trì thành tựu viên mãn.

Nên biết ở nơi chín chủng tâm trụ như vậy, lại có 4 chủng tác ý: 1. Tác ý vận chuyển có lực khích lệ; 2. Tác ý vận chuyển bị gián đoạn; 3. Tác ý vận chuyển không gián đoạn; 4. Tác ý vận chuyển không dụng công.

Ở trong nội trụ và đẳng trụ có tác ý chuyển vận có lực khích lệ. Ở trong an trụ, cận trụ, điều thuận, tịch tĩnh, tối cực tịch tĩnh có tác ý chuyển vận có gián đoạn. Ở trong chuyên chú nhất hướng

có tác ý chuyển vận không gián đoạn. Ở trong đẳng trì có tác ý chuyển vận không dụng công. Phải biết bốn chủng tác ý như vậy ở trong chín chủng tâm trụ là phẩm Xa-ma-tha.

Lại, người nhờ vào 4 chủng tác ý như vậy đạt được nội tâm Xa-ma-tha đây. Lúc siêng tu tập Tỳ-bát-xá-na, lại tức do bốn chủng tác ý đây mới năng tu tập Tỳ-bát-xá-na, cho nên đây cũng là phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Bốn chủng tuệ hành Tỳ-bát-xá-na:

Như có Bí-sô vì nương nội tâm Xa-ma-tha, nên ở trong các pháp năng chánh tư trạch, tư trạch thắm sâu, tầm tư toàn khắp, quán xét toàn khắp. Đây gọi là bốn chủng Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là năng chánh tư trạch? Hoặc ở nơi cảnh giới sở duyên tịnh hành, hoặc ở nơi cảnh giới sở duyên thiện xảo, hoặc ở nơi cảnh giới sở duyên tịnh hoặc, năng chánh tư duy chọn lựa tận tánh sở hữu.

Sao gọi là tư trạch thắm sâu? Đó là ở nơi các cảnh giới sở duyên kia, tư duy chọn lựa thắm sâu như tánh sở hữu.

Sao gọi là tầm tư toàn khắp? Đó là ở nơi cảnh giới sở duyên kia, do tác ý có phân biệt câu hành với tuệ, nắm giữ tướng trạng của kia, tìm tòi suy xét toàn khắp.

Sao gọi là quán xét toàn khắp? Đó là ở nơi cảnh giới sở duyên kia, tìm tòi suy xét, quán sát tỉ mỉ, quán xét toàn khắp.

Lại, Tỳ-bát-xá-na như vậy có 3 môn, sở duyên 6 sự sai biệt, nên biết đây lại có nhiều loại sai biệt.

Sao gọi là ba môn Tỳ-bát-xá-na? 1. Tỳ-bát-xá-na chỉ hành theo tướng; 2. Tỳ-bát-xá-na hành theo tâm tư; 3. Tỳ-bát-xá-na hành theo quán xét.

Tỳ-bát-xá-na chỉ hành theo tướng tức là ở nơi các pháp được lắng nghe, được thọ trì, hoặc ở nơi các pháp dạy trao dạy răn, do Đẳng dẫn địa tác ý như lý tạm suy nghĩ như thế, nhưng chưa tư duy, chưa suy lường, chưa tìm tòi, chưa quán xét, như vậy gọi là Tỳ-bát-xá-na chỉ hành theo tướng. Lại ở nơi các pháp kia, nếu tư duy, suy lường, tìm tòi, quán xét, bấy giờ gọi là Tỳ-bát-xá-na hành theo tâm tư. Lại ở nơi pháp kia, nếu đã tìm tòi, đã suy xét rồi, như điều đã an lập mà quán xét thẩm định,

như vậy gọi là Tỳ-bát-xá-na hành theo quán xét. Như vậy gọi là ba môn Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt? Lúc tầm tư, tầm tư sáu việc: 1. Nghĩa; 2. Sự; 3. Tướng; 4. Phẩm; 5. Thời; 6. Lý. Nếu đã tầm tư rồi, lại phải quán xét sâu hơn.

Tầm tư nơi nghĩa: là chân chánh tìm tòi tư duy ngôn thuyết như vậy như vậy... tương ứng với nghĩa như vậy như vậy... gọi là tầm tư nơi nghĩa.

Tầm tư nơi sự: là chân chánh tìm tòi tư duy hai sự: việc trong và việc ngoài, gọi là tầm tư nơi sự.

Tầm tư nơi tướng: là chân chánh tìm tòi tư duy hai tướng của các pháp: 1. Tự tướng; 2. Cộng tướng. Đây gọi là tầm tư nơi tướng.

Tầm tư nơi phẩm: là chân chánh tìm tòi tư duy hai phẩm của các pháp: 1. Phẩm hắc; 2. Phẩm bạch. Tìm tòi tư duy quá thất, quá hoạn của phẩm hắc. Tìm tòi tư duy công đức, lợi ích thù thắng của phẩm bạch. Đây gọi là tầm tư nơi phẩm.

Tầm tư nơi thời: là chân chánh tìm tòi tư duy ba thời: quá khứ, vị lai, hiện tại. Tìm tòi tư duy việc từng ở đời quá khứ như thế, tìm tòi tư duy việc sẽ ở

đời vị lai như thế, tìm tòi tư duy việc đang ở đời hiện tại như thế. Đây gọi là tâm tư nơi thời.

Tâm tư nơi lý: là chân chánh tìm tòi tư duy bốn loại đạo lý: 1. Quán đái đạo lý; 2. Tác dụng đạo lý; 3. Chứng thành đạo lý; 4. Pháp nhĩ đạo lý.

Phải biết trong đây do quán đái đạo lý, tìm tòi tư duy thế tục cho là thế tục, tìm tòi tư duy thắng nghĩa cho là thắng nghĩa, tìm tòi tư duy nhân duyên cho là nhân duyên.

Do tác dụng đạo lý, tìm tòi tư duy sở hữu tác dụng của các pháp, đó là pháp như vậy như vậy có tác dụng như vậy như vậy.

Do chứng thành đạo lý, tìm tòi tư duy ba lượng: 1. Chí giáo lượng; 2. Tỷ độ lượng; 3. Hiện chứng lượng. Tức là chân chánh tìm tòi tư duy nghĩa như vậy như vậy là có chí giáo chẳng, là so sánh đo lường chẳng, là hiện chứng có thể được chẳng?

Do pháp nhĩ đạo lý, ở nơi các pháp như thật, pháp tánh thành lập, pháp tánh khó nghĩ bàn, pháp tánh an trụ, nên sanh tin hiểu, không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt. Như vậy gọi là tâm tư nơi lý.

Như vậy, Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai

biệt đây và ba môn Tỳ-bát-xá-na ở trước tóm lược thân nhiếp hết thảy Tỳ-bát-xá-na.

Hỏi: Vì nhân duyên gì kiến lập sáu sự sai biệt Tỳ-bát-xá-na như thế?

Đáp: Vì nương ba loại hiểu biết nên kiến lập như vậy. Những gì là ba loại hiểu biết? 1. Hiểu biết ngữ nghĩa; 2. Hiểu biết biên tế của sự; 3. Hiểu biết như thật. Vì tâm tư nghĩa, nên sanh khởi hiểu biết ngữ nghĩa. Vì tâm tư sự và vì tâm tư tự tướng, nên sanh khởi hiểu biết biên tế của sự. Vì tâm tư lý, tâm tư phẩm, tâm tư thời, tâm tư cộng tướng, nên sanh khởi hiểu biết như thật.

Vị thầy tu Du-già chỉ có cảnh giới sở tri của chỗ như thế, đó là: ngữ nghĩa, sự việc sở tri, tận tánh sở hữu, như tánh sở hữu.

Quán bất tịnh:

Sao gọi là người siêng tu quán bất tịnh, tâm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt? Đó là nương chánh pháp về sự bất tịnh tăng thượng, lực lắng nghe thọ trì tăng thượng, do Đẳng dẫn địa tác ý như lý, hiểu rõ nghĩa lý, biết bất tịnh đây thật là bất tịnh nên sanh nhàm chán, trái nghịch. Tánh

của kia mục nát, dơ uest, xấu ác, sanh mùi tanh hôi. Chúng chủng hành tướng như thế do trước kia đã từng nghe thuyết chánh pháp về các sự bất tịnh, nên hiểu rõ nghĩa kia. Như vậy gọi là tầm tư nghĩa bất tịnh.

Sao gọi là tầm tư sự bất tịnh? Vị kia đã hiểu rõ nghĩa như vậy, kể đến quán vật bất tịnh, kiến lập hai phần: bên trong và bên ngoài. Như vậy gọi là tầm tư sự bất tịnh.

Sao gọi là tầm tư tự tướng bất tịnh? Ở nơi các thứ mục nát dơ uest bất tịnh trong thân mà phát khởi thắng giải, biết rõ trong thân có tóc, lông... nói rộng cho đến não, tủy, tiểu tiện... Lại ở trong thân có nhiều thứ bất tịnh như vậy, tóm nhiếp làm hai giới: địa giới và thủy giới, mà phát khởi thắng giải. Bắt đầu từ tóc, lông... cho đến đại tiện, phát khởi thắng giải địa giới. Bắt đầu từ giọt mồ hôi, nước mắt... cho đến tiểu tiện, phát khởi thắng giải thủy giới. Như vậy gọi là nương bất tịnh bên trong để tầm tư tự tướng.

Lại đối với các vật bất tịnh bên ngoài, phát khởi thắng giải về chủng chủng hành tướng như xanh bầm, máu ứ... Đó là trước tiên phát khởi thắng

giải về tướng xanh bầm, hoặc tự mình thấy, hoặc nghe từ người khác, hoặc do phân biệt các dạng tử thi khác nhau. Các dạng tử thi như vậy, hoặc nam, hoặc nữ, hoặc chẳng phải nam nữ, hoặc thân, hoặc oán, hoặc không thân oán, hoặc yếu kém, hoặc trung bình, hoặc tốt đẹp, hoặc thiếu niên, hoặc trung niên, hoặc lão niên... Năm giữ tướng kia rồi, nếu thấy tử thi dây chết trải qua một ngày, máu huyết ngừng chạy nhưng chưa thối rửa, thì liền phát khởi thắng giải xanh bầm, máu ứ. Nếu thấy tử thi dây chết đã trải qua hai ngày, đã bị ứ mũ mềm thối nhưng chưa sanh trùng giòi, liền phát khởi thắng giải thối rửa. Nếu tử thi dây chết đã trải qua bảy ngày, đã sanh trùng giòi, thân thể bị hủy hoại, liền phát khởi thắng giải thối rửa phân rã, thắng giải trương sinh. Nếu tử thi dây bị chồn, sói, chó đói, các loài chim dữ ăn thịt, liền phát khởi thắng giải cắn xé ăn nuốt. Tử thi dây đã bị ăn thịt, da thịt máu huyết khô sạch, chỉ còn gân bọc lấy xương, liền phát khởi thắng giải biến hoại tro xương. Nếu tử thi dây bị xé xác ăn thịt, các chi phân lìa nhau, phân tán khắp nơi, hoặc nơi có thịt, hoặc nơi không còn thịt, hoặc nơi còn sót ít thịt,

liền phát khởi thắng giải bị phân tán. Nếu tử thi đây các đốt xương phân tán khắp nơi, xương tay ở chỗ khác, xương chân ở chỗ khác, xương đầu gối chỗ khác, xương đùi chỗ khác, xương ống quyển chỗ khác, xương vai chỗ khác, xương cánh tay chỗ khác, xương khủy tay chỗ khác, xương sống chỗ khác, xương sườn chỗ khác, cằm, răng, tóc, đầu lâu ở chỗ khác... thấy việc đây rồi, phát khởi thắng giải về sự phân tán của xương. Nếu tiếp tục tư duy xương cốt như thế, chỉ nắm lấy tướng thô, không thuận theo tướng tế, nắm giữ chi tiết từng phần. Như vậy bấy giờ phát khởi thắng giải móc nối liền nhau. Nếu tư duy tướng tế, nắm giữ chi tiết từng phần. Bấy giờ phát khởi thắng giải xương móc nối liền nhau.

Có hai loại móc nối: 1. Móc nối hình thể; 2. Móc nối chi tiết. Móc nối hình thể: tức là từ máu huyết móc nối với xương sống, cho đến nối tiếp với chỗ trụ của đầu lâu. Móc nối chi tiết: tức là từ xương cánh tay nối liền với xương tay... Nếu móc nối hình thể gọi là móc nối. Nếu móc nối chi tiết gọi là móc nối xương.

Lại có hai cách nắm lấy tướng móc nối xương:

1. Nắm lấy tướng móc nối xương giả danh do tranh vẽ, cây, đá, bùn tạo ra; 2. Nắm lấy tướng móc nối xương liền nhau thật sự. Nếu lúc tư duy tướng móc nối xương giả danh, bấy giờ chỉ gọi là thắng giải móc nối, không gọi là móc nối xương. Nếu lúc tư duy tướng móc nối xương liền nhau thật sự, bấy giờ mới được gọi là móc nối xương.

Lại tức sắc tướng của sắc bên ngoài tạo đây có 3 chủng biến hoại. 1. Tự nhiên biến hoại; 2. Bị kẻ khác làm biến hoại; 3. Gồm cả hai loại biến hoại. Bắt đầu từ xanh bầm, máu ứ cho đến trương sinh lên, đây là tự nhiên biến hoại. Bắt đầu từ lúc cắn xé ăn nuốt cho đến bị phân tán, đây là biến hoại do kẻ khác gây ra. Từ xương, hoặc móc nối và móc nối xương, đây gồm cả hai loại biến hoại. Nếu có thể như thật biết rõ tướng bất tịnh bên ngoài như vậy, gọi là tầm tư các sở hữu tự tướng bất tịnh bên ngoài.

Sao gọi là tầm tư cộng tướng bất tịnh? Hoặc ở nội thân, sắc tướng tịnh bên ngoài chưa bị biến hoại. Hoặc ở ngoại thân, sắc tướng bất tịnh đã bị biến hoại. Do sắc tướng bất tịnh trong thân, pháp tánh bình đẳng, pháp tánh tương tự, nên năng tự rõ biết sắc tướng tịnh của mình cũng có pháp tánh

đồng với kia như vậy mà phát khởi thắng giải. Nếu các hữu tình thành tựu sắc tướng tịnh như vậy, thì sắc tướng tịnh kia cũng có pháp tánh đồng với kia như vậy, thí như sắc tướng bất tịnh bên ngoài. Đây gọi là tâm tư cộng tướng bất tịnh.

Sao gọi là tâm tư phẩm của bất tịnh? Khởi suy nghĩ như vậy: “Nếu ta ở nơi pháp tánh bất tịnh của các sắc tướng tịnh mà không như thật biết, thì đối với các sắc tướng tịnh bên trong bên ngoài bèn phát khởi tâm tham dục, liền là điên đảo, liền nhiếp thuộc phẩm hắc là pháp có tranh cãi, có khổ, có hại, có các tai họa, có thiếu não khắp. Do nhân duyên đây, phát khởi sanh, già, bệnh, chết, sầu, thán, khổ, ưu, não... chủng chủng phiền não quá nhiều đương lai. Nếu ta ở nơi pháp tánh bất tịnh của các sắc tướng tịnh kia, như thật tùy quán, bèn không điên đảo, liền nhiếp thuộc phẩm bạch là pháp không tranh cãi, không khổ, không hại, nói rộng cho đến do nhân duyên đây năng đoạn diệt sanh, lão, bệnh, tử... cho đến phiền não quá nhiều đương lai. Ta nay đối với các phẩm hắc kia chẳng nên nhẫn thọ mà nên trừ diệt. Ta nay đối với các phẩm bạch kia, chưa sanh khiến sanh, đã

sanh khiến trụ, khiến tăng trưởng rộng lớn”. Như vậy gọi là tâm tư phẩm bất tịnh.

Sao gọi là tâm tư thời của bất tịnh? Khởi suy nghĩ như vậy: “Hoặc sở hữu các sắc tướng tịnh bên trong, ở đời hiện tại; hoặc sở hữu các sắc tướng bất tịnh bên ngoài, cũng ở đời hiện tại. Nơi đời quá khứ, kia từng có sắc tướng tịnh. Sắc kia ở đời quá khứ tuy có tướng tịnh, nhưng hiện đời lại có thứ lớp chủng chủng bất tịnh. Nơi đời hiện tại, ta có sắc tướng tự như tịnh. Sắc tướng tịnh đây, ở đời hiện tại tuy có sắc tướng tịnh, mà ở đời vị lai không phải bất tịnh như sắc tướng bất tịnh bên ngoài ở đời hiện tại, thì thật không có điều ấy. Sắc thân của ta đây, ở đời quá khứ, vị lai, hiện tại từng có tướng như vậy, sẽ có tướng như vậy, hiện có tướng như vậy, không vượt quá pháp tánh bất tịnh như vậy”. Như vậy gọi là tâm tư thời của bất tịnh.

Sao gọi là tâm tư lý của bất tịnh? Khởi nghĩ như vậy: “Hoặc trong, hoặc ngoài, đều không có ngã, hữu tình khá được. Hoặc nói là tịnh, hoặc nói là bất tịnh, chỉ có sắc tướng, chỉ có thân hình, ở trong giả tướng thì thiết lập ra ngôn luận gọi đó là tịnh, là bất tịnh”. Lại như nói rằng: “Hơi ấm, thọ

mạng và thức. Nếu khi xả bỏ thân này, lìa khỏi sự giữ gìn của hơi ấm và thức, nằm trơ ra như khúc cây. Sau khi chết, dần dần biến hoại, phân chia rời rạc, có thể biết đó là từ xanh bầm, máu ứ, cho đến móc nối xương, thì sẽ không còn chỗ dựa để suy nghĩ nương ở. Nay thân của ta đây, trước là do nghiệp phiền não dẫn dắt, do sự bất tịnh của cha mẹ hòa hợp mà sanh ra, lại nhờ thức ăn cháo cơm nuôi lớn. Vì nhân đây, duyên đây, có thể biết tạm thời có các sắc tướng tợ như tịnh, mà ở nơi thân hoặc trong hoặc ngoài, ở mọi lúc, chủng chủng bất tịnh thấy đều đầy đủ”. Như vậy gọi là nương thặng nghĩa thế tục và dùng nhân duyên quán đảnh đạo lý để tầm tư lý của bất tịnh.

Lại khởi nghĩ như vậy: “Đối với bất tịnh đây nếu năng khéo tu, khéo tập, khéo tu tập nhiều thì có thể đoạn trừ tâm tham dục. Tham dục như vậy nhất định phải đoạn”. Như vậy gọi là nương tác dụng đạo lý để tầm tư lý của bất tịnh.

Lại khởi nghĩ như vậy: “Như Đức Thế Tôn đã thuyết, nếu đối với bất tịnh khéo tu, khéo tập, khéo tu tập nhiều, thì năng đoạn trừ tham dục”. Đây là chí giáo lượng. “Chính ta ở hiện tại cũng tự

có thể thấy các bất tịnh ở bên trong, như như tác ý tư duy tu tập, như vậy như vậy khiến tham dục triền chưa sanh chẳng thể sanh, đã sanh liền được dứt trừ”. Đây là hiện chứng lượng. Pháp tử độ lượng cũng có thể hiển được, đó là khởi nghĩ này: “Nay ta phải tác ý tư duy pháp nào năng đối trị sở duyên cảnh giới phiền não đang sanh?”. Như vậy gọi là nương chứng thành đạo lý để tầm tư lý bất tịnh.

Lại khởi nghĩ như vậy: “Các pháp như vậy, pháp tánh thành lập, pháp tánh khó nghĩ bàn, pháp tánh an trụ. Đó là tu bất tịnh năng đối trị đoạn dứt tham dục như vậy, không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt, chỉ nên tin hiểu”. Như vậy gọi là nương pháp nhĩ đạo lý để tầm tư lý bất tịnh.

Như vậy gọi là người siêng tu quán bất tịnh, tầm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt.

Quán từ mãn:

Sao gọi là hành giả siêng tu quán từ mãn, tầm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt? Đó là vì nương chánh pháp về sự từ mãn tăng thượng, vì lực lắng nghe thọ trì tăng thượng, ý vui muốn đem

lại lợi ích an lạc, tác ý cho vui đối với tất cả hữu tình mà phát khởi thắng giải. Đây là tướng từ mãn. Nếu năng hiểu rõ nghĩa như vậy, gọi là tâm tư nghĩa từ mãn... do vì muốn cho lợi ích an lạc vui lòng đối với các hữu tình, tác ý cho vui phát khởi thắng giải.

Vị kia đã hiểu rõ nghĩa như vậy, lại có thể tư trạch đây là phẩm thân, đây là phẩm oán, đây là phẩm không oán không thân. Tất cả phẩm như vậy đều là đối tượng để tâm từ mãn tương tục nhiếp lấy, nên đối với bên trong, phát khởi thắng giải đối với sự việc bên ngoài. Lại đối với phẩm thân gọi là sự việc bên trong, phẩm oán và không oán thân gọi là sự việc bên ngoài. Như vậy gọi là tâm tư sự của từ mãn.

Lại năng tư trạch: “Ba phẩm như thế, nếu người không khổ vui muốn cầu an vui, nguyện cho kẻ kia được vui. Nay ở trong đây, tướng có nhiều ích gọi là phẩm thân, tướng không nhiều ích gọi là phẩm oán, tướng trái với cả hai gọi là phẩm không oán thân. Ba phẩm như vậy, nếu người không khổ vui muốn cầu an vui, lược có ba chủng tâm muốn cầu an vui sai khác khả đắc: 1. Muốn cầu các sự vui

Dục giới; 2. Muốn cầu các lạc có hỷ mạnh mẽ của Sắc giới; 3. Muốn cầu các lạc ly hỷ. Như vậy nếu người ở nơi chủng thứ nhất mà bị thiếu thốn, nguyện người kia đều được sự vui muốn không tội. Nếu người ở nơi chủng thứ hai và thứ ba mà bị thiếu thốn, nên biết cũng vậy”. Đây gọi là tầm tư tự tướng của từ mẫn.

Lại tư trạch sâu: “Hoặc đối với phẩm thân, hoặc đối với phẩm oán, hoặc đối với phẩm không oán thân, ta đối với các phẩm đây đều phát khởi tâm tánh bình đẳng, tâm tánh giống nhau. Vì có sao? Nếu ta tác ý cho phẩm thân sự vui thì chưa phải là khó. Nếu ta tác ý cho vui đối với phẩm không oán thân thì cũng chưa khó lắm. Nếu ta tác ý cho vui đối với phẩm oán, đây mới thật là khó. Ta nay còn phải tác ý nguyện cho vui đối với phẩm oán, hướng chi phẩm thân và phẩm không oán thân mà không cho vui sao! Vì có sao? Vì trong đây đều không có người mắng cùng người bị mắng, không có người sân cùng người bị sân, không có người khinh thường cùng người bị khinh thường, không có người đánh cùng người bị đánh, mà chỉ có âm thanh, chỉ có danh tự.

Lại thân ta đây do các sắc thô trọng từ bốn đại tạo thành, từ đó mà sanh khởi. Tùy theo nơi sinh sống, bèn bị các xúc bức não. Lược có hai loại xúc: một là xúc của âm thanh; hai là xúc của hết thấy các thứ như tay chân, dao gậy, gạch đá... Thân và xúc đều vô thường, người gây tạo việc không nhiều ích như vậy cũng là vô thường.

Lại, tất cả loài hữu tình đều có các pháp sanh, lão, bệnh, tử. Bản tánh pháp đây vốn là khổ, ta chẳng nên ở nơi các loại hữu tình có khổ trên lại tăng thêm khổ mà không cho vui. Lại cũng chẳng nên không xem người oán là Thiệt tri thức, chẳng nên không thâm nhiếp tất cả loài hữu tình lấy làm thân thể của mình...

Lại, Thế Tôn nói rằng: “Ta không xem thấy chủng loại hữu tình như vậy khả đắc. Đó là từ vô thủy đến nay, trải qua sanh tử trường thời lưu chuyển mà không xoay vần qua lại làm cha mẹ, hoặc làm anh em, hoặc làm chị em, hoặc làm Quý phạm sư, hoặc làm Thân giáo sư, hoặc làm các bậc tôn quý, hoặc làm các bậc đồng đẳng tôn quý khác ư?”. Do nhân duyên đây, tất cả phẩm oán đều chẳng phải là phẩm thân của ta sao? Lại phẩm oán, phẩm

thân đều không nhất định chân thật. Vì có sao? Vì phẩm thân có lúc chuyển thành phẩm oán, phẩm oán có lúc chuyển thành phẩm thân, cho nên tất cả đều không nhất định. Vì thế nay ta nên đối với tất cả loại hữu tình đều phải phát khởi tâm tánh bình đẳng, phát khởi thấy tánh bình đẳng và phát khởi vui muốn đem lại ý vui lợi ích, ý vui an lạc và thắng giải cho vui giống nhau”. Đây gọi là tâm tư cộng tướng từ mẫn...

Lại tư trạch sâu: “Nếu ta đối với hữu tình kia không làm nhiều ích mà lại phát sanh sân khuể, thì liền là điên đảo, liền nhiếp thuộc phẩm hắc, là pháp có tranh cãi... như trước nói rộng. Nếu ta đối với kia chẳng khởi sân khuể, liền không điên đảo, liền nhiếp thuộc phẩm bạch, là pháp không tranh cãi... như trước nói rộng”. Như vậy gọi là tâm tư phẩm hắc, phẩm bạch của từ mẫn.

Lại tư trạch sâu: “Các loài hữu tình ở đời quá khứ cầu muốn được an vui, điều đó đã trở thành quá khứ, ta làm sao năng cho họ sự vui được? Nay các loài hữu tình ở đời hiện tại, nguyện cầu cho họ tận đời vị lại ở tất cả thời thường thọ khoái lạc”. Đây gọi là tâm tư các thời của từ mẫn.

Lại tư trạch sâu: “Trong đây đều không có ngã và hữu tình, hoặc người cầu vui, hoặc người cho vui. Chỉ có các uẩn, chỉ có các hành, ở trong giả tưởng thiết lập ngôn luận đây là người cầu vui, đây là người cho vui. Lại các hành kia lấy nghiệp phiền não... làm nhân duyên”. Như vậy gọi là nương quán đái đạo lý để tầm tư từ mẫn. Nếu khéo tu, khéo tập, khéo tu tập nhiều về từ mẫn, năng đoạn trừ sân khuể. Như vậy gọi là nương tác dụng đạo lý tầm tư từ mẫn. Nghĩa như vậy có chí giáo lượng, tri kiến bên trong của ta hiện tại triển chuyển có được. Pháp tử độ lượng cũng có được. Như vậy gọi là nương chứng thành đạo lý để tầm tư từ mẫn.

Lại tức pháp đây, pháp tánh thành lập, pháp tánh khó nghĩ bàn, pháp tánh an trụ, đó là tu từ mẫn năng đoạn sân khuể. Không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt, chỉ nên tin hiểu, nên sanh thẳng giải. Như thế gọi là nương pháp nhĩ đạo lý tầm tư từ mẫn.

Đây gọi là người siêng tu quán từ mẫn, tầm tư Tỳ-bát-xá-na sở duyên sáu sự sai biệt.

